PHƯƠNG PHÁP SOẠN BÀI GIẢNG

(PHẦN I)

Harold E. Knott

Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam

Phương Pháp Soạn Bài Giảng (I)

Ấn bản 2007

Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam giữ bản quyền

Mục Lục

Lời Tựa 5

Dẫn Nhập 7

1. Bài Giảng: Định Nghĩa và Chủ Đích 9

2. Bố Cục Bài Giảng 17

3. Đề Tài 34

4. Câu Gốc 57

5. Nhập Đề 77

6. Các Phần Chính 95

7. Kết Luận 121

8. Các Loại Bài Giảng 128

9. Sưu Tập Tài Liệu 145

Tựa

Quyển sách này bắt nguồn từ điều mà tác giả xem là một nhu cầu đích thực. Trong những năm gần đây, một số sách về tuyên đạo pháp đã được xuất bản, nhưng phần lớn của các sách đều mang tính chất thảo luận tổng quát về chủ đề. Nhiều người muốn tìm sự trợ giúp trong việc soạn bài giảng đã không tìm được gì, trừ khi họ phải nhờ vào các tác phẩm về thuật tuyên đạo.

Chủ đích của quyển sách này là đưa ra một phương pháp tiếp cận vắn tắt, hữu ích, mang tính khoa học nhằm xây dựng một bài giảng theo các nguyên tắc tuyên đạo thích đáng.

Các câu hỏi đặt ra ở cuối mỗi chương sách nhằm gợi ý cho các nhóm nghiên cứu và các lớp huấn luyện đem ra thảo luận với nhau. Mong rằng quyển sách này sẽ đáp ứng nhu cầu đã được mong đợi từ lâu.

Dẫn Nhập

Chẳng có gì thay thế được công tác truyền đạo trong sinh hoạt và trong sự tăng trưởng của Hội Thánh. Điều vẫn luôn luôn được nghiệm đúng, ấy là Đức Chúa Trời phải cứu rỗi thế gian này bằng "lời truyền giảng khờ dại." Lời khuyên của nhà truyền đạo vĩ đại nhất cho đứa con trai của ông trong Phúc-âm, phải được chúng ta ngày nay noi theo, nếu chúng ta muốn thực hiện sứ mạng "Hãy giảng đạo mà Chúa đã ủy thác".

Có một điểm đáng lưu ý trong thời đại ngày nay, đó là khi biết bao người đang hoang mang với nhiều điều của lời mặc khải, thì không hề có một nhà truyền đạo nổi tiếng nào lại không có thính giả. Các nhà thờ của những người biết phương pháp đưa Lời sự sống đến với tấm lòng và lương tâm một cách có quyền, đều đầy ắp đến tận các cửa ra vào.

Từ lâu, chúng ta rất cần một phương pháp vắn tắt, rõ ràng, đề cập các nguyên tắc căn bản để soạn một bài giảng. Có một số nguyên tắc quan trọng luôn luôn phải được xem là cơ bản cho công tác truyền giảng đích thực; ta không thể bỏ qua chúng mà khỏi bị mất nhiều quyền năng. Trên các kệ sách của chúng ta cũng có một số tác phẩm tuyên đạo pháp rất hay, trang điểm cho phần lớn chúng là nghệ thuật truyền giảng và những điều mà một người

bình thường phải biết, nhưng có khi được đề cập một cách hết sức tóm tắc. Nếu có ai có thì giờ và thiên hướng, người ấy sẽ tìm thấy trong tác phẩm "The Theory of Preaching" của tiến sĩ Phelps, một phần thảo luận ưu việt về "phương pháp" xây dựng một bài giảng. Nhưng ít người nào chịu vất vả đọc mấy trăm trang sách của một nổ lực đầy kiến thức ấy để góp nhặt những phần cốt lõi mình cần có.

Trong tác phẩm này, giáo sư Knott đã đưa ra điều hãy còn thiếu từ lâu nay. Ở đây bằng một hình thức có thể dễ dàng tiếp thu, là những nguyên tắc cơ bản để soạn một bài giảng thật đúng đắn. Qúy vị trưởng lão và chấp sự, các vị truyền đạo không thiên chức, các cán bộ năng nổ thêm vào đó là các sinh viên cao đẳng sẽ nhận thấy quyển sách này đáp ứng đúng nhu cầu của mình. Kinh nghiệm phong phú của giáo sư Knott tại trường cao đẳng Thánh Kinh Glen Iris ở Melbourne, Úc châu, và nhiều năm tại Eugene, Ore, trong việc giảng dạy cho các thanh niên phương pháp tốt nhất để sắp xếp các sứ điệp của họ hầu chinh phục được nhiều người cho Chúa Cứu Thế, và để gây dựng cho những người đã là Cơ-Đốc nhân, khiến ông có đầy đủ phẩm cách để nói cách có thẩm quyền về đề tài luôn luôn mới và hứng thú này.

Jesse R. Kellems

Chương 1

BÀI GIẢNG
ĐỊNH NGHĨA VÀ CHỦ ĐÍCH

Từ ngữ "bài giảng" (tiếng Anh: sermon) của chúng ta do từ ngữ La-tinh *sermon* mà ra, có nghĩa là "thuyết giảng" (discourse). Theo nghĩa hiện đại, từ này được dùng chỉ bài thuyết giảng có tính cách nghi thức, một phần của buổi thờ phượng trong nhà thờ. Vinet từng định nghĩa nó là "một bài thuyết giảng kết hợp với buổi thờ phượng công cộng, nhằm.... đưa người chưa tin đến với chân lý Cơ-Đốc giáo, và giải thích, ứng dụng nó cho những ai đã tin nhận rồi."

Nghệ thuật soạn thảo và trình bày các bài giảng đã trở thành một ngành nghiên cứu trong thần học, được biết dưới cái tên là tuyên đạo pháp (Homiletics). Phương diện này của công tác huấn luyện mục vụ đã được nêu lên cách trang trọng là "khoa học dạy các nguyên tắc căn bản để thuyết giảng trước công chúng, được áp dụng vào việc công bố và dạy chân lý của Đức Chúa Trời trong những buổi họp thường xuyên nhằm mục đích thờ phượng của Cơ-Đốc giáo." Thế thì, bài giảng ám chỉ phần

thuyết giảng chính thức được công bố trong liên hệ với các buổi họp tôn giáo, còn giáo trình chủng viện nhằm đào tạo người trong nghệ thuật soạn và trình bày các bài giảng thì được gọi là việc nghiên cứu học hỏi tuyên đạo pháp.

Có lẽ câu định nghĩa bao quát và ngắn gọn, đầy đủ nhất cho bài giảng từng được công bố, là của tiến sĩ Phelps trong tác phẩm của ông nhan đề "The Theory of Preaching", trong đó ông đã dành hai chương cho việc định nghĩa và thảo luận về nó. Ông định nghĩa nó là "một bài thuyết giảng (miệng) cho quảng đại quần chúng về chân lý tôn giáo, theo trong Kinh Thánh, được gọt dũa trau chuốt nhằm thuyết phục".

Theo định nghĩa này, thì bài giảng là một bài thuyết giảng "cho quảng đại quần chúng", do đó, khác với một bài diễn văn, có thể có đặc tính kỹ thuật chớ không có tính cách quảng đại, và đặt nó vào một loại khác với một cuộc thảo luận về một giai đoạn nào đó của tư tưởng tôn giáo, điều mà chỉ có thể một số ít người hiểu được mà thôi. Biết bao người đã thất bại ngay tại đây khi đem một bài diễn thuyết thay thế cho một bài giảng mà không ý thức được rằng tòa giảng không thể chu toàn chức năng của một bài diễn thuyết.

Nó cũng đề cập "chân lý tôn giáo." Những bài diễn thuyết, diễn văn (discouses) về các lý tưởng công dân, thảo luận tiểu sử, và nhiều luận đề cùng

loại có thể rất lý thú và cũng bổ ích như một buổi hòa nhạc, làm hưng phấn tinh thần, nhưng theo đúng nghĩa của từ thì chúng không phải là những bài giảng. Chúng không đem đến cho những người đang thờ phượng đúng điều mà họ đang trông chờ một cách phải lẽ từ tòa giảng.

Hơn nữa, nó phải là chân lý "theo Kinh Thánh." Có rất nhiều phương cách lý thú để tiếp cận tôn giáo, trong đó, theo quan điểm triết học thì lãnh vực này có thể đem lại nhiều điều thích thú cho người có tâm trí phân tích sắc bén. Nhưng một cuộc thảo luận theo các chiều hướng như thế vốn thuộc lãnh vực suy lý, chớ không phải là về chân lý trong "Kinh điển." Việc không nhận thấy điểm khác nhau giữa chân lý Kinh Thánh và ý kiến con người là một trong những tội ác gây đổ vỡ tệ hại nhất trong lịch sử Hội Thánh. Lần rạn nứt quan trọng đầu tiên của Hội Thánh nảy sinh từ việc suy lý triết học. Cùng một khuynh hướng muốn định nghĩa điều không thể định nghĩa được, hay thử nghiệm một mối giao hảo (fellowshipsm) của điều không được bày tỏ rõ ràng, đã dẫn tới phần lớn những chia rẽ trong Giáo hội Kháng Cách hiện đại. Trong những điều cơ bản của Phúc-Âm, thật lý thú khi lưu ý đến phương pháp của chúa Giê-xu, như điều có thể được minh họa trong cách đối phó với vấn đề tội lỗi. Nguồn gốc của tội lỗi hay điều ác luôn luôn là một luận đề hấp dẫn, thế nhưng Chúa Giê-xu đã không hề thảo luận một lý thuyết nào liên hệ đến nó. Khi nào Ngài đề

cập đến tội lỗi, thì bao giờ Ngài cũng thừa nhận đó là một sự kiện, rồi chỉ nói về phương thuốc để chữa trị nó. Chúng ta chắc chắn sẽ đến gần nhất với phương pháp của Chúa Giê-xu và chu toàn hoàn hảo chức năng của tòa giảng, khi nào chúng ta bám sát vào các sự kiện, "chân lý trong Kinh Thánh".

Chân lý này phải được "gọt dũa trau chuốt." Một bài nói chuyện ngắn cho một buổi họp của thanh niên hay một buổi nhóm cầu nguyện có thể là về chân lý trong Kinh Thánh, nhưng vì thì giờ quá ngắn nó có thể không phải là một bài giảng. Muốn tăng phẩm giá để đặt cho nó cái tên ấy, phải có sự nghiên cứu, thảo luận sâu rộng về đề tài ấy. Câu "gọt dũa trau chuốt" lẽ dĩ nhiên, chỉ là một diễn đạt tương đối. Muốn đáp ứng đòi hỏi này thì xưa kia phải dành ra một giờ hoặc một giờ rưỡi, trong khi ngày nay, cùng một câu phát biểu ấy có thể chỉ áp dụng cho hai mươi phút hoặc nữa giờ; ngay cả ở điểm này, ý kiến và sự thực hành chiếm ưu thế vẫn bị phó mặc cho sự may rủi . Trước đây ít lâu, một số các nhà truyền đạo đã họp nhau lại trong một thành phố tại Hoa Kỳ để thảo luận về vấn đề số thì giờ phải dành cho một bài giảng. Họ đã đi đến kết luận rằng có thể thu hoạch được kết quả tốt nhất bằng cách giảng khoảng hai mươi ba phút. Phần lớn các nhà truyền đạo đều biết rằng, dầu sao thì công việc soạn bài giảng cũng có khuynh hướng bị rút ngắn lại. Ở đây còn có một vấn đề tâm lý chen vào nữa. Nhiều người trong đám hội chúng trung bình không

quen với việc tập trung tư tưởng trong những giai đoạn kéo dài, và nếu bài giảng lý thú, thì sự căng thẳng sẽ gây ra mệt nhọc, nhiều người sẽ lâm vào tình trạng này sau khoảng 20 phút. Khi diễn giả là một người lạ hay một nhân vật đặt biệt, tình trạng này có thể không xãy ra, nhưng với vị mục sư không phải là thiên tài, giảng cho cùng một số người ấy nghe mỗi Chúa nhật, thì đặc điểm công tác của ông ta phải nhạy cảm và cả sự khoan dung nữa.

Phần cuối cùng định nghĩa của tiến sĩ Phelps dẫn chúng ta đến với chủ đích của bài giảng. Nó phải là "nhằm thuyết phục." Về quan điểm chủ đích của bài thuyết giảng, Vinet còn "dứt khoát" và "cụ thể" hơn nữa. Ông bảo rằng đó là dẫn đến với chân lý Cơ-Đốc giáo những người không tin đạo, và nhằm giải thích, ứng dụng cho những ai đã tin nhận "đạo." Điều này khớp đúng với chủ đích truyền giảng của Chúa Giê-xu đã dạy khi Ngài sai phái các môn đệ và bảo rằng "Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhơn danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi. ***Và nầy, Ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế"*** (Mat 28:19, 20). Dễ dàng để nhận thấy có hai nhóm người trong Hội Thánh Chúa, những người đã là tín hữu và những người chỉ là thân hữu, là số người cấu thành hội chúng hiện đại. Nhiều nhà truyền đạo đã dùng thì giờ nhóm lại thờ phượng Chúa vào buổi sáng để giảng dạy cho các Cơ-Đốc nhân, còn giờ

nhóm lại buổi tối tập chú nhiều hơn vào việc dẫn đưa các thân hữu đến chỗ tiếp nhận các chân lý của Cơ-Đốc giáo giáo, hầu cùng đứng một phía với những người đang theo Chúa Cứu Thế. Kế hoạch này đã có giá trị rất cao, cho cả nhà truyền đạo và cho cả hội chúng. Nó giúp làm sáng tỏ mục tiêu giảng dạy của ông ta, và giúp ông có thể truyền đạt mỗi lần cho một cử tọa nhất định. Nếu không có một vài phưuong pháp như thế, lời kêu gọi người ta đến dự nhóm cả hai buổi vào Chúa nhật sẽ bị yếu đi rất nhiều và lẽ dĩ nhiên là buổi nhóm tối sẽ rất vắng vẽ. Tuy nhiên, nếu hội chúng hiểu rằng buổi nhóm tối có một chủ đích khác hẳn buổi nhóm ban sáng, và nhằm hướng dẫn đặt biệt những người khác quyết định ăn năn tin nhận Chúa Cứu Thế, họ có thể được thúc giục để hành động nhằm vào cứu cánh ấy và người ta có thể trông mong họ đến nhóm để chứng tỏ tinh thần cộng tác của mình. Mục tiêu của việc giảng dạy theo Kinh Thánh phù hợp lạ lùng với hai buổi nhóm lại vào Chúa nhật, được xem thấy là phương pháp toàn hảo nhất dù được xét đến như một vấn đề về chính sách, hay về việc tuân thủ mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

Có một việc khác nữa thiết tưởng cũng cần phải nói khi định nghĩa một bài giảng. Nó không phải là một cuộc thảo luận tổng quát về tôn giáo, dù theo tính chất là một câu chuyện phiếm hay một đoạn kịch đưa vào Kinh Thánh. Để xứng danh là một bài giảng nó phải được giới hạn bằng một mệnh

đề rõ ràng, dứt khoát, và do đó, phải là một đơn vị tư tưởng. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ được xét kỹ hơn về sau.

Công tác giảng dạy là một sự vận dụng tâm hồn thuộc cấp bậc cao nhất. Đứng trước một đám cử tọa, phần đông diễn giả đều có tâm lý khá giống nhau, có những cuộc chiến đấu cũng như nỗi thất vọng, những niềm hy vọng và những điều lo sợ, và tất cả cảm thức hỗn tạp ấy đều rất phổ biến trong nếp sống hiện đại của chúng ta. Được trực diện với một hội chúng như thế để truyền đạt một bức thông điệp duy nhất có thể nâng họ vượt khỏi cái tạm thời và cái đê tiện để vươn tới cái vĩnh hằng và cao siêu. Được ngỏ lời với mọi người bằng ngôn ngữ của chính từng trải cá nhân của mình, của niềm vui không lời lẽ nào mô tả được về sự tương giao với Đấng vô hạn, quả là một đặc ân mà bất cứ ai cũng rất ao ước. Mới đây, một nhà truyền đạo đã tuyên bố rằng ông sẽ không chịu thay đổi vị trí của mình với Tổng thống Hoa kỳ. Ông đã có một chức vụ tuyệt vời, và tình cảm ấy có thể được lập đi lập lại trong đời sống của bất cứ người nào nhận thấy nhu cầu quan trọng cho thế gian này, và có lòng tin quyết nơi chân lý của Đức Chúa Trời, đã từng trải ân phúc cứu rỗi của Phúc-âm cho chính linh hồn mình.

Câu Hỏi Chương 1

1. Đâu là mối liên hệ của một bài giảng với truyền đạo pháp ?
2. Trong một buổi nhóm mang tính tôn giáo, làm thế nào phân biệt được một bài thuyết giảng là một bài giảng với một bài thuyết giảng không phải là bài giảng?
3. Có nên duy trì trên tòa giảng hiện đại chủ đích giảng dạy của Kinh Thánh như đã được chỉ rõ trong Ma. 28:19, 20 hay không?
4. Bạn có xem thấy những đề tài như chủ nghĩa thượng phê bình (higer criticism) hay thuyết tiến hóa, là những chủ đề thích hợp để thảo luận trên tòa giảng hay không? Hãy biện minh cho câu trả lời của bạn.

Chương 2

BỐ CỤC BÀI GIẢNG

Dàn bài của một bài giảng về căn bản, vốn chẳng khác gì cách sắp xếp của những hình thức bài diễn văn, diễn thuyết trước công chúng khác. Lẽ dĩ nhiên là một bài giảng được giảng dạy mà không dựa trên một phần Kinh Thánh thì chẳng có gì khác về hình thức hoặc phương pháp triển khai với một bài thuyết giảng theo một đề tài ngoài đời. Nó chỉ khác với các loại diễn văn diễn thuyết khác khi nào nó chú tâm khảo xét một phần Kinh Thánh mà thoạt đầu có thể đòi hỏi phải giải thích, hoặc có thể trở thành cơ sở cho các phần lớn, như chúng ta sẽ thấy về sau. Tuy nhiên, ngoài những sự kiện trên thì các nguyên tắc liên quan đều giống y nhau cho mọi loại diễn văn, diễn thuyết. Dàn bài cho một bài giảng, hay như tên nó thường được gọi là bố cục của bài giảng, là một khái lược, một phần tóm tắt, hay toát yếu của điều muốn nói được diễn tả bằng hình thức và ngôn ngữ khiến những người khác có thể nhớ lại thật dễ dàng các ý niệm của diễn giả. Tất cả các tư tưởng rõ ràng đều phải có thể được thu gọn vào trong một bố cục; bất chấp tính chất của đề tài có là gì đi chăng nữa, nhưng khi việc tập họp này không

thể thực hiện được, thì ta có thể xem đó như một dấu chỉ khá chắc chắn rằng diễn giả đã không thể suy nghĩ xuyên suốt chủ đề của ông ta. Bố cục hoàn hảo nhất cho từng cá nhân là những gì được đưa ra theo một hình thức và một sự diễn tả bằng ngôn ngữ gợi lên một tư tưởng rõ rệt nhất mà ông ta muốn triển khai.

Một số các nhà truyền đạo đã tỏ ra có tinh thần hầu như muốn coi thường mọi bố cục có tính cách hình thức, có lẽ cũng có một số lý do khác đã góp phần tạo ra thái độ ấy. Có một số người nghĩ rằng soạn thảo cẩn thận những gì mình muốn nói mà không để cho Đức Thánh Linh được tự do biểu lộ chính Ngài, là hạn chế công tác của Đức Thánh Linh. Chẳng có gì để nghi ngờ, lý thuyết ấy đã được xây dựng trên một nền móng sai lầm. Tìm cầu sự trợ giúp từ thiên thượng trong khi soạn bài giảng chính là lệ thuộc sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh, chẳng kém gì việc chờ đợi giây phút bước lên tòa giảng và vẫn kêu cầu Ngài. Những nhà truyền đạo lừng danh nhất thế giới đều thuộc vào số người mà các bố cục của họ cho thấy họ đã soạn chúng cẩn thận nhất.

Một lý do khác nữa của thái độ này đối với các bố cục là sự kiện có một số người vốn rất có tài, và có thể được xem là những nhà truyền đạo thành công, thường cảm thấy khó khăn trong việc sắp xếp, tổ chức tư tưởng của họ. Muốn làm việc này, họ bị đòi hỏi phải có một loại tâm trí viết lý luận và tổng

hợp, loại tâm trí ít khi kết hợp với một tính khí thần bí. Ở đây, với một số thiếu tài năng cùng với các đòi hỏi mục vụ quá bận rộn, khiến chúng ta e rằng thì giờ và công việc cần thiết để hoàn chỉnh việc chuẩn bị bài giảng dễ thường bị xao lãng.

Cũng còn một lý do khác, đúng hơn là lý do rất thực tế cho thái độ dững dưng này. Hầu như tất cả các nhà truyền đạo đều đã soạn bài giảng trong một thời gian rất ngắn. Ông ta chỉ viết ra giấy mấy câu, và nhận thấy đề tài của mình được khai triển dường như điều nói ra là do linh cảm vậy, và bài giảng của mình có vẻ như rất thành công. Mặt khác, có thể ông ta đã từng soạn một bài giảng thật kỹ, dành cho nó mọi nổ lực cần thiết theo như ông ta tưởng để mình sẽ giảng nó thật thành công, nhưng rồi nỗ lực của ông ta đã bị thất bại thảm hại. Lẽ tự nhiên, ông ta tự hỏi "Thế thì chịu khó nhọc để soạn một bố cục nào đó có ích lợi gì?." Tuy nhiên, các lý do cho sự thành công trong trường hợp này và thất bại rõ ràng trong trường hợp kia vốn có những nguyên nhân ở một điều gì đó khác hơn là phần bố cục. Có thể có những nguyên nhân như tình trạng cơ thể của nhà truyền đạo vào lúc giảng; thái độ tinh thần của ông ta đối với chủ đề, như niềm tin hay tính cách rõ ràng khi ông ta suy nghĩ về nó. Ngoài ra, bầu không khí của buổi nhóm cũng bị ảnh hưởng của những tiết mục trước đó, cơ hội đáp ứng hoặc nhiều điều khác từ phía cử tọa và điều kiện tâm lý muốn tránh né việc phân tích. Với tất cả các yếu tố

vừa kể cùng tác động, ta có thể thấy câu kết luận rằng có lẽ bố cục bài giảng là nguyên nhân của sự thất bại, hay việc không có nó là lý do để người ta thành công là sai lầm như thế nào. Điều cũng thường xảy ra nữa, là khi một người chọn đề mục trong một thời gian ngắn, người ấy sẽ dùng một đề mục hết sức quen thuộc, và lý do để thành công sẽ không tùy thuộc nhiều vào một bố cục không được soạn kỹ, nhưng là nhờ diễn giả đã quá quen thuộc với luận đề. Trong lúc họp Quốc hội và có việc tranh luận nảy sinh, Webster đã diễn thuyết một bài rất hùng hồn dường như chẳng cần phải chuẩn bị gì cả. Sau đó, có người khen ông về bài diễn văn ứng khẩu tuyệt diệu đó, thì được ông trả lời rằng, "Vâng, tôi chỉ tốn 20 năm để chuẩn bị nó thôi." Chẳng hề có những nguyên tắc tuyên đạo pháp nào đã được khám phá ra mà có thể bảo đảm sự thành công trong việc giảng dạy bất cứ lúc nào.

Nhưng nếu chúng ta không thể loại trừ khả năng có thể bị thất bại, chúng ta có thể giảm bớt nó đến mức tối thiểu. Thỉnh thoảng chúng ta vẫn có thể bảo rằng, một số thất bại thảm hại là những thành công lớn lao của chúng ta. Một bố cục tốt chẳng bao giờ là nguyên nhân thất bại của một bài giảng.

Người ta chẳng bao giờ nói rằng mình đã đánh giá quá cao một bố cục tốt. Điều đó có nghĩa là diễn giả phải tổ chức được tư tưởng của mình, và chính bố cục phải giúp đem lại sự vững tin cho diễn giả, giúp ông có thể làm tốt nhất trong mọi trường

hợp. Nó giúp diễn giả phát biểu mục tiêu cách dứt khoát, trực tiếp và rõ ràng, dẫn tới việc triển khai và trình bày sứ điệp cách có thứ tự. Có được cái cảm thức là mình đã soạn kỹ bài giảng, sẽ gia tăng vô hạn niềm vui được giảng dạy cũng như sự thành công của công việc mình làm.

Một bố cục rõ ràng khiến diễn giả khỏi cần phải nhớ nhiều chi tiết trong bài giảng của mình. Thay vì phải suy nghĩ về nhiều ý niệm quan trọng dường như chúng là những đơn vị riêng biệt, chỉ có thể được kết hợp lại một cách mơ hồ như những viên bi đựng trong chiếc túi, thì bây giờ tất cả những gì người ấy cần nhớ chỉ là ba hoặc bốn câu bao trùm tất cả, trong đó mỗi phần của bài giảng đều ăn khớp với nhau đâu vào đấy. Nếu các nguyên tắc đúng đắn về cách sắp xếp và triển khai đều được tuân thủ, thì sẽ có mối liên hệ hợp lý giữa các phần với nhau, khiến cho đoạn kêÔt của phần này thường gợi ý cho phần tiếp theo và cũng một định luật liên đới và tiếp tục nhau đó, lại gợi ý cho phần triển khai độc đáo trong mỗi phần nhỏ. Cách truyền giảng ấy giúp người ta có thêm năng lực tinh thần để nhấn mạnh từng điểm một, mà như thế thì còn giúp cho việc tập trung (tư tưởng) và sinh lực. Một bố cục đơn giản, hợp lý, rõ ràng bao giờ cũng khiến cho nhiệm vụ của diễn giả trở thành dễ dàng, hơn là khi tâm trí ông ta bị rối bời vì đủ thứ chi tiết vụn vặt.

Tất cả những gì đã được nói trên đây là có lợi cho diễn giả, cũng có thể được bảo là có lợi cho thính

giả nữa, bởi tư tưởng được trình bày như trên sẽ dễ dàng được lãnh hội và ghi nhớ. Đó há không phải là nguyên tắc vĩ đại vốn có trong cách truyền giảng của Chúa Giê-xu hay sao? Ngài đã dùng những thí dụ minh họa đơn sơ trong sinh hoạt hằng ngày để làm nổi bật phần ý nghĩa thuộc linh, khiến dân chúng hiểu và nhớ rõ nhờ liên tưởng tới ý nghĩa Ngài đã đưa vào đó. Ngài nói về loài chim, hoa huệ, hột giống, ngọc châu, lưới cá, men, và đó là những thành phần trong lời truyền dạy của Ngài mà mọi người chúng ta đều ghi nhớ dễ dàng nhất. Như một diễn giả lừng danh từng nói, Ngài đã ban cho họ những chiếc "giỏ" để thu lượm và mang theo phần linh lương đã được cung cấp cho mình. Muốn cho một tư tưởng được người ta hiểu, nó phải rõ ràng, và một tư tưởng sẽ không thể được diễn tả thật rõ ràng nếu nó chưa được suy đi nghĩ lại thật chín chắn. Một bố cục tốt phải là những câu phát biểu đã được suy nghĩ thật kỹ, và được sắp xếp thật hợp lý với các ý niệm được tập hợp lại dưới những tiểu mục thật đơn giản và đầy ý nghĩa, làm sao chỉ cần nhớ hai hoặc ba câu thì người nghe sẽ nhớ lại hết những gì đã được nói ra. Chúng phải là những chiếc "giỏ."

Trong một bài diễn văn gần đây trước một cử tọa của một trường Đại học, một diễn giả nổi tiếng đã dành nữa giờ để thảo luận về đề tài sự thành công. Bài diễn văn tập trung vào hai điểm, cả hai đều được triển khai và minh họa rất tài tình. Trước hết, ông ta bảo rằng thành công không phải là thu

góp cho nhiều tài sản vật chất. Thứ hai, thành công là một cuộc đời hữu dụng, sống cách trung thực. Hai câu phát biểu trên đã được gọt dũa, trau chuốt đến độ tất cả những gì cần phải nhớ của cả bài diễn văn và phần khai triển của nó, chỉ là phải nhớ lại có hai câu ngắn ngủi mà thôi. Vì lý do đó, nó rất dễ hiểu và cũng rất dễ nhớ nữa.

Sau khi đã nói nhiều về giá trị của một bố cục tốt như trên, có một vấn đề quan trọng được đặt ra là: bố cục của một bài giảng có phải theo đúng một dàn bài (plan) cá biệt nào hay không, và nếu có, thì dàn bài đó là gì? Trong nhiều cách trình bày các nguyên tắc của tuyên đạo pháp, đã có rất nhiều ý kiến khác nhau về số phần chính xác mà một bố cục phải có, nhưng tất cả đều đồng ý rằng phải có một phần đầu, một phần giữa, và một phần kết thúc hợp lý. Trong tác phẩm đã được trích dẫn trước đây của ông, Tiến sĩ Phelps chia bài giảng ra thành bảy phần, tức là Kinh Thánh, giải nghĩa, nhập đề, mục tiêu (proposition), các phần lớn, phần triển khai, và kết luận. Với cùng chủ đề này, một nhà văn tài ba khác hạn chế lại chỉ còn ba phần mà thôi: nhập đề, khai triển và kết luận. Cả hai đều phù hợp với cùng một ý niệm, nhưng Phelps thì đưa ra một phần phân tích tỉ mỉ hơn, và đứng về phương diện kỹ thuật thì hình thức mà ông đề nghị được ưa chuộng hơn. Khẳng định rằng bài giảng phải đặt trên cơ sở một phần Kinh Thánh, thì tự nhiên nó phải bắt đầu bằng việc giải thích về bối cảnh của nó, là một phần giải thích

về chính bản kinh văn ấy. Sau khi đã làm như thế rồi, bước tiếp theo sẽ là đưa ra phần nhập đề để vạch rõ tầm quan trọng ý nghĩa, và có lẽ cũng nêu rõ lý do cá biệt nào đã đưa vấn đề này ra để trình bày với mọi người. Và tiếp theo đó phải là một câu vạch rõ mục đích đặc thù, hay đề án mà diễn giả muốn chứng minh. Tiếp đến là các phần lớn, phần triển khai, và phần kết luận. Tuy nhiên, dầu việc làm như trên đây là phải lẽ, thì điểm bất lợi của nó là quá tỉ mỉ để có thể đem ra thực hành, cho nên có rất ít quý vị mục sư cố theo tất cả các bước ấy. Mặt khác, một dàn bài chỉ có ba phần mà thôi thì quá tổng quát để có thể thật sự hữu dụng. Hình thức tốt nhất hầu như là dàn bài tiêu biểu của phần đông các diễn giả danh tiếng nhất, là phương pháp nằm giữa hai đối cực trên đây, và mục tiêu của quyển sách này nhằm ghi khắc vào tâm trí rằng chẳng những các phương pháp như thế là chính xác về phương diện khoa học, mà còn dễ ứng dụng nhất vào thực tế nữa. Với mục đích có sẵn như vậy, hình thức của một bố cục tốt sẽ bao gồm như sau: đề tài và Kinh Thánh, nhập đề, các phần lớn, triển khai, và kết luận. Hình thức này tránh được cái khó là quá tỉ mỉ, trau chuốt về một mặt, và quá tổng quát về mặt kia. Xin đưa ra dưới đây một thí dụ minh họa đơn sơ về một bố cục vốn là cơ sở của nhiều bài giảng về Phúc-Âm. Sở dĩ nó chinh phục được tâm trí của nhiều người vì tính cách đơn giản, bao quát và theo Kinh Thánh của nó.

<u>Kinh Thánh: Rô-ma 1: 16</u>

<u>Nhập đề: Chủ đích của bài giảng là đưa ra một quan điểm bao quát về Phúc-âm, để xem nội dung của nó chứa đựng điều gì đáng cho người theo Chúa phải hổ thẹn không.</u>

I. Các Sự Kiện Phải Tin

1. Sự chết
2. Sự chôn cất I Cô-rin-tô 15: 1-3
3. Sự sống lại

Ii. Các Điều Kiện Phải Tuân Thủ

1. Đức tin. Công 16 : 31
2. Ăn năn. Công 2 : 38
3. Xưng tội. Rôma 10: 9, 10
4. Chịu báp-tem. Công 2: 38

Iii. Các Lời Hứa Được Hưởng.

1. Tha tội. Công 2: 38
2. Ân tứ của Đức Thánh Linh. Công 2: 38
3. Sự sống vĩnh hằng. Giăng 3: 16; Mác 16: 16

<u>Kết luận</u>

- Bạn có tin các sự kiện ấy không?
- Bạn có sẵn lòng tuân thủ các lệnh truyền ấy không?

- Nếu có, bạn sẽ được hưởng các lời hứa.

Cách sắp xếp trên đây là chủ yếu đối với tất cả những bài giảng tốt, nhưng đôi khi cũng có một ngoại lệ nhỏ; không phải bao giờ cũng cần thiết phải có một câu gốc. Có thể dùng một đề mục mà không cần đến nó, nhưng vẫn phù hợp với câu định nghĩa về một bài giảng của chúng ta. Tuy nhiên, câu gốc là một khởi điểm rất tự nhiên, và cũng là một cách thường phù hợp để dẫn vào việc thảo luận về đề tài. Nó cũng có giá trị buộc chặt bức thông điệp của diễn giả với một câu (đoạn) Kinh Thánh nhất định nào đó. Nếu phần giải nghĩa, lý giải hoặc ứng dụng câu ấy là đầy sự sống động, thì mỗi lần khúc Kinh Thánh ấy được đọc lên, thính giả sẽ tự nhiên liên tưởng tới bài giảng mình đã nghe; ngược lại, nếu giảng mà không có một câu (đoạn) Kinh Thánh thì không tạo được cho tâm trí người nghe sự liên tưởng ấy. Việc sử dụng một câu gốc khi giảng dạy vốn là một tập quán lâu đời với nhiều ưu điểm và không nên bỏ qua, ngoại trừ một vài trường hợp thật hiếm hoi. Tòa giảng phải đem đến cho mọi người càng nhiều Kinh Thánh hơn, chớ không phải là kém bớt đi.

Liên hệ tới vấn đề này cũng có thể đặt câu hỏi, "Chẳng hay một bài giảng có thể có câu gốc mà thiếu đề tài hay không?." Rất có thể rằng thay vì một đề tài làm khởi điểm cho một bài giảng, một khúc văn mạch có thể tạo cảm nghĩ về nó. Trong trường hợp như thế, cách lý giải hoặc giải nghĩa Kinh Thánh

mới là mục tiêu mà nhà truyền đạo nhắm vào, nhưng ngay cả khi ông ta không nêu lên đề tài của mình bằng những lời lẽ dứt khoát, thì ít ra ông ta cũng phải có một ý niệm rõ ràng về quan điểm ông muốn nói; ông ta phải có một mục tiêu định nghĩa thật đầy đủ. Hễ khi nào đã có một mục tiêu rõ rệt thì người nghe có thể hiểu được về một đề tài nào đó, tuy nó không được nói trắng ra. Các phần khác của bố cục ngoài chủ đề và câu gốc, đều phải xuất hiện trong các bài giảng, vì sẽ không có một bài thuyết giảng nào có thể được gọi là hoàn chỉnh nếu bị thiếu mất một phần nào trong số đó.

Với sáu phần mà chúng tôi vừa gợi ý thì việc giải thích Kinh Thánh, phần nhập đề và đề tài đều được thu vào bên trong phần dẫn nhập. Sử dụng từ ngữ theo nghĩa đó, sẽ mở rộng thêm phần nào ý nghĩa của nó, bao gồm tất cả phần đi trước của phần thảo luận đề tài. Có ba lời biện minh cho sự thay đổi này. Trước hết phần lớn các nhà truyền đạo xem những gì đi trước phần thảo luận về đề mục là nhập đề. Hơn nữa, sự việc thường xảy ra là một phần này hoặc một phần kia của ba phần ấy đã được bao gồm trong nghĩa rộng của từ ngữ "dẫn nhập" bị thiếu đi trong bài giảng. Có thể không phải bao giờ cũng có một phần giải nghĩa câu gốc, nếu không có câu gốc, thì không thể có phần giải nghĩa ấy. Nếu câu gốc có và rất đơn giản thì không cần giải thích, hoặc nếu cần giải nghĩa, nó sẽ liên hệ mật thiết với phần nhập đề, khiến cho việc phân biệt sẽ có vẽ như hoàn toàn

ngớ ngẩn. Do đó, dường như tốt nhất là muốn cho các mối quan tâm có được vẻ tươi mới và đa dạng, thì không nên đòi hỏi thật chính xác các bước liên quan đến việc chuẩn bị của vài câu mở đầu kia. Ở đây tự do và không bị gò bó là cần thiết để có được mối liên hệ tốt đẹp với cử tọa, hơn là với bất kỳ một phần nào khác của bài giảng.

Phần thứ tự của bố cục là các phần lớn hay các tiêu đề, với các tài liệu của bài giảng được xếp bên dưới. Đây là những thành phần quan trọng nhất của bố cục, diễn giả sẽ tùy thuộc vào chúng để làm đầy đủ các công việc ấy; đồng thời đó cũng là phần tóm tắt hay toát yếu của bài giảng, chúng là phần trợ giúp lớn lao cho diễn giả. Hơn thế nữa, toàn bộ luận cứ chỉ có thể được nghe và giữ lại tùy theo mức độ rõ ràng khi các bước khai triển được vạch rõ cùng giá trị của chúng, để người nghe ghi nhớ phần lý luận:

ĐỜI SỐNG THÍCH HỢP (LU-CA 2: 52)

Nhập đề “càng thêm khôn (ngoan)” –về mặt trí khôn hay sự phát triển trí thức; “càng thêm... lớn” - phát triển thân thể; “càng đẹp lòng Đức Chúa Trời” - phát triển thuộc linh; “càng đẹp lòng... mọi người” - phát triển đạo đức.

1. Bất cứ một khả năng nào trong số đó cũng có thể bị thoái hóa.

2. Để ngăn ngừa sự thoái hóa, nổ lực có ý thức là cần thiết
3. Cố găng làm cho một tính năng yếu kém phát triển, có thể thấu đạt được kết quả như ý.

Kết luận: Kêu gọi phải cố gắng đạt được sự phát triển đầy đủ trọn vẹn, đặc biệt đối với phần cao quý nhất của bản tính chúng ta – phần thuộc linh.

Trong các phần chính được dùng ở đây, có sự gợi ý về tài liệu mà theo lẽ tự nhiên, sẽ được thảo luận trong một đề tài thuộc loại này. Đặc tính tiệm tiến của ba câu trong từng phần, giúp cho phần này dọn đường, gợi ý cho phần tiếp theo, và trong một chừng mực nào đó, nó giúp cho diễn giả dễ nhớ lại tư tưởng của mình, đồng thời cũng giúp người nghe dễ nhớ những gì diễn giả nói. Như vậy tầm quan trọng ở phần này của bố cục đã rõ ràng. Bất chấp người nào có đầy đủ thông tin, tài liệu về bất cứ một đề tài nào đến đâu, số thông tin tài liệu của người ấy sẽ chẳng có giá trị bao nhiêu cho chính người ấy lẫn những người khác, nếu chúng không được sắp xếp nhằm diễn tả thật rõ ràng trong các phần chính của bố cục. Khi một diễn giả không theo được tiến trình tri thức ấy, các ý niệm của ông sẽ như một bức ảnh chụp không rõ nét, tạo ra một loại quan điểm mơ hồ, chung chung về những gì ông ta cố gắng muốn nói ra nhưng không nắm được mối liên hệ giữa các sự kiện với nhau, và như vậy công việc của ông mới chỉ được thực hiện có một nữa. Trong cách đặt tiêu đề

cho các phần chính, chúng ta được cơ hội tuyệt vời để chứng tỏ tài năng và làm sáng tỏ chủ đích chính.

Phần tiếp theo của bố cục là phần khai triển. Vấn đề này sẽ được thảo luận chi tiết trong chương bàn về đề mục này, ở đây chúng ta chỉ lưu ý đến phần hình thức của nó. Phần này của bài giảng nhiều khi được đề cập như là các phần nhỏ (Subdivisions), tuy nhiên, đúng hơn thì từ ngữ này ám chỉ việc trình bày các ý niệm dưới các tiểu mục chính (headings). Bạn có thể có nhiều phần nhỏ mà chẳng triển khai bao nhiêu cho đề tài, nhưng một sự triển khai có thứ tự đòi hỏi phải có nhiều phần nhỏ. Tuy nhiên, ở đây chúng ta tạm xem hai từ ngữ ấy như đồng nghĩa. Phần triển khai phải là việc rút ra từ các phần lớn cách hợp lý, y như cách các phần lớn vốn có liên hệ với mục tiêu vậy. Trong các phần nhỏ, các ký hiệu thường được dùng đến, hoặc bằng hình vẽ hoặc bằng chữ viết tắt. Dùng phương pháp nào thì chẳng có gì quan trọng; cách tốt nhất là phương pháp nào giúp cho ta nhiều nhất trong việc phân biệt các ý chính với các ý phụ. Muốn được như thế, một số người đã sử dụng các hình vẽ, và một số khác lại dùng các chữ viết tắt. Trong các bài giảng của nhiều diễn giả tài ba, người ta không thấy họ dùng các ký hiệu chỉ các phần phụ; thí dụ như trong bộ "Chú giải"(Expositions) của Maclaren, cho thấy Spurgeon ít khi dùng lối ghi chú. Với những người chỉ căn cứ vào các ghi chú vắn tắt để giảng, thì phương pháp ký hiệu có rất nhiều ý nghĩa để từ đó

mà lý giải, bình luận, nhưng nó không có cùng một giá trị như thế với những người viết ra đầy đủ các bài giảng của mình. Như vậy, chúng ta đã đưa ra một bố cục với các phần lớn và những phần nhỏ trong các bài giảng về "Phúc-âm".

Phần chót của bố cục là kết luận. Vai trò và tầm quan trọng của nó thì mọi người đều phải thừa nhận. Phương pháp sử dụng khiến nó có hiệu quả sẽ được xét trong chương có đề mục ấy.

Có một vấn đề đáng chú ý khác nữa, là người ta phải viết ra bao nhiêu ghi chú để sử dụng trên tòa giảng? Vấn đề này tùy thuộc mỗi người, từng đề tài và mức độ mà diễn giả nắm vững đề tài ấy. Có người ngay từ đầu chức vụ của mình đã tập thói quen nói mà không cần các ghi chú, và chẳng có gì để thắc mắc là đó là phương pháp thật lý tưởng. Nó tạo nhiều cơ hội hơn để diễn giả có thể nói ra những điều có tính cách riêng tư, tạo niềm tin quyết cho sứ điệp của mình và khiến được cử tọa chú ý dễ dàng hơn. Tuy nhiên, với một số đông người vẫn giảng thường xuyên cho cùng một hội chúng, phương pháp này rất khó thực hành. Nói chung thì một nhà truyền đạo sử dụng một bố cục viết tay phải có đầy đủ sổ ghi chú cần thiết, để nhắc nhở cho tâm trí mình nội dung của bài giảng. Trong nhiều trường hợp, có thể dùng lối viết tắt và những chữ then chốt. Nếu việc triển khai bài giảng là bằng thí dụ minh họa, thì chỉ một câu vắn tắt cũng đủ nhắc ta nhớ lại phần tư tưởng. Mặt khác, một đề tài về giáo lý gồm

nhiều câu Kinh Thánh tham khảo, nhiều câu trích dẫn hoặc nêu rõ sự kiện, thường sẽ đòi hỏi nhiều câu tỉ mỉ và cẩn thận hơn. Tuy nhiên, ngay cả ở đây, nếu có ai có thể trích dẫn thuộc lòng nhiều câu Kinh Thánh, và quen thuộc với các sự kiện của mình, thì có thể sử dụng một số ký hiệu viết tắt. Vậy, nếu cách giảng của một người gồm nhiều thể loại bài giảng (như việc đáng lẽ phải có), thì số tài liệu viết tay sẽ tùy thuộc đề tài và mức độ mà người ấy đã thâu hóa được nó.

Câu Hỏi Chương 2

1. Một nhà truyền đạo nhất thiết phải có lần bị thất vọng về bài giảng của mình không?
2. Giải thích tại sao một bố cục bài giảng tốt là trợ lực cho sự thành công trong sự giảng dạy?
3. Có cần phải mang theo bố cục của bài giảng lên tòa giảng không?
4. Những nguyên nhân nào có trách nhiệm chủ yếu trong việc giảng dạy mà không dùng các câu gốc?
5. Tại sao hầu như mỗi bài giảng đều nhất thiết phải có một luận đề, cả khi nguồn gốc của nó là giải nghĩa một bản Kinh văn?
6. Có cách biện minh nào cho việc xem toàn thể phần tài liệu của bài giảng đi trước các phần lớn, như là phần nhập đề?
7. Tại sao phải nêu rõ các phần chính của một bài giảng?
8. Đâu là các lý do chính yếu giải thích cho việc thiếu các phần chính, hay dùng các tiêu đề quá kém?
9. Đâu là các ưu điểm của việc sử dụng ký hiệu cho các phần nhỏ của một bài giảng?
10. Mô tả tiến trình soạn bố cục của một bài giảng?

Chương 3

ĐỀ TÀI

Trong chương trước, phần đầu tiên của một bài giảng được gọi là đề tài (theme). Vì có nhiều từ ngữ có ý nghĩa rất giống nhau nên thiết tưởng ở đây cần phải phân biệt chúng, để rồi từ đây trở đi chúng sẽ được dùng theo nghĩa đã nêu. Đề mục tổng quát của một bài giảng là chủ đề (subject) của nó. Thí dụ như "Đức Tin" hay "Sự Phục Sinh." Khi chúng ta lấy một phần nào đó của chủ đề, và thảo luận nó theo một ý nghĩa hạn chế, như trường hợp của hầu hết tất cả các bài giảng tốt, thì nó trở thành đề tài (theme). Như đức tin là chủ đề tổng quát có thể bị giới hạn trong đề tài "Cuộc phiêu lưu của đức tin", hay "Sự Phục Sinh" có thể được giới hạn trong " Ý nghĩa của sự sống lại." Hai cách trên làm thay đổi hai chủ đề thành các đề tài. Giờ đây, sau khi đã quyết định giảng về đề tài này hoặc đề tài kia trong hai đề tài trên, điều quan trọng là phải có một mục tiêu dứt khoát, một điểm cá biệt độc đáo nào đó mà nhà truyền đạo muốn nhấn mạnh. Như với đề tài "Cuộc phiêu lưu của đức tin", diễn giả có thể chứng minh rằng đức tin là cần thiết cho bất kỳ một thành tựu quan trọng nào trong đời sống, hoặc diễn giả có

thể bàn về "Ý nghĩa của sự Phục Sinh", nhằm chứng minh rằng niềạm tin vào sự sống lại của chúa Giê-xu là căn bản trong Cơ-Đốc giáo. Câu phát biểu về đích của bài thuyết giảng này sẽ trở thành mục tiêu (proposition). Vậy, đề mục tổng quát là chủ đề, phần đặc biệt tạo ra nhan đề cho bài giảng là đề tài, còn điểm đặc thù phải vạch ra trong cuộc thảo luận là mục tiêu.

Có nhiều ảnh hưởng tác động vào nhà truyền đạo khi ông ta quyết định đặc tính của đề tài. Chẳng hề có hai người cùng có một cách phát biểu giống nhau. Cũng không hề có hai người sử dụng cùng một số tài liệu như nhau cả khi họ giảng về cùng một đề tài. Sở dĩ như thế, là do một số yếu tố khác nhau cấu thành nhân cách của họ. Trong bối cảnh của mỗi đời sống, bao gồm tính khí của một con người, có phần đào tạo huấn luyện và kinh nghiệm, từng trải của người ấy, và những yếu tố đó quyết định phần lớn số tài liệu của bài giảng của người ấy, và một phần lớn cũng quyết định cho chủ đề của người ấy nữa. Khi một người chuẩn bị trực diện với hội chúng của mình, thì câu hỏi luôn luôn nảy sinh là "tôi sẽ giảng gì đây?." Rồi, có lẽ là vô tình, ông ta quyết định giảng về một đề mục nào đó mà ông đã từng trải, hoặc một môi trường ông ta đang sinh sống gợi ý cho ông.

Có lẽ ảnh hưởng quan trọng nhất quyết định cho việc chọn đề tài của một nhà truyền đạo là các nhu cầu hội chúng, theo như ông ta hiểu về họ. Bất

cứ ai có lòng nghĩ đến lợi ích đạo đức và thuộc biết tín đồ mình, thì điều tự nhiên và trước tiên là tìm cách dùng bài giảng đem đến cho họ một sứ điệp nhằm nâng đỡ họ trong những lúc khó khăn, bối rối, đồng thời tăng cường sức lực và khích lệ họ trong những hoài bão cao cả hơn. Có lẽ quí vị mục sư nói chung đều không nhận thức được đầy đủ như đáng phải có, về các nhu cầu mà phần đông những người đến nhà thờ đang muốn được giúp đỡ và khích lệ. Chỉ khi nào chúng ta giảng một bài và nhận thấy sự đáp ứng cá biệt của đời sống một số người, thì chúng ta mới hiểu được giá trị của vấn đề này. Trong tất cả những buổi nhóm lại, đều có những người đang trông mong một điều gì đó mà khả năng của đời sống hiện tại không thể cung ứng được. Họ đang sốt ruột trông mong được thấy cái vô hình và vĩnh cửu biến thành hiện thực trong sinh hoạt hằng ngày của họ. Theo một ý nghĩa, thì họ đang thật sự đói khát "bánh hằng sống." Nếu chúng ta có thể vận dụng được óc tưởng tượng của mình để thấy nhiều người nam, người nữ trong các công việc hằng ngày của họ, thường gặp trở ngại vì một số bổn phận đòi hỏi nào đó, có khi phải chống lại với bệnh tật hoặc bị bối rối về tài chính, hay nếu chỉ cần chúng ta biết được đời sống tinh thần của những người đang gặp thất vọng chồng chất trong công việc làm ăn của họ, và tôi xin nói là nếu chúng ta có thể thấy được tất cả những điều đó, thì phải chăng các nhu cầu của hội chúng sẽ giục giã chúng ta càng sâu sắc hơn khi suy nghĩ đến việc soạn các bài giảng của mình? Mà như

thế vẫn không phải là thêm thắt quá đáng về đời sống con người như nó vốn có. Thế thì, hiện đang có những người muốn sống cởi mở thoáng đạt hơn, muốn có được một điều gì đó thỏa lòng mình hơn, một cái gì đó giúp họ lý giải hay hơn, tốt hơn về đời sống này. Với tất cả những điều đó, nhà truyền đạo đều có phương thuốc để chữa trị, nếu ông ta biết phân phát Lời Chúa thật đúng đắn, phải lẽ, mà không nuôi dưỡng các tín đồ của mình bằng những nôm na của suy lý, hay đáp lại những hoài bão của họ chỉ bằng cách ban phát cho họ những gì chỉ có tính chất thẩm mỹ hoặc luân lý đạo đức mà thôi. Dầu sao thì cũng từ bản năng, con người vẫn cảm thấy rằng phương thuốc để chữa trị các nhu cầu sâu xa nhất của họ được tìm thấy trong tôn giáo. Linh hồn của những con người khao khát kêu gào cùng Đức Chúa Trời, và qua âm nhạc, văn chương và các lý tưởng của các công tác xã hội, người ta có thể đến với bản tính cao thượng hơn hay thuộc linh hơn, thì về cơ bản, những điều đó chẳng làm thỏa mãn được tâm hồn người ta chỉ bằng một quyển sách hay có thể xoa dịu một cơn đói của thể xác. Các nhu cầu của các tín đồ đang đè nặng trong lòng của tất cả những ai đang soạn bài giảng, và có lẽ trong đời sống của Chúa Giê-xu, chúng ta đã tìm ra được sự gợi ý về cách thức để có thể làm việc ấy, vì Ngài đã tìm thấy các gánh nặng đang nằm ở đâu, để Ngài có thể giúp họ cất chúng đi. Thái độ sẵn sàng tìm kiếm và khả năng "cảm nhận" được các nhu cầu của đời sống con người là các điều kiện tiên quyết để tiếp cận cách

phải lẽ cho việc soạn thảo một bài giảng giúp ích được mọi người.

Sau khi đã ghi nhận các nhu cầu của người ta, thì yếu tố cần xét đến kế tiếp có ảnh hưởng đến việc chọn một đề tài là tính khí (temperament). Người có thái độ lạc quan, mà mọi người nên giống như vậy sẽ tìm cách khích lệ mọi người khác trong các nếp sống công chính, bất chấp những ảnh hưởng của chủ nghĩa duy vật đang bao vây quanh họ, cả khi có một vài thành viên trong Hội Thánh tỏ ra thờ ơ với những cơ hội và bổn phận của họ, thì nhà truyền đạo vẫn làm vững mạnh cho số người trung tín. Người thuộc loại bi quan hoặc tiêu cực, sẽ tự để cho mình bị hoàn cảnh khiến sa sút tinh thần, và sẽ vừa than phiền vừa thất vọng, hay gợi lại cho hội chúng các đặc điểm xấu xa, gian ác của thời đại mình, và các bài giảng của ông sẽ nhấn mạnh nhiều điều về tội lỗi thế gian, hơn là việc khích lệ sống trung tín. Không người nào có thể hy vọng giúp được nhiều điều cho tín đồ mình sự giảng dạy tiêu cực, và mọi tư tưởng bi quan phần lớn đều không có chỗ đứng trên tòa giảng, vì nó không đại diện cho đặc tính toàn diện của Cơ-Đốc giáo. Nó là một tinh thần xa lạ với Phúc-âm, vốn là "Tin Lành", "Tin Mừng".

Tuy nhiên với những người truyền giảng có cá tính tích cực thì về tính khí cũng có chỗ khác nhau. Người có học vấn thì mối bận tâm chính là sách vở, vào các ý niệm hơn là vào con người. Bởi do bản thân ông, các đề tài của bài giảng ông ta thường

tìm cách trình bày là các chủ đề về giáo lý và có tính cách lý luận, hoặc nữa, có thể là nhằm giải thích các vấn đề của đời sống bằng triết lý. Các bài giảng của ông cũng có thể là những gương mẫu về nét đẹp văn chương, vì phần lớn chúng đều được minh họa bằng những câu trích dẫn chọn lọc từ các đại văn hào. Do chủ đề chọn một phần, một mặt nào đó của đời sống mà thôi, những bài giảng như thế chỉ đến được một vài phần trăm ít ỏi của hội chúng. Ngay tại Hoa Ky,ợ cũng phải hiểu rằng số người tốt nghiệp các trường cao đẳng cũng chỉ đại diện cho ba phần trăm tổng số dân chúng, và như vậy nhiều nhà truyền đạo tài ba, có nhiều khả năng sẽ không tiếp cận được với số đông trong hội chúng, vì họ đã không có những bài giảng cho đời sống của 97 phần trăm tín đồ. Rồi cũng có một tính khí liên quan đến phần tình cảm. Người thuộc loại này sẽ đến được gần hơn với tấm lòng tín đồ, và sẽ tự bộc lộ bằng những đề tài chứa chan cảm xúc. Làm như thế, ông ta cũng chỉ thỏa mãn nhu cầu cho một phần hội chúng của mình mà thôi. Nói chung, có thể bảo rằng đa số hội chúng thích những bài giảng có tính cách đụng đến tình cảm hơn những bài giảng cần đến trí tuệ, nhưng một tâm trí được đào tạo, huấn luyện đầy đủ hơn thì phải có "khả năng suy nghĩ, khả năng cảm xúc và khả năng ý chí" nữa. Tuy nhiên điều có thể là rất đúng, ấy là phần đông các nhà truyền đạo đều hoặc quá là tri thức, hoặc quá tình cảm, và để cho chắc chắn là có đủ thực phẩm trong bài giảng của mình cho mọi nhóm trí thức tiêu biểu

trong hội chúng, nhà truyền đạo thỉnh thoảng nên lập một bảng kiểm kê các bài giảng của mình, để xem chúng có đầy đủ các loại nhằm đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của toàn thể hội chúng hay không. Nhiều sách khác nhau trong Kinh Thánh, và những phần Kinh Thánh chọn lọc sẽ là những dấu chỉ hợp lý về khuynh hướng của các nổ lực của một người trên tòa giảng.

Một yếu tố khác nữa, tạo ảnh hưởng quan trọng trong việc chọn đề tài là từng trải của nhà truyền đạo. Các thí dụ minh họa của ông ta sẽ được rút ra thật tự nhiên từ môi trường chung quanh, trong đó có chính ông đã từng sống hoặc đang sống. Nếu ông ta quen với nếp sống kỹ nghệ và giảng cho những người làm kỹ nghệ, thì các vấn đề về tư bản và lao động thường là bối cảnh tư tưởng của ông ta, và nhiều khi trở thành một phần chủ yếu trong các bài giảng của ông nữa. Các bài giảng của những người sống trong các trung tâm kỹ nghệ, với những công việc và sự giao tiếp chủ yếu liên hệ đến giới lao động, thường được nhận thấy nhuộm màu xã hội chủ nghĩa. Đây là một hậu quả hoàn toàn tự nhiên của các điều kiện môi sinh.

Những người mà công tác suốt đời tại các trung tâm học thức, thường cho thấy việc họ nói trên tòa giảng là cuộc phấn đấu tri thức họ đã kinh qua, hay qua những gì họ đang tìm cách để chỉ dẫn cho người khác. Cho nên các đề tài của họ phần lớn có màu sắc của những cuộc chiến đấu chống lại sự

nghi ngờ, hoặc các nổ lực nhằm đem đến sự hài hòa cho các mối xung đột rõ rệt của khoa học và tôn giáo.

Một phần khác nữa của kinh nghiệm sống, thỉnh thoảng cũng được bộc lộ qua nổi buồn bã hoặc thương đau đã xâm nhập đời sống một người, nêu lên lời làm chứng về những cơ hội hiếm hoi và qua đức tin mà mình đã nhận được sự giúp đỡ trong một thì giờ đen tối, cũng hoàn toàn tự nhiên và phải lẽ. Một nhà truyền đạo giảng cho một nhóm người rất có thiện cảm với mình, nhưng có hai cách qua đó ông ta có thể đề cập đến những buồn phiền của đời mình một cách hoàn toàn không đúng chỗ. Một là quá thường nói đến chúng, đến nỗi mọi người bắt đầu nghi ngờ những gì được nói đến không phải phát sinh từ sự cảm xúc dịu dàng hay bởi ký ức thân thương, nhưng chỉ do ước muốn tạo được hiệu quả. Bất kỳ một cử tọa nào cũng ghét cách làm không thích hợp như thế. Một nguy cơ khác cho người từng trải qua, hay đang sống dưới một đám mây đen là chọn những đề mục sâu vào trong bài giảng với "một giọng nói đầy nước mắt." Lối giảng như thế chẳng gây được linh cảm, giúp ích hoặc lành mạnh chút nào. Ách của Chúa Cứu Thế vốn giúp chúng ta gánh nổi những điều nặng nề của mình, nhưng một thái độ như trên cho thấy bản thân nhà truyền đạo đang không mang một chiếc ách như vậy. Các nhà truyền đạo phải giảng các đề tài tích cực, giúp ích nâng cao tinh thần và gây linh cảm (cảm hứng), vượt

trên những đau buồn và bất hạnh của chính mình, như Chúa Giê-xu lúc hầu như đang ở dưới bóng của thập tự giá, đã nói với các môn đệ Ngài: "Lòng các ngươi đừng bối rối; hãy tin Cha Ta cũng hãy tin Ta nữa!." Quá khứ của chúng ta đã trở thành một phần bản thân chúng ta; chúng ta không tài nào tự gở mình ra khỏi nó hay loại trừ nó, như Ulysses đã nói sau chuyến du hành của mình, "Tôi là một phần của tất cả những gì tôi đã gặp." Vì vậy, từng trải quá khứ của chúng ta đã trở thành cơ sở để chúng ta lý giải hiện tại, nhưng chúng ta phải cẩn thận để xóa đi mọi yếu tố nào trong từng trải của mình, đang phá hủy đi niềm hy vọng và tánh lạc quan yêu đời của chúng ta, mà hiệu quả của nó có ảnh hưởng đến hiệu quả công tác của chúng ta.

Điểm cuối cùng cần ghi nhận trong các yếu tố quyết định đề tài chính là quan niệm về chân lý tôn giáo của nhà truyền đạo. Cách đào tạo huấn luyện tôn giáo hiện đại tạo ra những con người có nhiều cách lý giải Cơ-Đốc giáo rất khác nhau. Điều này thật sự có nghĩa rằng nó là một phần của kinh nghiệm quá khứ, nhưng tính chất đặc thù của kinh nghiệm này dường như dành cho một đề mục thảo luận riêng biệt. Nếu quan điểm của một người về Kinh Thánh, xem đó như Lời đầy uy quyền của Đức Chúa Trời, thì các đề tài của người ấy sẽ sáng ngời niềm tin, lòng quyết trông cậy và hy vọng. Người ấy sẽ chọn các luận đề bằng một viễn ảnh tích cực chớ không phải là triết học, và sẽ thảo luận chúng bằng

thái độ dứt khoát như chúng đã được trình bày trong Kinh Thánh, chẳng cần phải biện giải gì cho thái độ của mình. Mặt khác nếu người ấy không biết điều mình tin, hay không chắc chắn về những gì mình tin, thì chắc hẳn người ấy chỉ đưa đến cho hội chúng một phần duyệt xét cho những cơn ác mộng của chính mình, như tiến sĩ Chapman từng diễn tả rất đúng điều đó; ngược lại, người ấy sẽ cũng đi tìm các đề mục tranh luận chỉ có liên hệ gián tiếp với lãnh vực tôn giáo mà thôi. Cho nên, nếu có hai nhà truyền đạo cùng phân tích các nhu cầu của con người, và về phương diện nhân bản cả hai đều cùng có tính khí, cùng kinh nghiệm và cả hai đều cùng quyết định giảng về cùng một đề tài, thì hai quan điểm khác nhau về chân lý sẽ quyết định cách thảo luận hoàn toàn khác nhau về chủ đề ấy. Do đó, có thể bảo rằng trong phạm vi một người có thể am hiểu các nhu cầu của người khác, kiểm soát được tính khí của mình, phong phú hóa kinh nghiệm của mình và có được quan điểm đúng đắn về Cơ-Đốc giáo, thì người ấy sẽ phát triển tài năng của mình để sự giảng dạy được thành công.

Vậy đâu là các đặc điểm của một đề tài tốt? Có những nguyên tắc nào để giúp người ta quyết định trước, xem bài giảng của mình có được hoan nghênh hay không? Chẳng có gì để nghi ngờ, điều thiết yếu đầu tiên của một đề tài tốt là nó phải có một mối quan tâm sống động. Nói khác đi, nó phải liên hệ mật thiết với đời sống. Trong mỗi phương

diện hoạt động của con người ta, đều có một cách lý giải hay một cách giải quyết lý tưởng theo Cơ-Đốc giáo. Trong lãnh vực thuộc thể, chúng ta được truyền dạy rằng thân thể chúng ta là đền thờ của Đức Thánh Linh. Mọi hình thức phóng đãng, phung phí hoặc cả đến giải trí tiêu khiển đều hủy diệt tính cách hữu dụng và kiến hiệu của thân thể con người, đều trái với chương trình về đời sống của Cơ-Đốc nhân. Nguyên tắc này có thể áp dụng vô giới hạn, cũng như áp dụng cho cả đời sống thuộc thể của chúng ta. Trong lãnh vực xã hội chúng ta phải theo sự hướng dẫn của nguyên tắc hữu dụng, phản ánh lý tưởng của một nhân cách Cơ-Đốc trong lãnh vực này. Một tiêu chuẩn như thế chẳng những xác định đặc tính của sinh hoạt xã hội của chúng ta, mà còn định ranh giới cho phạm vi và quyết định cho chủ đích mà nó tìm cầu. Nó sẽ đề ra một số hình thức thú vui, nó sẽ giải thích cách mới mẽ cho tha nhân, và chỉ ra các giới hạn cả cho những trò giải trí tiêu khiển lành mạnh nhất nữa. Trong lãnh vực tư tưởng, chẳng có một ý nghĩa nào là không có liên quan tới Đức Chúa Trời. Tất cả những tư tưởng nghiêm túc về mối liên hệ của con người với vũ trụ, liên quan đến các vấn đề quan trọng của sự sống, cái chết, sự bất tử, bất diệt, tội lỗi và sự thanh khiết. Có những đề mục chẳng bao giờ trở thành xưa cũ cả; chúng chỉ chờ đợi những cách trình bày và ứng dụng mới mẽ mà thôi. Hiện nay cũng như từ trước đến giờ, người ta vẫn bị thôi thúc như nhau đối với nhiều vấn đề quan trọng, việc thảo luận, tranh cãi về

chúng bao lâu mới có thể kết thúc cho dấu chấm hỏi. Bất kỳ một cử tọa nào cũng sẽ lắng nghe một cách thích thú những bài giảng về tính cách ngắn ngủi và bấp bênh của đời sống con người, hay nếu bóng tối được cất khỏi mồ mả. Sự bất tử, bất diệt vốn được chứng minh là một khao khát phổ quát, tuy việc suy lý bao giờ cũng chẳng thỏa mãn được ai, trong khi lời khẳng định của Chúa Cứu Thế như, "Ta đến là để cho các ngươi được sự sống", vẫn vực dậy niềm hi vọng trong lòng mỗi người, như lời Ngài hứa rằng: "Người nào tin Ta dù chết rồi cũng sẽ sống" vẫn luôn là tia sáng duy nhất cho những linh hồn đang ở trong bóng tối. Tội lỗi vẫn còn có thể được chứng minh là kinh nghiệm phổ quát cho nhân loại. Tuy nhiên kẻ điên dại vẫn có thể cười nhạo nó, và các triết gia có thể giải thích nó khác đi; sự kiện không ai có thể chối cãi vào đâu được là "mọi người đều đã phạm tội", và ý thức sợ hãi vẫn len lỏi vào trong những tâm hồn đang hấp hối. Chắc chắn nọc độc của sự chết là tội lỗi, và một khi tội lỗi được cất đi rồi thì trong cái chết không còn nọc độc nữa. Sự thánh khiết không phải là một giấc mơ, cũng không phải là nỗi ám ảnh của một trí tưởng tượng sai lầm. Nó vẫn luôn là điều mà những tâm hồn cao thượng nhất trần gian theo đuổi, là sự thỏa mãn cao nhất của đời sống và là sự an ủi lớn nhất khi phải đối diện với cái chết. Bất luận một đề tài quan trọng nào cũng phải đụng chạm đến đời sống, nhưng nhà truyền đạo phải tìm cách ứng dụng và khám phá ra những phương cách trình bày mới.

Một đề tài tốt cũng phải có một mục tiêu rõ ràng. Ta không thể chỉ nói về chủ đề của mình mà còn phải nói đến một điểm nào đó. Đôi khi nhan đề của một bài giảng có thể chỉ ra mục tiêu của ta, nhưng cho dù nó chỉ ra hay không, bao giờ cũng phải có vài đối tượng nhất định. Điều này thường được đề cập như một mục tiêu (proposition) hay là lời tuyên bố của một chân lý cá biệt cần được bày tỏ. Mục tiêu của mỗi bài giảng cần phải được phát biểu chỉ bằng một câu mà thôi. Nếu không làm được như thế, thì hoặc là nhà truyền đạo chỉ thảo luận về những cái chung chung bao quát, hoặc đó là dấu chỉ cho thấy ông ta đã chưa suy nghĩ chín chắn, đến nơi đến chốn, chủ đề của mình. Đôi khi cũng có thể là không cần nói ra mục tiêu ấy. Một mục tiêu trước mắt, ta có thể tạo ra thành kiến nếu được vạch rõ ngay lúc bài thuyết giảng bắt đầu, và có lẽ tốt hơn hết là nên giấu mục tiêu ấy đối với cử tọa, cho đến khi nào các luận cứ của mình đã thuyết phục được họ. Tuy nhiên, điều bao giờ cũng luôn luôn đúng, cho dù cơ hội có như thế nào và chủ đề có là gì đi chăng nữa, nhà truyền đạo phải thấy rõ trong trí mình cứu cánh mà mình muốn đạt tới, cho dù ông có nói rõ nó ra trong bài thuyết giảng của mình hay không. Đặc điểm của bài giảng đã được đề cập trong Tân Ước, ấy là chúng đều được rao truyền với một chủ đích trong tâm trí, là khiến cho người ta phải đưa ra một quyết định. Chúng đều nhằm hoàn tất một điều gì đó thật dứt khoát, cho nên, trong ngày lễ Ngũ Tuần, công chúng đã phải hỏi “Thưa các anh,

chúng tôi phải làm chi?" Rồi chúng ta lại đọc thấy: "Khi nghe Phi-líp giảng giải về Chúa Cứu Thế Giê-xu và Nước Trời, dân Sa-ma-ri cả nam lẫn nữ đều tin Chúa và chịu báp-tem." Phi-líp đã giảng về Chúa Giê-xu cho người Ê-thi-ô-bi, rồi làm phép báp-tem cho ông ta trong danh Chúa trước khi từ giã. Khi có một chủ đích dứt khoát tạo cảm hứng (linh cảm) cho bài giảng, phần tài liệu phải được thu thập và sắp xếp nhằm vào cứu cánh ấy, và như vậy bài giảng mới có được sức tiếp cận trực tiếp và hấp dẫn mà nhiều tiền lệ đã thấy rõ được trong Tân Ước. Bạn sẽ chẳng bắn trúng một mục tiêu nào cả nếu bạn không có một mục tiêu, cũng vậy, bạn sẽ chẳng có một khả năng tâm lý để thực hiện một điều gì dứt khoát với một bài giảng không có một điểm nhắm hay mục tiêu rõ ràng.

Một đặc điểm khác nữa của một đề tài tốt là nó phải có hình thức tích cực. Công bố nhan đề của một bài giảng là "Đức Chúa Trời có hiện hữu không?" "Chúa Giê-xu có từ sự chết sống lại không?" hay "Phải chăng Hội Thánh đã thất bại?", thì đã có một ý niệm sai lầm từ căn bản. Lý do để dùng thể nghi vấn là vì nhà truyền đạo không chịu dấn thân vào chủ đề của mình muốn gợi ý tò mò. Tuy nhiên, bất cứ ai đọc các nhan đề của những bài giảng trên đều có một phút để nghi ngờ thái độ của ông ta. Ông ta biết là phải có một nổ lực để chứng minh rằng Đức Chúa Trời thực hữu, rằng Chúa Giê-xu đã từ sự chết sống lại, rằng Kinh Thánh đã được

linh cảm, và rằng Hội Thánh đã không hề bị thất bại. Hơn nữa, sự gợi ý về khả năng "có thể có" từ các giáo lý căn bản của Cơ-Đốc giáo là không đúng, và cũng đã là không khôn ngoan rồi. Cách phát biểu đề tài trong hình thức đã được nêu trên đây còn một bất lợi khác, là nó tạo ra một cuộc tranh luận về chủ đề trong đó những phản bác đối với Cơ-Đốc giáo được nêu lên. Cách làm như thế hầu như chỉ thích hiệp khi có việc tranh luận về chủ đề ấy. Việc làm này bao giờ cũng nguy hiểm. Trong một nỗ lực muốn tỏ ra công bằng, ta có thể đưa ra những phản bác mà câu trả lời của mình có thể không đánh đổ được, và như thế là để lại trong hội chúng những mối nghi ngờ mà họ không hề có trước khi nghe bài giảng. Phần lớn người ta đều có đầy đủ những thông tin sai lầm được áp đặt trên họ bởi những người không tin mà họ phải tiếp xúc trong cái thế giới bận rộn hằng ngày, hay do hoàn cảnh. Bởi đó, những yếu tố trên không nên chất thêm trên họ khi họ đến nghe giảng Phúc âm. Người ta luôn trông mong việc chân lý Cơ-Đốc giáo sẽ được bênh vực trên tòa giảng, từ quan điểm là tính cách hấp dẫn của đề tài, để đưa ra một câu phát biểu tích cực về các chủ đề liên quan bằng cách nói rằng, "Các lý do để tin Đức Chúa Trời", hay biến nó thành tính cách riêng tư bằng cách nói, "Tại sao tôi tin Chúa", "Các chứng cứ về sự phục sinh", " Tại sao tôi tin Kinh Thánh", "Vài chứng cứ về sự phục sinh", và "Những chiến thắng khải hoàn của Hội Thánh", sẽ là tốt hơn rất nhiều. Một khi đã được nêu ra dưới hình thức ấy,

ta có thể thảo luận thật hợp lý đề tài của mình, mà khỏi có "những cuộc tranh luận do nghi ngờ." Những người từng thắc mắc vì nghi ngờ cũng có thể nghe được những gì họ cần nghe khi đến nhà thờ, nghĩa là những chứng minh tích cực cho chân lý Cơ-Đốc giáo và những lời giải thích về đời sống hài hòa với chúng. Tòa giảng vốn đã quá thường được sử dụng làm một nơi để nhà truyền đạo phô bày chính những nghi ngờ của mình. Ông ta chẳng cần gì phải nêu lên sự nghi ngờ hay gây bối rối cho hội chúng, bằng những hoài nghi điều ông ta có nhằm chứng minh cho sự thành thật của mình. Cả đến Hume, một người từng nổi tiếng về thái độ hoài nghi đối với các chân lý căn bản của Cơ-Đốc giáo, vẫn thường đi nghe nhà truyền đạo rất chính thống là Rowland Hill truyền giảng, và khi bị các bạn bè chế giễu về sự bất nhất đó, đã bảo rằng ông ta muốn nghe một người có lòng tin quyết truyền giảng. Quý vị truyền đạo sẽ bị sai mục tiêu khi tưởng rằng các chủ đề gợi nghi ngờ sẽ hấp dẫn được những kẻ mà tâm trí đang thật sự hoang mang. Người thế gian đang chờ đợi từ tòa giảng một bức thông điệp tích cực về các chân lý căn bản của Cơ-Đốc giáo. Phần đông quần chúng đã có quá đủ những điều nghi ngờ của riêng họ rồi.

Trong đời sống một nhà truyền đạo, thiết tưởng chẳng có vấn đề nào thường xuất hiện hay có đòi hỏi nào cấp bách hơn là câu hỏi : "Chúa nhật sau, tôi sẽ giảng gì đây? " Ông ta bị bắt buộc phải ra mắt công chúng vào đúng giờ quy định với một bài

giảng, cho dù ông ta có được linh cảm hay không. Phải thành thật thú nhận rằng điều khó khăn trong việc giảng dạy, là nó đòi hỏi một con người thật xuất sắc để "tạo" ra hai bài giảng tươi mới, sinh động và độc đáo mỗi tuần. Lẽ dĩ nhiên, phải là một thiên tài mới làm nổi công việc ấy, và số người làm được việc ấy tại tòa giảng hay ngoài tòa giảng, thì không phải là nhiều lắm. Tuy nhiên, có một số trợ cụ làm giảm thiểu được tính cách phức tạp của vấn đề này. Có một phương pháp hiệu quả nhất để có được nhiều gợi ý về các đề mục bài giảng, là nghiên cứu thật sâu rộng từng quyển sách một trong Kinh Thánh. Giá trị của sự gợi ý này có được từ bao lời làm chứng của rất nhiều nhà truyền đạo.

Các kho báu của Kinh Thánh vốn có giá trị cao nhất khi nào bản thân chúng ta tự phát giác ra chúng cho chính mình, thì chúng sẽ trở thành của riêng ta theo nghĩa thật đúng của nó. Phương pháp này chẳng những luôn tạo được một nguồn, tuôn trào ra nhiều gợi ý về tài liệu cho tòa giảng mà còn là một kỹ luật tuyệt vời cho sinh hoạt bồi linh (devotional) cá nhân, vì nó xây dựng một cách có hệ thống phần kiến thức về Kinh Thánh cho người nghiên cứu, và giúp người đó ham thích Kinh Thánh cách sâu nhiệm hơn và phong phú hóa mọi từng trải tôn giáo của người đó. Nó khiến việc lý giải Lời Chúa của người ấy trở thành việc tự bộc lộ chính tâm hồn mình, vì các chân lý ấy vốn được đan dệt với sinh hoạt hằng ngày của người đó. Những ai

từng đem kế hoạch này ra làm một cuộc thử thách đích thực cho mình, thì ngoài việc tự khép được mình vào một kỷ luật hữu ích, còn phải kinh ngạc nhận thấy nó là một gợi ý rất hiệu quả cho các bài giảng. Nó cũng là một đại lộ thênh thang cho công việc được ưa chuộng nhất trong tất cả các công việc của nhà truyền đạo – là phương pháp trình bày Kinh Thánh đại chúng. Có một sự kiện là hội chúng vốn biết rất nhiều về Kinh Thánh, nhưng lại không biết nội dung của bộ sách ấy, và bao giờ cũng hoan nghênh những lời giải thích hay cách ứng dụng một phần Kinh Thánh khi nó được trình bày rõ ràng, sinh động và đầy lý thú. Phương pháp nghiên cứu sâu rộng này cũng tiến cử chính mình với tất cả những ai muốn trở thành những người học hỏi nghiên cứu Lời Chúa thật thấu đáo, những nhà truyền đạo muốn quan tâm, hoặc các Cơ-Đốc nhân mạnh mẽ.

Một phương pháp rất hữu ích khác nữa để khám phá ra các đề tài cho bài giảng, và cả các tài liệu cho nó nữa, là phải tìm trong từng trải hằng ngày của mình. Những cuộc trò chuyện với những người kể lại niềm vui của họ trong công tác phục vụ Hội Thánh, những lời thú nhận của những người không phải là Cơ-Đốc nhân, những sự bộc lộ ao ước muốn có được một đời sống tốt hơn, tất cả đều giúp dẫn đến những đề tài có giá trị phổ quát. Lẽ dĩ nhiên là những gì chúng ta thấy được trong đời sống tùy thuộc vào vấn đề bản thân chúng ta là những con

người như thế nào. Có một đoàn du khách được hướng dẫn đi xem vài lâu đài cổ bên Tây Ban Nha; một người trong đám họ đưa ra một nhận xét với một người khác, "hôm nay là một ngày quá mệt mỏi, phải không bạn?." Người được ngỏ lời đó, về sau bảo với các bạn thân khác của mình rằng hôm ấy quả là một ngày hạnh phúc nhất của đời sống mình. Việc vun bồi các khả năằng quan sát, và tài năng nắm bắt được các yếu tố có ý nghĩa đạo đức và thuộc linh, trong một câu chuyện vốn có ích lợi rất lớn.

Ngoài hai gợi ý trên đây, không có những quy luật ký thuật nào cung cấp được cho người ta các đề tài cho bài giảng. Rốt lại, tốc độ theo các đề mục tự chúng gợi ý cho chúng ta, sẽ gia tăng tỷ lệ thuận với sự tăng trưởng của một người. Nếu một nhà truyền đạo trẻ có gặp vài khó khăn trong giai đoạn đầu của chức vụ mình, ông ta sẽ nhận thấy rằng khi các chân trời càng được mở rộng, nhờ thói quen nghiên cứu và phục vụ đều đặn cho Hội Thánh, các khó khăn ấy sẽ tan biến đi. Giải pháp "nghèo nàn" nhất cho vấn đề này, là những người khi di chuyển đến một Hội Thánh khác, thường trông cậy vào các bài giảng cũ của mình. Khi làm như thế, khả năng khám phá và lợi dụng các tài liệu mới mẻ và sáng tạo bị suy yếu đi, và nếu cứ tiếp tục như vậy trong một thời gian lâu dài, người ta sẽ bị mất đi khả năng tăng trưởng để đạt tới điều vẫn được gọi là "vạch giới hạn của chức vụ"

Trước khi kết thúc chương sách này, thiết tưởng nên nói vài lời về vấn đề quảng bá trước các đề tài của mình, bởi lẽ cũng có phần nào giá trị. Với những ai cứ giảng đều đặn cho cùng một hội chúng, thì thông báo trước các đề mục của bài giảng sẽ chẳng có lợi bao nhiêu. Chỉ nhân những cơ hội có một chủ đề đặc biệt đáng chú ý thì mới cần có một thông báo như thế, thí dụ như là trong một loạt bài giảng, trong một cuộc thảo luận về một biến cố thời sự nào đó, hoặc trong một vấn đề nào đó có ảnh hưởng đến chương trình hành động đang được Hội Thánh quan tâm đến. Nó lệ thuộc phần lớn vào tình hình địa phương và vào tầm quan trọng của đề tài.

Tuy nhiên, để thu hút hội chúng qua lời quảng bá trước, thì các bài giảng phải có những đặc điểm gì đó. Có hai kết hoạch có thể lợi dụng được: Một là gợi tánh hiếu kỳ. Có thể làm việc này bằng cách giấu đi phần tài liệu sẽ được thảo luận,thí dụ như "Những phương pháp lạ lùng để hoàn tất các mục tiêu quan trọng" là nhan đề một bài giảng về sự sụp đổ của thành Giê-ri-cô. Nó nêu rõ vấn đề, tuy câu nói có vẻ luộm thuộm. Mới đây, có bài giảng thật đúng lúc về "Lời rao truyền cho một thiểu số" (The Minority Report) căn cứ trên lời lẽ của Ê-sai 53: 1 "Ai tin đều đã rao truyền cho chúng ta?." Khêu gợi tánh tò mò, là một phương pháp hợp pháp để gợi chú ý, và ít khi bị đẩy đi quá xa. Tuy nhiên, có một nguy cơ, và phải cẩn thận đừng khiến cho hội chúng phải thất vọng với một cuộc thảo luận tầm thường sau

khi đã đánh thức người ta bằng cách dự báo rằng họ sẽ được nghe một điều khác thường, đáng kinh ngạc, vì người ta chỉ có thể bị lầm như thế một lần mà thôi.

Một phương pháp khác có thể sử dụng để khiến hội chúng đặc biệt chú ý đến một bài giảng là thông báo một chủ đề tự nó vốn đã lý thú rồi. Những chủ đề vào những thời điểm và địa điểm đặc biệt như "Tôi không thể tha thứ", "Đức Chúa Trời chữa bệnh", "Chúa tái lâm", "Ngày Sa-bát", "Người công chính qua đời sẽ ở đâu?" và những đề mục tương tự thuộc vào loại này. Vấn đề đưa ra một quảng đại đặc biệt thường liên quan nhiều đến lãnh vực truyền giảng Phúc-âm, hoặc những cuộc họp dài ngày hơn là công việc bình thường trên tòa giảng. Dầu vậy, điều cần lưu ý là trên thực tế, tất cả các nhà truyền đạo nổi tiếng đều quảng bá trước hầu hết, nếu không phải là tất cả, các đề tài của những bài giảng của họ. Tuy nhiên, tâm trí của quần chúng, vốn đã quen trông mong nơi các nhà truyền giảng Phúc-âm một điều gì đó khác thường, về vấn đề sẽ được đề cập hoặc về các phương pháp trình bày. Chẳng có lý do gì để một kế hoạch thỉnh thoảng thu hút được đông đảo quần chúng lại không được sử dụng liên tục, trừ khi nó đòi hỏi một người phải có tài mới duy trì được. Lẽ dĩ nhiên, cũng có cái nguy hiểm trong việc quảng bá trước những buổi nhóm mang tính tôn giáo, bởi nó làm thay đổi thị hiếu tốt và hạ thấp phẩm giá của tòa giảng. Thật ra, các nhân

vật lỗi lạc chẳng bao giờ bị sa vào lỗi lầm này. Quả thật, với một số các trung tâm, nơi mà tiêu chuẩn văn hóa của cộng đồng không cao lắm, thì những bài giảng và phương pháp tiếp cận khác thường, nhiều khi là điều có thể biện minh được. Tuy nhiên điều bao giờ cũng hay, cũng tốt là nên suy nghĩ về phương pháp của Chúa Giê-xu. Ngài công tác giữa đám quần chúng đông đảo và đã sống chan hòa với họ. Họ vui vẻ lắng nghe Ngài. Ngài dùng những điều thông thường của sinh hoạt hằng ngày để làm ví dụ minh họa, nhưng chưa có lần nào lời lẽ của Chúa lại có chút gợi ý về những gì không đẹp, hay không đạt tiêu chuẩn ý vị, thanh cao. Nói thật đơn sơ giản dị là một nghệ thuật tinh vi, và mục tiêu đáng cho bất kỳ một nhà truyền đạo nào cũng phải đạt tới. Những điều đê tiện, lỗ mãng và tục tằn đều không có chỗ đứng, và không xứng đáng với bất kỳ một người nào phải ăn nói trước công chúng, và trên hết, là với người truyền giảng Phúc-âm. Bất cứ người nào có đầu óc sáng suốt, muốn học đòi tác phong và phương pháp của Chúa Giê-xu, đều không thể để cho mình đi sai lạc quá xa.

Câu Hỏi Chương 3

1. Điều gì là cần thiết để hiểu đúng các nhu cầu thuộc linh của một hội chúng?
2. Đâu là một số điều quyết định cho tính khí của một nhà truyền đạo?
3. Làm thế nào để một người có thể phong phú hóa (làm giàu cho) công tác truyền giảng của mình.?
4. Có thể bào chữa gì cho các đề tài tiêu cực không?
5. Những yếu tố nào trong phần tài liệu của bài giảng khiến nó trở thành sinh động nhiều nhất?
6. Tại sao mục tiêu dứt khoát là cần thiết, để việc truyền giảng đạt thành công?
7. Nói ra đề tài của một bài giảng rồi nêu lên mục tiêu của nó?
8. Nhà truyền đạo phải làm gì để có phần tài liệu cho bài giảng thật sự giúp ích cho người ta?
9. Cho một thí dụ minh họa khác hơn các ví dụ đề cập trong sách này, về một bài giảng tự nó vốn lý thú mà cũng hấp dẫn như bản tính của phần thảo luận được giấu kín.

Chương 4

CÂU GỐC

Một trong những điều lý thú trong lịch sử giảng dạy, là việc sử dụng các câu gốc. Trong Hội trường Do-Thái, các bài thuyết giảng gồm việc giải thích Kinh Thánh Cựu Ước. Chúng ta có được vài thí dụ về việc này trong phần ký thuật về công tác của Chúa Giê-xu và các sứ đồ. Trong chương thứ tư sách Lu-ca, chúng ta đọc thấy, "Đức Chúa Jêsus đến thành Na-xa-rét, là nơi dưỡng dục Ngài. Theo thói quen, nhằm ngày Sa-bát, Ngài vào nhà hội, đứng dậy và đọc. Có người trao sách tiên tri Ê-sai cho Ngài, Ngài giở ra, gặp chỗ có chép rằng:

Thần của Chúa ngự trên Ta: Vì Ngài đã xức dầu cho Ta đặng truyền Tin Lành cho kẻ nghèo; Ngài đã sai Ta để rao cho kẻ bị cầm được tha, kẻ mù được sáng, kẻ bị hà hiếp được tự do; và để đồn ra năm lành của Chúa. Đoạn, Ngài xếp sách, trả lại cho kẻ giúp việc, rồi ngồi xuống; mọi người trong nhà hội đều chăm chỉ ngó Ngài. Ngài bèn phán rằng: Hôm nay đã được ứng nghiệm lời Kinh Thánh mà các ngươi mới vừa nghe đó."

Rồi trong Công vụ 13: 14 và tiếp theo, chúng ta đọc thấy Phao-lô và phái đoàn của ông "từ Bẹt-găm... đến An-ti-ốt xứ Bi-si-đi." Ngày thứ bảy, họ vào thăm hội trường Do-Thái. Sau khi đọc sách luật Môi-se và các sách tiên tri, các quản lý hội trường sai người mời Phao-lô và Ba-na-ba: "Thưa các ông, nếu các ông có lời khích lệ hội chúng, xin cứ nói." Phao-lô bắt đầu một bài thuyết giảng, trong đó ông căn cứ vào Luật pháp và các sách tiên tri để giải thích về chức vụ Đấng Mê-si-a của Chúa Giê-xu.

Trong các buổi họp của các Cơ-Đốc nhân nguyên thủy, có lẽ đã có những cuộc thảo luận hoặc khuyên bảo nhau, căn cứ vào các lời dạy của Chúa Giê-xu và các sứ đồ: " Các tín hữu chuyên tâm vâng giữ lời dạy của các sứ đồ" (Công 2: 42). Những giây phút chuyện trò ngắn ngủi này rất có thể đã được thực hiện vào mỗi cơ hội họ họp mặt (xem Cơ 3: 16; Êph 5: 19). Những lần đề cập đến các buổi họp thờ phượng trong Kinh Thánh, cũng cho thấy chúng không có tính cách chính thức. Không có những nhà truyền đạo được đào tạo hẳn hoi, và mỗi người đều đóng góp điều mình có thể đóng góp được để gây dựng hội chúng. Trong việc phát triển các buổi nhóm về sau của Hội Thánh, việc giảng dạy theo đề mục và có tánh cách nghi thức hơn đã trở thành quy luật. Tuy nhiên, các nhà cải chánh do nhiệt tâm muốn phục hồi quyền đọc Kinh Thánh cho mọi người, đã đưa vào phương pháp sử dụng một câu gốc làm nền tảng cho bài giảng, và phương pháp

này vẫn tồn tại như một tập tục mãi đến chúng ta ngày nay.

Hiện nay, đang có khuynh hướng muốn xa lìa phương cách này. Sở dĩ nó được đưa vào, một phần lớn là do người ta đã thay đổi quan điểm liên hệ đến chức năng của tòa giảng. Tôn giáo vốn có mối liên hệ sống động với mọi hoạt động của đời sống, cho dù đó là xã hội, chính trị, kinh tế hay giáo dục. Do đó, một số các nhà truyền đạo đã xem tòa giảng như một nơi thích hợp để thảo luận các vấn đề thuộc về các lãnh vực ấy. Rõ ràng là những bài thuyết giảng như thế sẽ chẳng cần gì đến một câu gốc trong Kinh Thánh, và như vậy thì việc dùng một câu phù hợp với ý nghĩa cho thấy chỉ mang tính cách hình thức mà thôi. Trong những trường hợp như thế, điều tự nhiên nên làm là hoàn toàn miễn trừ câu gốc, còn hơn chỉ bám chặt vào phần hình thức mà thôi.

Có lẽ một ảnh hưởng khác nữa có khuynh hướng muốn từ bỏ cách dùng các câu gốc, là khuynh hướng giảng theo đề mục. Trong thời trước, việc quảng bá chủ đề của các bài giảng là không cần thiết. Hễ đến Chúa nhật là người ta đi nhà thờ như một việc làm tự nhiên bình thường, tất cả những gì có cần để nhà truyền đạo phải làm, là đọc lên câu gốc của mình rồi giải thích và triển khai nó. Nhưng tình hình đã đổi thay. Hiện nay, điều cần thiết là phải thu hút hội chúng, mà muốn làm thế thì các đề mục phải "quảng bá" trước và cần áp dụng nhiều phương

pháp đặc biệt. Nỗ lực tiếp cận những người đã tỏ ra lãnh đạm với tôn giáo này, đã dẫn tới việc các nhà truyền đạo phải thay đổi cách nhấn mạnh, từ chỗ căn cứ vào một phần câu gốc để giảng, thì nay chuyển sang việc giảng theo đề mục, và trong lúc có nhiều đề tài hấp dẫn vốn được các phần câu gốc gợi ý, thì khuynh hướng bỏ qua sử dụng các phần câu gốc vẫn tiếp tục.

Tuy nhiên, cách thử nghiệm thực tế là điều sẽ quyết định vấn đề. Điều nào sẽ đem lại kết quả tốt hơn, dùng các phần câu gốc hay loại bỏ chúng đi? Ta sẽ được lợi ích gì, nếu có sử dụng các phần câu gốc? Trước hết, Kinh Thánh vốn là một nguồn được thừa nhận của chân lý, do đó một câu trích dẫn từ Kinh Thánh khiến cho bài giảng trở thành có uy quyền. Kinh Thánh luôn luôn ở vị trí tốt đẹp nhất hơn bất kỳ lời truyền dạy nào trong những quyển sách khác. Khi nhà truyền đạo tự đưa ra lời giải thích của riêng mình về chân lý, mà không đưa ra một nền tảng nào của Kinh Thánh cả, thì chúng ta cảm thấy mình có quyền tự do chấp nhận hoặc chối bỏ nó, cũng y như chúng ta có thể nghe các quan điểm của một diễn giả về bất cứ một chủ đề nào khác. Tuy nhiên, khi ông ta có thể chứng minh rằng mình đang giải thích hay nhấn mạnh những gì Kinh Thánh đã truyền dạy, chúng ta cảm thấy sứ điệp của ông ta là có giá trị hơn, đáng suy nghĩ và tỏ lòng kính trọng hơn để nghiền ngẫm.

Vậy, nhiều phần câu gốc diễn tả được chân lý bằng một hình thức giúp chúng ta biến bài giảng trở thành có hiệu quả. Phần câu gốc rất thường được dùng làm phần tóm tắt cho cả bài giảng. Chẳng những nó nêu ra phần tư tưởng, mà thường diển tả bằng một ngôn ngữ rõ ràng, mạnh mẽ và thuận tai, hoàn toàn đứng riêng rẽ với bất cứ thẩm quyền nào khác mà ta có thể gán cho nó bởi vì nguồn gốc của nó. Tất cả các học giả đều nhất trí với nhau về giá trị văn chương của Kinh Thánh. Có điều kỳ lạ là nhiều trường cao đẳng, là nơi có thể loại mẫu mực về văn chương đã được giới thiệu và nghiên cứu, từ lâu đã không còn dùng nó làm sách giáo khoa nữa. Người ta không hề tìm được những hình thức văn chương nào hay hơn thế ở bất cứ nơi đâu, cũng chẳng hề có nền văn chương nào lại có được những lý tưởng cao siêu hơn thế. Nếu đó không phải là lời của Đức Chúa Trời, nhưng chỉ là lời của người ta mà thôi thì giá trị văn chương vốn có của nó cũng đã đủ để giữ cho nó khỏi bị mai một rồi.

Trong một số các câu gốc, chúng ta có những chủ đề sinh động nhất, được trình bày hết sức đơn sơ và một nhịp điệu đẹp đẽ khiến chúng ta vẫn còn nhớ rất lâu sau khi đã quên mất bài giảng. Có ai, khi giảng về tội lỗi lại có thể tin được những lời lẽ chân xác một cách phổ quát, và hàm xúc hơn là mấy lời trong sách Rôma: "Vì mọi người đều đã phạm tội, làm hụt mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời" (Rô. 3: 23). Sự kiện này đã ăn sâu, bám rễ vào các tập tục và

nghi lễ của các dân tộc. Khi đề cập đặc tính của Đức Chúa Trời, người ta sẽ chẳng bao giờ tin được những lời lẽ hấp dẫn hơn trong Giăng 3:16 "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất nhưng được sự sống đời đời." Chẳng hề có những lời an ủi nào được tìm ra, mà lại thiết thân với tấm lòng con người ta hơn là lời lẽ của Thi thiên thứ hai mươi ba, "Đức Giê-hô-va là Đấng chăn giữ tôi, tôi sẽ chẳng thiếu thốn gì", hay là lời lẽ của Chúa Giê-xu trong Giăng14:1-3, "Lòng các ngươi chớ hề bối rối; hãy tin Đức Chúa Trời, cũng hãy tin Ta nữa." Nói khác đi, hầu như tất cả mọi chân lý chúng ta muốn diễn tả về một đặc tính tôn giáo nào cũng có thể truyền đạt qua những đoạn Kinh Thánh. Nếu chúng ta có thể ghi khắc vào tâm trí người ta một ấn tượng về một phần Kinh Thánh nào, thì cho dù những gì chúng ta nói ra thật hoa mỹ, trau chuốt cũng dễ dàng bị quên mất đi, chỉ còn lại lời Chúa mới khiến nó trở thành có giá trị vĩnh viễn cho đời sống những người nghe.

Một giá trị quan trọng khác nữa, nảy sinh từ cách dùng các phần câu gốc là năng lực tạo liên tưởng kỳ diệu, khiến tâm trí có được một cách để ghi nhớ các bài giảng của chúng ta. Rất lâu sau khi đã quên mất bài giảng, các phần câu gốc được dùng vẫn còn được người ta nhớ. Nói như thế, không có nghĩa là tất cả những gì được người ta nói ra đều đã bị quên mất đi, mà đúng hơn là ngụ ý bảo rằng phần

thảo luận đã đếm ý nghĩa cho phần Kinh Thánh. Nhiều người có quá trình dài quan tâm đến những điều thuộc linh, sẽ không có mấy khó khăn nhắc lại những bài giảng mình đã được nghe từ nhiều năm rồi, tuy tất cả những gì họ nhớ chỉ là phần câu gốc. Có lần, một người đã nói với tác giả sách này rằng ông ta đã không đi nhà thờ từ hai mươi lăm năm rồi, thế nhưng ông ta có thể đọc lại phần câu gốc của bài giảng mà ông ta đã nghe, và có thể chỉ rõ trong Kinh Thánh để người ta có thể tìm ra nó. Vậy, việc gì sẽ xảy ra cho bài giảng nếu nó không được kết chặt với một khúc Kinh Thánh? Nhưng hãy còn một điều vượt hẳn việc nhớ lại đại ý của bài giảng liên quan đến sự liên tưởng này. Chúng ta thường kết hợp bài giảng với những người đã giảng nó, và đời sống của chúng ta sẽ được phong phú nhờ nhớ lại nhân cách của ông ta. Trau chuốt, giải thích hay ứng dụng một khúc Kinh Thánh thế nào cho nó gây ấn tượng trên người ta, là cho nó một ý nghĩa, sẽ tồn tại mãi với họ qua suốt cả cuộc đời.

Trên quan điểm của nhà truyền đạo, thì việc sử dụng phần câu gốc, chúng ta vẫn có lợi về phương diện tuyên đạo. Nó thường rất có ích để nhập đề một bài giảng, nhờ nó khiến ta tiếp cận dễ dàng với đề tài. Nhiều chủ đề có ít nhiều khó khăn tinh tế, có thể được giới thiệu theo cách này. Đều này quả đúng như thế, ví dụ trong một loại bài giảng mà các chủ đề rất khó dẫn nhập (giới thiệu) bằng phương pháp khác, có thể được đề cập chỉ vì

chúng có liên hệ với các chủ đề khác trong nhóm. Ngày nay, những loại bài giảng như với Mười Điều Răn, đã được sử dụng như thế. Công cuộc truyền giáo và quản lý cũng là những đề mục mà phần nhập đề có thể dễ dàng hơn khi phần câu gốc đã được sử dụng ngay từ đầu. Mỗi một giai đoạn, một phương diện của đời sống hiện đại đều có phần ứng dụng cho nó trong Phúc-âm, và mỗi cái xấu, điều ác, đều có một phương thuốc duy nhất cho nó. Vì lý do đó, chẳng hề có một đề tài về một đặc tính tôn giáo nào mà lại không có một khởi điểm trong một khúc sách nào đó của Kinh Thánh.

Tuy nhiên phần câu gốc không những giúp ích cho phần dẫn nhập, nhưng còn cho việc triển khai nó nữa. Nó giúp trực chỉ vào một mục tiêu hay mô tả một môi trường, mà trong đó phần triển khai phải được thực hiện. Cách giới hạn phạm vị này dẫn đến việc phải nghiên cứu đề tài thấu đáo hơn, mà cũng tiếp tay loại bỏ bớt tài liệu không thích hợp.

Tuy nhiên, có lẽ một trong những ưu điểm lớn nhất trong tất cả việc sử dụng các phần câu gốc là khiến cho mọi người làm quen với Kinh Thánh. Một khi đã được thực hiện tốt, sẽ chẳng có gì lý thú hơn là được đọc, giải thích và lý giải Kinh Thánh. Khi chúng ta có thể nói được với hội chúng một điều gì đó về một phần Kinh Thánh mà họ không biết, hay minh họa nó bằng một phương pháp mới mẽ nào đó, hay ứng dụng nó như chưa hề nghe nói có ai làm như thế trước đó, đem được sức sống và

quyền năng vào trong một bài giảng, thì sẽ chẳng có lời nói nào trước công chúng về bất luận một vấn đề nào, trong một lãnh vực nào, được phân phát trong một trường hợp nào lý thú và hữu ích hơn. Trên hết mọi sự, không phải do sự khôn ngoan nào của riêng mình, mà chỉ vì chúng ta biết phân phát lời của Đức Chúa Trời cho mọi người, mà chúng ta có thể hy vọng "Khiến họ nhận được sự cứu rỗi nhờ đức tin vốn có trong Chúa Cứu Thế Giê-xu".

Tuy nhiên, cần phải có óc suy xét khi sử dụng các câu gốc trong Kinh Thánh. Vì tất cả các khúc sách không có cùng một giá trị như nhau, cũng không phải tất cả đều có thể sử dụng theo một phương cách. Một loại thì phải thận trọng với phần Kinh Thánh được thêm vào (Interpolated), và một nhà truyền đạo biết rõ một câu Kinh Thánh có đặc tính ấy, sẽ không dùng nó làm cơ sở giáo lý duy nhất cho một bài giảng; cả khi rất có thể là những người nghe giảng không biết rằng nó thuộc vào loại ấy. Nếu có ai trong đám cử tọa tình cờ biết được rằng khúc sách ấy vốn được xem là một đoạn đã được thêm vào, và nó vốn không đủ phẩm chất, thì rất có thể người ấy sẽ bị mất đi niềm tin vào chính nhà truyền đạo, là điều sẽ còn nghiêm trọng hơn. Mặt khác, nếu diễn giả lưu ý sự kiện khúc sách ấy vốn không thấy có trong vài bản cổ sớm hơn của Kinh Thánh, và rất có thể rằng một số đông trong đám cử tọa không hiểu vấn đề liên hệ, thì điều đó chỉ làm suy yếu niềm tin của họ vào uy quyền của

Kinh Thánh mà thôi. Vậy, đâu là cách giải quyết đúng mức nhất đối với những khúc sách như thế? Hãy thấy Công vụ 8:37 chẳng hạn, là khúc sách nổi tiếng bị nghi ngờ đến nổi câu này bị hoàn toàn loại ra trong bản Revised Version phần Tân Ước. Ở đây chúng ta thấy câu hỏi của Phi-Líp và câu trả lời của quan thái giám người Ê-phi-ô-bi trước khi chịu pháp báp-tem. Đây là trường hợp quy đạo duy nhất trong Tân Ước có ghi lại một lời xưng nhận đức tin trực tiếp trước khi chịu phép báp-tem. Thế thì trích giảng đoạn sách ấy có hợp lẽ không? Xin đáp là có, nếu nó được dùng làm thí dụ minh họa cho khúc sách có uy quyền không ai chối cải được trong Rô. 10: 9, 10 chép rằng: "Nếu miệng anh em xưng nhận Giê-xu là Chúa và lòng anh em tin Đức Chúa Trời đã khiến Ngài sống lại thì anh em được cứu rỗi." Câu trên bổ sung thật đầy đủ cho vấn đề, và câu Kinh Thánh trong Công 8:37 có thể được trích dẫn kết hợp với nó mà không cần phải đề cập đến vấn đề như là một câu được thêm vào. Phương pháp này giúp nhà truyền đạo cảm thấy mình có lương tâm trung thực đồng thời không khiến cho kiến thức của ông ta bị nghi ngờ.

Có những khúc sách trong Kinh Thánh đã ghi lại lời lẽ của những người không được linh cảm. Thí dụ như các câu nói của Ê-li-pha, Binh-đát và Sô-pha, khi họ trò chuyện với Gióp; trong đó phần tình cảm mà họ bộc lộ chẳng bao giờ là đúng thật cả và các luận cứ họ đưa ra điều chống lại con người công

chính là Gióp Trong phần kết của quyển sách ấy, Đức Giê-hô-va đã bảo Ê-li-pha: "Các ngươi không có nói về Ta cách xứng đáng y như Gióp, kẻ tôi tớ Ta đã nói." Như thế, khi trích dẫn lời lẽ của bất cứ ai trong ba người này, ta có thể trình bày như là chân lý, điều mà ở cuối quyển sách ấy đã dán cho cái nhãn hiệu là sai lầm. Rõ ràng là sau khi đã nghiên cứu nhiều khúc sách riêng lẻ thuộc dạng này, một phần lớn trong số đó có thể rất hữu ích, cho thấy bản tính của người nói và hoàn cảnh khiến ông ta thốt ra những lời ấy đều đã được lưu ý. Vua Aỳc-ríp-ba đã nói với Phao-lô: "Chỉ trong khoảnh khắc mà người muốn thuyết phục ta trở thành tín đồ Chúa Cứu Thế sao" (Công 26: 28). Nhưng vua Aỳc-ríp-ba là người ngoại đạo nên có thể đưa ra nhận xét ấy, hoặc như một câu nói mĩa mai, hoặc do cái nhìn thành thật về tôn giáo, hoặc ngay cả tinh thần trong đó những lời này chỉ nói lên là một vấn đề nhỏ theo chừng mực giá trị của chúng đối với phần Kinh Thánh liên quan. Ý kiến riêng của một người về vấn đề này rất có thể giúp tạo ra được một nhập đề lý thú, nhưng phần Kinh Thánh thì có thể được dùng để kêu gọi những người đang còn phân vân trong vấn đề tin nhận Phúc-âm, bất chấp tâm trạng của Aỳc-ríp-ba khi vua ấy thốt ra câu nói đó. Tuy nhiên, điều nên làm là phải phân biệt rõ ràng giữa những câu nói được linh cảm và những câu nói chẳng được cho là được linh cảm, và còn có thể là sai nữa. "Nghề nghiệp của nhà vua đòi hỏi ông ta phải vội vã", có thể được dùng trong một ý thức phù hợp, như trong trường hợp của một bài

ca tôn giáo hiện đại, văn mạch mà nó xuất hiện trong Kinh Thánh là một điều sai lầm, nó chỉ thật sự phản ảnh bản tính của người nói.

Nhiều khi một khúc Kinh Thánh có thể chỉ nói lên một phần chân lý về một chủ đề, nhưng khi được dùng riêng rẻ, có thể nói lên một quan điểm phiến diện. Gặp trường hợp như thế, cần phải kết hợp nó với những khúc sách tương tự để có được ý niệm hoàn chỉnh. Một thí dụ cho trường hợp này, là Galati 6: 2 "Hãy mang lấy gánh nặng cho nhau." Một câu khác trong 6: 5 "Vì mỗi người phải có những bổn phận riêng phải làm cho trọn." Câu trên nhấn mạnh sự bó buộc mà các Cơ-Đốc nhân đối với nhau trong mối liên hệ tập thể của họ; câu dưới là gánh nặng không thể tránh được mà mỗi người phải tự mình mang lấy, bất chấp những người khác có sẵn sàng muốn trợ giúp người ấy đến đâu đi chăng nữa. Thêm vào hai câu này, còn có cả một câu Kinh Thánh thứ ba nữa: "Hãy trao gánh nặng ngươi cho Đức Giê-hô-va" (Thi 55: 22), diễn tả sự trợ giúp của Đức Chúa Trời khi ta lâm hoạn nạn. Cần phải xét thật kỹ cả ba phương diện này khi bàn đến vấn đề mang gánh nặng, nếu không, chủ đề được thảo luận có thể khiến người ta nghĩ rằng các Cơ-Đốc nhân khác có bổn phận mang gánh nặng của mình, hoặc khiến cho đương sự ngã lòng khi tưởng rằng chỉ có một mình là phải gánh vác tất cả, hoặc có thể khiến người ấy chẳng cần quan tâm gì đến chúng, vì như Chúa đã dạy là chúng ta cứ trao hết chúng cho Ngài.

Sử dụng kết hợp nhiều phần Kinh Thánh với nhau khi gặp trường hợp như thế thì bao giờ cũng phải lẽ, và thường rất được ưa chuộng nữa, tuy nhiên, việc thỉnh thoảng có thể xảy ra là cách dùng những phần Kinh Thánh song hành như thế, có thể mở rộng quá nhiều một lãnh vực để rồi bài giảng không thể nhấn mạnh điểm độc đáo mà chúng ta muốn đưa ra. Thí dụ, có thể chúng ta chỉ muốn giới hạn chủ đề mang gánh nặng vào một điểm "Khía cạnh riêng tư của việc mang gánh nặng", hoặc "Trách nhiệm hai chiều trong vấn đề mang gánh nặng" mà thôi. Một khi chủ đề đã bị giới hạn như vậy, và ta chỉ muốn dùng một điểm trong số đó để làm đề tài, thì tình hình thường có thể được trợ lực bằng cách đề cập các khía cạnh khác của chủ đề. Việc này giúp mọi người thấy rằng tư tưởng của ta vốn có mối liên hệ phải lẽ với các câu gốc và sự kiện cùng loại, và rằng ta không hề bị chỉ một ý niệm nào đó ám ảnh mà loại bỏ các quan điểm khác. Việc làm này giúp ta thêm tin quyết vào cách phán đoán và nhấn mạnh đến sự sống, do đó, các ý kiến của ta càng được mọi người coi trọng hơn để suy gẫm.

Một loại khác nữa là câu gốc được thu gọn hay không sử dụng trọn vẹn. Bài giảng của tiến sĩ Chapman nhan đề: "Và Thánh đồ Phi-e-rơ", hay bài giảng sau đó của Spurgeon nhan đề "Đã thế nào... thì cứ thế ấy", là các loại bài giảng thuộc hạng này. Nói chung thì cách rút gọn như thế vốn chẳng hay gì lắm. Có thể chỉ những trường hợp hết sức hiếm

hoi mới có một bậc thiên tài dám thách thức cả các quy luật lẫn nguyên tắc, nhưng các thiên tài thì vốn hiếm hoi, cho nên các cơ hội để họ có thể làm như vậy cũng không nhiều. Những khúc sách như vừa kể trên vốn chẳng có ý gì cả khi chúng vừa được nêu ra. Shakespeare, Milton và có thể là một số ít những con người tài trí khổng lồ khác nữa thỉnh thoảng vẫn có thể vi phạm các mẹo luật căn bản của ngữ pháp và mỹ từ pháp, nhưng những người kém hơn thì nhận thấy phải làm việc hài hòa với các mẹo luật ấy vẫn có lợi cho mình hơn. Nếu có ai tin chắc rằng mình là một Spurgeon, một Moody, một Chapman hay một Maclaren, và khi gặp cơ hội hiếm có xảy ra thì người ấy sẽ được an toàn để sử dụng các phần câu gốc không đúng mẹo luật văn phạm và không đầy đủ như thế. Trong khi chờ đợi, việc thay đổi một phương pháp khác có thể được ưa chuộng hơn.

Tương phản với loại vừa kể là một loại ở một thái cực khác, đó là những câu gốc dài. Có lần nhà truyền đạo thông báo rằng bản văncủa ông ở I Tim 3: 16 "Mọi người đều cho sự mầu nhiệm của sự tin kính là lớn lắm: Đấng đã được tỏ ra trong xác thịt, thì đã được Đức Thánh Linh xưng là công bình, được thiên sứ trông thấy, được giảng ra cho dân ngoại, được thiên hạ tin cậy, được cất lên trong sự vinh hiển".

Thường thường thì dùng những câu gốc như thế là không khôn ngoan vì nhiều lý do. Trước hết, chúng vốn quá dài để có thể nhớ được cho nên nó

không thể được dùng như phần tóm tắt của bài giảng. Thứ hai, những câu gốc như thế có phạm vi quá rộng; chúng chiếm quá nhiều lãnh vực chỉ cho phép một phần triển khai bất thường. Bất kỳ điểm nào trong số sáu điểm đã được đề cập trong câu này, chỉ một mình nó thôi, cũng rộng đủ để người ta giảng cả một bài. Một bất lợi khác nữa của một câu gốc dài, là thay vì làm phát sinh cái cảm thức thúc đẩy như đáng ra nó phải làm, lại thường gây ra cái cảm giác gần như một hình phạt cho những thành viên còn non trẻ của hội chúng, và có lẽ không phải là hoàn toàn không đúng sự thật khi bảo rằng, ngay đến những người có tuổi tác nữa cũng chia xẻ một phần cái cảm giác ấy.

Bây giờ đến phương diện tích cực hơn của công tác thảo luận các phần câu gốc, chúng ta hãy điều nghiên xem điều gì đã cấu thành một câu gốc phù hợp cho bài giảng. Lẽ dĩ nhiên là giá trị của nhiều khúc sách khác nhau trong Kinh điển đều khác nhau đối với từng cá nhân, vì tính khí và bối cảnh đào tạo huấn luyện dị biệt của họ. Mỗi người đều có thể viết ra cho mình cả chục tá các khúc sách được mình ưa thích, và rồi tìm trong đó phần phẩm chất độc đáo khiến mình tán thưởng chúng, và một khảo sát nội quan như thế sẽ đem lại phần thưởng cho họ. Tuy nhiên, có nhiều khúc sách vốn được mọi người ưa chuộng. Khi tìm đến chúng, chúng ta thấy ít nhất cũng có ba phẩm chất dường như đã đem lại giá trị cho chúng.

Trước hết, có phần hình thức văn chương. Người tán thưởng giá trị của văn chương không thể không bị tiết tấu và vẽ đẹp của câu "Hỡi linh hồn ta, hãy ca tụng Đức Giê-hô-va, và mọi điều chi ở trong ta, khá ca ngợi danh thánh của Ngài" làm cho say mê mình, hoặc, "Các từng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa trời, bầu trời giải tỏ công việc tay Ngài làm".

Tuy nhiên, những câu gốc quan trọng đã được mọi người đánh giá cao còn chứa đựng một cái gì vượt trên hình thức văn chương nữa. Chúng hàm chứa một vài lời hứa phong phú, hoặc bày tỏ một vài nguyên tắc quan trọng nào đó của đời sống, chẳng hạn như đem đến một ý nghĩa sâu hơn cho cuộc đời. Có lẽ không khúc sách nào trong Kinh Thánh lại được nhiều người biết hơn là Giăng 3:16 "Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian đến nổi đã ban Con một của Ngài, hầu cho hễ ai tin Con ấy không bị hư mất nhưng được sự sống đời đời." Chẳng có gì để nghi nghờ về ý nghĩa của câu này vốn nằm trong phần mặc khải, nêu lên đặc tính của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta mở Cựu Ước ra, là nơi dường như có rất nhiều điều chẳng đụng chạm gì tới sinh hoạt hiện đại của chúng ta, thỉnh thoảng chúng ta vẫn tìm được những viên ngọc quý, chẳng hạn trong tác phẩm của một tiểu tiên tri có chép: "Cái điều mà Đức Giê-hô-va đòi ngươi há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhân từ, và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời ngươi sao?" (Mi-chê 6: 8).

Có cách gì toàn hảo hơn để một câu ngắn gọn như thế trình bày về lý tưởng của đời sống hay không? Khi tiếp cận Kinh Thánh, điều chúng ta nhận thấy là thật sự có giá trị cho riêng mình, là điều mà khúc sách ấy tỏ ra gần gũi, thiết thân với chúng ta, và chỉ khi nào chúng ta tán thưởng chân lý của nó, chúng ta mới có thể hy vọng khiến nó trở thành thực tại cho nhiều người khác, vì giảng dạy là cách diễn đạt chân lý qua nhân cách con người, và điều gì chưa trở thành một phần của chúng ta thì không thể nào san sẻ nó cho người khác.

Tuy nhiên, có một vài câu gốc mà ý nghĩa của chúng chỉ được tán thưởng tối đa khi đem sử dụng nhân những cơ hội đặc biệt. Chẳng có cách gì để một nhà truyền đạo chứng tỏ tốt nhất điều tâm đắc và óc phán đoán ý nhị của mình hơn là việc lựa chọn những câu gốc thích hợp cho nhiều buổi nhóm bất thường, mà ông ta được mời tham dự hoặc tự mình chủ trì, hướng dẫn. Biết cách sử dụng các câu gốc quan trọng nhân những cơ hội ấy là cả một thành tựu vĩ đại. Những cơ hội bất thường như thế, thường phải sử dụng một khúc sách trong một ý thức thích hợp. Khi dùng như vậy, người truyền đạo lấy những từ ra khỏi văn mạch của nó và làm cho nó phù hợp với hoàn cảnh. Thí dụ mới đây có một bài giảng theo Giăng18:12, "Chúng bắt trói Chúa Giê-xu." Sau khi vạch rõ mối liên hệ giữa các lời lẽ đã được dùng trong câu ấy, câu gốc được ứng dụng cho các Cơ-Đốc nhân hiện đại, chứng minh cho thấy

bằng các thói quen xấu của đời sống họ, Cơ-Đốc nhân đã ngăn trở không để Chúa Giê-xu bày tỏ chính Ngài ra qua nhân cách của họ. Nếu được sử dụng tốt, một bản văn khéo lèo lái, điều chỉnh, nhiều khi có thể được nổi bật và thành công thật bất ngờ.

Như thế, chúng ta thấy rõ các câu gốc thật sự quan trọng, có giá trị là nhờ chúng được diễn tả tốt đẹp, có chứa đựng chân lý sinh động, và phù hợp với cơ hội chúng được sử dụng. Làm thế nào để chúng ta phát giác ra những khúc sách như thế?

Chẳng có câu trả lời nào hay hơn, là bảo rằng mỗi người đều phải tự tìm ra chúng bằng cách chính mình phải đọc (Kinh Thánh), nhưng cũng còn phải thêm vào đó tài quan sát và những từng trải phong phú. Đọc mà không có kinh nghiệm sẽ làm cho tài liệu bài giảng trở thành lý thuyết thuần túy; kinh nghiệm không sẽ không đạt được sự giải thích cao nhất cho đến lúc được liên hệ với chân lý vĩnh cửu. Do đó, việc sẽ luôn xảy ra chỉ khi nào chính nhà truyền đạo tự đọc Kinh Thánh và khám ra phần ý nghĩa sâu nhiệm của nó, thì ông ta mới tự mình biết rõ các câu gốc quan trọng. Người khác chẳng bao giờ có thể chọn được chúng cho ông, vì từng trải của mỗi người cũng như tính cách đặc trưng của họ đều khác nhau. Hơn nữa, nếu có làm được như vậy thì người ta chỉ đơn giản tiếp thu phản ứng của người khác đối với chân lý của Đức Chúa Trời, chớ không phải là của chính mình. Có một số người đi tìm sự

trợ giúp, và có thể tìm được nhiều gợi ý trong các bộ từ điển về các câu Kinh Thánh quan trọng, nhưng trông cậy vào các nguồn tài liệu ấy chỉ là một phương pháp nhân tạo trong việc chọn câu gốc, và sẽ chẳng bao giờ đem đến cho mình niềm vui có được khi chính mình tự phát hiện được chúng cho riêng mình. Trong Kinh Thánh có rất nhiều đoạn sách quan trọng, và "ai tìm sẽ gặp", chớ chẳng còn có cách nào khác.

Câu Hỏi Chương 4

1. Trong chừng mực nào, bạn có thể biện minh được cho việc sử dụng tòa giảng nhằm thảo luận những chủ đề khác hơn những chủ đề đặc biệt có tính cách tôn giáo?
2. Có xung khắc nào giữa các bài giảng theo đề mục với việc sử dụng các câu gốc hay không?
3. Trong chừng mực nào, Kinh Thánh có thể được trích dẫn, như một thẩm quyền cho ngày nay?
4. Theo ý bạn, thì lý do vững chắc nhất để sử dụng các câu gốc cho sự giảng dạy là gì?
5. Bạn có thể gợi ý cho một trường hợp dường như tốt nhất là không nên dùng một câu gốc hay không?
6. Theo bạn, khi nào nên dùng nhiều câu gốc cho một bài giảng, và khi nào thì chỉ nên dùng một câu duy nhất mà thôi?
7. Hãy chọn sáu khúc Kinh Thánh mà bạn tâm đắc, khảo sát chúng, và nêu lý do cho phần giá trị mà bạn gán cho chúng.
8. Bạn hãy gợi ý về một phương pháp nghiên cứu hay đọc Kinh Thánh nào đó giúp thấy nhiều câu gốc quan trọng trong Kinh Thánh.
9. Bạn biện minh thế nào cho việc sử dụng một câu gốc chứa chan tình cảm?

Chương 5

NHẬP ĐỀ

Trong khi đề cập đến các phần chủ yếu của một bài giảng, chúng ta đã tập họp dưới tiêu đề "Nhập đề" tất cả phần tài liệu đi trước các phần chính hay phần thảo luận đề tài. Đồng thời, chúng ta có thể nhận thấy các phần có tính cách kỹ thuật bao gồm trong phần này của bài giảng, nếu muốn đi vào các chi tiết để tiếp cận phần nhập đề, có lẽ phương pháp rõ rệt nhất phải làm là bám theo tiến trình qua các bước ấy.

Tuy nhiên, trước khi khảo xét phương pháp soạn phần nhập đề, xin chúng ta chú trọng vào chủ đích của nó, vì chừng mực nào đó, việc làm này sẽ xác định phương pháp của chúng ta. Ta có thể nhắm vào ba chủ đích trong phần này của bài thuyết giảng. Một trong số đó là thu hút sự chú ý. Ngay từ lúc bắt đầu thì dễ thu hút sự chú ý hơn bất kỳ phần nào của bài giảng. Đứng về mặt tâm lý thì điều này rất đúng, vì tâm trí (thính giả) vẫn chưa bị loại mộng mơ nào thu hút, cũng chưa bị tiếng gọi của một nguồn ảnh hưởng nào. Những người đến nhà thờ thường được chuẩn bị tốt để sẵn sàng hướng vào

việc nghe giảng, và phần bắt đầu của bài giảng chính là nơi phải chú tâm vào nếu nuốn duy trì sự quan tâm, chú ý của hội chúng xuyên suốt bài giảng. Lẽ dĩ nhiên là theo nghĩa hẹp nhất của nó. Chủ đích của phần nhập đề là giới thiệu đề tài, mà bước đầu tiên trong chiều hướng này chắc chắn là phải khiến được cho mọi người chú ý đến những gì sắp được nói ra.

Phải thấy rằng, khiến thính giả chú ý tùy thuộc một phần vào nhân cách của diễn giả. Khi các nhân vật có thiên tài bắt đầu truyền giảng và mọi người đều sốt ruột muốn nghe họ, thì chẳng còn gì cần thiết đến việc xét một bài giảng hay phương pháp đặc biệt nào cả. Tuy nhiên, có một mẹo nhỏ về điệu bộ thỉnh thoảng vẫn được dùng khi bắt đầu một bài diễn văn chính thức, mà người ta biết vài nhà truyền đạo vẫn sử dụng thành công. Khi sắp bắt đầu lên tiếng, họ có một cách nhìn vào mặt đám cử tọa một cách thật bình thường và cố ý, nhưng không phải là nhìn chăm "châm bẩm", cái nhìn "soi bói." Có một khoảnh khắc nào đó mọi người đều tự nhủ "Chẳng biết bao giờ thì ông ta mới bắt đầu đây?" đây là thì giờ để giảng bằng tâm lý, cử tọa đang ở trong tâm trạng trông chờ.

Một mục đích khác nữa là phần nhập đề cần triển khai mối quan tâm. Một khi đã được nghe thông báo về đề tài hay câu gốc, người ta có thể tự nhủ: "Ồ! vấn đề này thì chẳng có gì đáng quan tâm, mình đã chú ý đến nó từ rất lâu rồi mà", và đây là

chổ để nhà truyền đạo chứng minh rằng mình muốn thảo luận một góc cạnh nào đó rất mới mẽ_ nếu ông ta có loại tài liệu gì đó thật độc đáo. Hoặc cũng có thể ông đã thông báo rằng, ông ấy sẽ nói về một chủ đề hoặc câu gốc nào đó chẳng có chi hấp dẫn đối với cá nhân nào cả, nhưng giờ đây nhiệm vụ của nhà truyền đạo là phải làm thế nào để buộc người ta chú ý đến. Có thể thực hiện điều này bằng cách vạch rõ vai trò của chủ đề ấy trong chương trình của Cơ-Đốc giáo, hay trình bày bằng phương cách thảo luận mới mẽ sẽ khiến mọi người dù có dửng dưng đến đâu, cũng phải quan tâm chú ý. Phần lớn trong phương cách truyền giảng, chúng ta cần phải đánh đổ những thành kiến về tôn giáo, hay có thể là thái độ ù lì, bởi hậu quả của lối giảng quá quen thuộc, một khi có nhiều bài giảng từng được trình bày về cùng một đề tài không có sự khích động hay đem lại lợi ích cho hội chúng. Khi hội chúng còn quan tâm đến Kinh Thánh, họ vẫn còn có thể bị cảm động bởi những lời giảng dạy một cách sinh động và độc đáo mà thôi. Điều này có nghĩa rằng ta phải có khả năng trình bày một sứ điệp thế nào mà sau đó, mọi người đều có thể nói rằng, "Tôi chưa từng nghe đề tài ấy được trình bày một cách như vậy trước đây." Chính trong phần nhập đề, chúng ta phải vạch rõ tính cách độc đáo mà chúng ta sẽ thảo luận vấn đề, bởi đó sẽ khơi dậy được tánh tò mò về những gì chúng ta sắp nói. Chính tại đây nhà truyền đạo phải nắm được cử tọa của mình.

Điều cuối cùng phải nhắm vào nhập đề là việc tạo ra được một bầu không khí. Nhiều buổi nhóm mang tính tôn giáo thường được thực hiện qua sự ngợi ca Chúa và đọc Kinh Thánh; về phần mình, nhà truyền đạo chẳng cần phải nổ lực nhiều. Tất cả những gì ông cần làm là đưa vào bầu không khí chung một chút gì đó để có một khí vị đặc thù. Nó phải có tính cách ca ngợi, tán tụng khi ông ta định đề cập đến việc các từng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nó phải có một chút gì đó cho người ta hy vọng, nếu ông ta đề cập đến "Quê hương ở bên kia thế giới?." Hoặc chủ đích của ông có thể là gợi cho họ một ý thức về tội lỗi, để đánh thức lương tâm và kêu gọi mọi người ăn năn. Tâm trạng đặc thù này nói chung có thể tạo được nhờ đặc tính độc đáo của những bài thánh ca và những đoạn Kinh Thánh được chọn. Một khi đã thu hút được sự chú ý, đánh thức mối quan tâm và đưa mọi người vào tâm trạng thuận lợi cho việc triển khai đề tài như thế rồi, nghĩa là chúng ta đã sử dụng được một phần nhập đề kiểu mẫu vậy.

Bây giờ, tôi có thể tưởng tượng một người chưa có từng trải bao nhiêu trong việc giảng dạy và muốn được chỉ dẫn ít nhiều về phương pháp, bảo rằng: "Giả sử tôi bắt đầu soạn một bài giảng. Tôi có câu gốc ở trước mặt, hay tôi đã quyết định một đề tài rồi, thế tôi phải làm sao nữa?" Vậy, chúng ta hãy chú tâm vào vấn đề này để minh họa nó bằng một vài bài giảng, đặt cơ sở trên câu gốc và một số khác đặt

cơ sở trên chủ đề. Chúng ta cần ghi khắc vào tâm trí ba bước đã được tập họp dưới cùng một tiểu mục, và điều này sẽ có thể giúp ích cho chúng ta trong việc hướng dẫn chúng ta đến với phương pháp tiếp cận. Đó là các bước giải thích, nhập đề và mục tiêu.

Trước hết, chúng ta hãy lấy bài giảng đặt cơ sở trên một câu gốc. Nói chung, chúng ta có thể tìm được một khởi điểm bằng cách vạch rõ bối cảnh hay mối liên hệ giữa nó với văn mạch, mà trong tiến trình giảng dạy thường được gọi là phần giải thích. Việc này có thể thực hiện bằng cách vạch ra mối liên hệ của câu gốc với phần sách trong đó nó được rút ra; thí dụ như: "Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài, ấy là trọn phận sự của ngươi" (Truyền 12 : 13). Ở đây, trước giả đang độc thoại về đời sống, đang kiểm điểm lại các hình thức khác nhau của tham vọng đang cầm quyền, kiểm soát các hoạt động của con người, và thử nghiệm phần giá trị tối hậu của các lý tưởng duy vật. Ông nhận thấy chúng vốn chẳng thể làm toại nguyện, và sau khi tỏ thái độ không thỏa lòng với những mục đích của trần thế, đưa ra như là cứu cánh cho cuộc đời, ông vạch rõ điều gì làm thỏa mãn được các nhu cầu của con người, và nói, "Chúng ta hãy nghe lời kết của lý thuyết này: Khá kính sợ Đức Chúa Trời và giữ các điều răn Ngài, ấy là trọn phận sự của ngươi." Như thế ý nghĩa của câu gốc được thấy trong mối liên hệ giữa nó với sách, có mục đích là trình bày một triết lý về cuộc đời. Hoặc một lần nữa, chúng ta có thể lấy

câu đã được chép trong Giăng 20:31, "Nhưng các việc nầy đã chép, để cho các ngươi tin rằng Đức Chúa Jêsus là Đấng Christ, tức là Con Đức Chúa Trời, và để khi các ngươi tin, thì nhờ danh Ngài mà được sự sống." Ở đây, có thể thấy được tầm quan trọng của câu gốc trong mối liên hệ của nó với cả sách Phúc-âm, tiết lộ chủ đích của trước giả, và cho thấy các sự kiện mà trước giả xem là đầy đủ để dẫn người ta đến với đức tin đặt vào Chúa Cứu Thế. Một thí dụ minh họa khác có thể dành cho mấy lời của Phao-lô trong Phil 4: 4 "Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn; tôi lại còn nói nữa, hãy vui mừng đi!" Sự thực những lời này là một phần của bức thư được viết trong nhà tù tại Rô-ma, do một người còn rất ít những gì thuộc về đời này viết lại để khích lệ, an ủi mình, và chứng minh về năng quyền và ảnh hưởng của đức tin người Cơ Đốc.

Hoặc một câu gốc cũng có thể được giải thích tùy theo vị trí của nó trong một chương sách. Câu nói của Chúa Giê-xu: "Đồng lúa đã chín vàng, sẵn sàng cho mùa gặt", tự nhiên đòi hỏi việc mô tả các hoàn cảnh mà câu gốc được nói ra, cho thấy nét tương phản giữa các đồng lúa xanh với mùa gặt thuộc linh được đem ra để so sánh. "Tôi phải làm chi để được sự sống đời đời", là câu hỏi của người quan trẻ tuổi nêu lên với Chúa Giê-xu. Đây là một câu Kinh Thánh rất quen thuộc và thật lạ lùng. Việc kiểm điểm lại tình hình, một lần nữa, sẽ là một phương pháp tiếp cận hết sức tự nhiên, vạch rõ cho

thấy của cải, cả khi được tiếp tay bởi tinh thần luân lý đạo đức, một sự kết hợp hết sức hiếm hoi, vẫn bỏ mặc cho chàng thanh niên nọ với tâm trạng không hài lòng về sự an vui của linh hồn mình. Hay nếu giới hạn nó chặt chẽ hơn nữa, một câu gốc có thể được giải thích mà chẳng cần nhờ vào việc kết hợp nó một cách đặc biệt với quyển sách nói chung hoặc với chương sách từ đó nó được rút ra. Những câu gốc như thế là những câu trong Thi thiên, nơi mà thường thường thì mối liên hệ duy nhất với văn mạch chỉ là thái độ tình cảm mà thôi. Một thí dụ khác nữa là trong sách Châm ngôn, nơi một số các châm ngôn được kết hợp lại với nhau mà chẳng cần có mối liên hệ hay sự nối tiếp sinh động nào cả. Trong các thư tín của Phao-lô cũng có thể tìm thấy nhiều thí dụ minh họa tương tự, nhất là ở phần cuối các bức thư, sau khi ông đã kết thúc phần viết về giáo lý và khuyên răn các độc giả. Nhiều trường hợp cũng có thể được tìm thấy trong cả Kinh Thánh, nơi một câu được rút ra khỏi vị trí của nó và được xem như độc lập đối với văn cảnh. Những khúc sách như thế thường hấp dẫn chúng ta do phần chân lý cố hữu của chúng, hoặc vì chúng diễn tả một hình thức tiết tấu hay nổi bật một tình cảm nào đó mà chúng ta muốn nhấn mạnh. Trong trường hợp gặp những câu gốc như thế, phương pháp tiếp cận sẽ có thể là một sự tham khảo về nội dung giáo lý của khúc sách hoặc chúng ta lý giải nó. Chúng ta hãy thử một khúc sách xem sao. Trong Thi 84:11 và ở phần sau của câu ấy, chúng ta đọc thấy: "Đức Giê-hô-va... ***sẽ chẳng từ***

chối điều tốt lành gì cho ai ăn ở ngay thẳng." Thế bây giờ tôi phải bắt đầu làm sao? Vâng, tôi sẽ tự hỏi tại sao câu gốc này lại khiến tôi chú ý? Tôi trả lời, vì nó trái ngược với ấn tượng về đời sống của nhiều người phục vụ Đức Chúa Trời, vốn khắc khổ u buồn. Khúc Kinh Thánh này nhắc nhở tôi rằng nó vốn là từng trải của sự vui vẻ hạnh phúc. Các phước hạnh tốt nhất của thiên đàng vốn dành cho những người thuộc về Đức Chúa Trời; chúng ta vốn có phước hơn con cái của các nhà triệu phú nữa. Ý này sẽ là phần đầu của đoạn nhập đề; nói cách khác, điều mà câu gốc ấy khiến tôi chú ý và đưa tôi đến chổ chọn nó, có thể là điểm mà tôi sẽ nhấn mạnh trong phần nhập đề cho một bài giảng.

Sau khi đã giải quyết xong bước thứ nhất là giải thích câu gốc, giờ đây chúng ta đến với điểm tiếp theo tạo nên phần nhập đề của mình. Thật ra, việc này gắn liền với vấn đề mà câu gốc đã gợi ý cùng những điều mà hội chúng quan tâm. Bây giờ, giả sử chúng ta cứ tiếp tục thảo luận về những khúc sách chúng ta đã dùng làm thí dụ minh họa. Chúng ta gắn liền Truyền đạo 12:13 với việc thảo luận của cả quyển sách, trong đó chúng ta đã tìm thấy nó. Bây giờ chúng ta sẽ tiếp tục chứng minh rằng mỗi cá nhân đều có một triết lý sống, như được bày tỏ bằng những gì người ấy quan tâm chú ý nhất; mặc dầu, rất có thể rằng người ấy vẫn chưa có đủ điều kiện để đề cao lối sống của mình bằng một từ ngữ có tính chất học thuật là "triết lý." Nói khác đi, là chúng ta

tiếp tục vạch rõ ý nghĩa của câu gốc đối với chính cuộc đời của chúng ta, đó là việc đặt tình cảm của câu gốc trong mối liên hệ với tư tưởng của mọi người, nhằm mục đích khai triển điều họ quan tâm chú ý trong đề tài. Hãy lấy thí dụ minh họa tiếp theo là Giăng 20:31, câu này nêu rõ chủ đích của sự mặc khải và tính chất đầy đủ của phần ký thuật làm nảy sinh đức tin, vì bởi nhờ đó mà có được sự cứu rỗi. Điều này kết chặt với với vấn đề về số phận con người qua thái độ của chúng ta đối với Chúa Cứu Thế. Một lần nữa, nó chỉ ra ý nghĩa về kinh điển đối với đời sống. Khúc sách trong Phi-líp vạch rõ năng quyền của đức tin nơi Chúa Cứu Thế, nhằm thắng hơn mọi khó khăn trần gian chính là điều mà người ta đang tìm kiếm cho đời sống. Trong tất cả các thí dụ trên, cùng một điểm đã được chứng minh bằng nhiều câu gốc khác, bước thứ hai là một phần thảo luận tổng quát lãnh vực tư tưởng của câu gốc đưa chúng ta vào, và điều quan tâm được triển khai bằng việc nêu rõ ý nghĩa của vấn đề một cách tổng quát cho mọi người.

Bây giờ chúng ta đến điều cần xét thứ ba trong việc hình thành phần nhập đề, là phát họa mục tiêu. Xin chúng ta xem lại lần nữa vài khúc sách đã được dùng làm thí dụ minh họa, lấy ra một ví dụ từ mỗi nhóm. Liên hệ với Truyền 12:13, thứ nhất chúng ta đã ghi nhận mối liên hệ giữa câu gốc với quyển sách; tiếp theo chúng ta đã gợi ý thế nào chân lý của khúc sách, là điều mà tất cả mọi người đều

quan tâm; và bây giờ chúng ta đến phần cuối, là vạch rõ mục tiêu nhằm chỉ ra đối tượng đặc thù là chủ đích của bài giảng. Mỗi một bài giảng đều có một mục tiêu. Gần như nó phải luôn luôn được nêu rõ. Trong những trường hợp như thế, nhờ các bước liên tục, chúng ta đi tìm một mục tiêu, bởi đó chúng ta mong được mọi người chấp nhận nhờ việc từ từ khai mở tư tưởng của chúng ta. Nhưng cả khi không có một mục tiêu nào được trực tiếp nêu rõ, thì trong tâm trí của diễn giả cũng phải luôn có một điểm rõ ràng, dứt khoát, mà mình muốn đưa ra. Câu gốc trong sách Truyền đạo, là một trong số những câu gốc có thể chuyển thành một mục tiêu tốt. Như mục tiêu có thể được vạch rõ như thế này, "Nhằm chứng minh rằng sự kính sợ và vâng lời Đức Chúa Trời, là lý tưởng cao đẹp nhất của cuộc đời." Tiếp theo đó, phần triển khai bài giảng phải chứng minh rằng điều đó là đúng, là thật. Nếu không có một mục tiêu, thì vấn đề thảo luận sẽ chẳng dẫn đến đâu cả và dầu ta có thể nói ra nhiều điều thật lý thú và có lẽ rất đẹp đẽ nữa, thì bài giảng vẫn không rõ ràng, dứt khoát và không tạo được ấn tượng lâu bền đối với tâm trí người nghe. Bây giờ, chúng ta hãy lấy một thí dụ từ nhóm thứ hai, là câu nói của Chúa Giê-xu: "Đồng lúa đã chín vàng, sẵn sàng cho mùa gặt." Khi hình thành phần nhập đề cho khúc sách này, trước nhất chúng ta chú ý đến việc giải thích câu, gốc căn cứ vào vị trí của nó trong văn mạch của chương sách; tiếp theo, chúng ta sẽ nêu rõ lợi ích của những lời ấy đối với chúng ta, vì câu nói của Chúa Giê-xu vẫn còn

nghiệm đúng; và thứ ba, chúng ta nêu rõ mục tiêu của mình bằng những lời lẽ thật dứt khoát, chẳng hạn như: "Hiện có nhu cầu cấp thiết về các nhân sự phục vụ trong các khu vực truyền giáo hải ngoại", hay "Đây là lời kêu gọi dành cho lớp người trẻ của Chúa Cứu Thế bước vào sự phục vụ." Cả hai câu trên đều có thể là những mục tiêu căn cứ trên câu gốc này. Nếu chúng ta lấy phần đoạn trong Thi 84:11, chúng ta ghi nhận một lý do khiến phần đoạn này có ý nghĩa, là ở chỗ nó trái ngược với quan niệm thông thường về ý nghĩa của đời sống người Cơ-Đốc. Tiếp đó, chúng ta ghi nhận rằng phần đoạn này có một lời kêu gọi cho mọi người chúng ta, vì nó chỉ ra con đường để được hưởng điều mà hết thảy mọi người đều tìm kiếm. Bây giờ, chúng ta đến chỗ phải vạch rõ câu kết luận mà chúng ta mong đạt đến, qua phần thảo luận của chúng ta, chẳng hạn như là: "Những điều tốt nhất trên đời là tài sản của con dân Chúa".

Trước khi từ giã phần nhập đề, thiết tưởng nên nói một lời về các câu gốc đã được thích ứng hóa. Khi được sử dụng như thế, chúng đã bị tách rời khỏi văn mạch và được gán cho một cách ứng dụng khác hẳn trong nguyên bản. Nếu những nguyên tắc tổng quát như vậy vẫn còn được áp dụng, thì trong những trường hợp như thế, tốt nhất là một dàn bài phải chỉ rõ sự kiện câu gốc sắp được sử dụng theo một chiều hướng (ý nghĩa) khác hẳn với chiều hướng trong Kinh Thánh, rồi sau đó giải thích cách

nó được sử dụng. Rất ít khi nếu không nói là chẳng bao giờ, người ta có thể dùng một câu gốc được thích ứng hóa mà không giải thích được cách thích đáng ý hướng mà người ta dùng nó.

Tiếp theo, xin chúng ta xét đến phương pháp xây dựng những nhập đề cho các bài giảng căn cứ vào một vấn đề, chớ không phải là một câu gốc. Những bài giảng như thế khá bất thường, nhưng ta có thể quan niệm vấn đề tại sao có khi ta chẳng có suy nghĩ rõ ràng về một câu gốc nào trong tâm trí cả, nhưng lại có cảm tưởng về nhu cầu phải giảng về một vấn đề nào đó. Vậy phải bắt đầu như thế nào? Ở đây, ta không thể giải thích câu gốc và văn mạch (bối cảnh) của nó. Các nhà truyền đạo trẻ thường giảng về những vấn đề bao trùm cả một lãnh vực hết sức rộng lớn, có lẽ vì lý do thận trọng, cho nên chúng ta hãy giải thích đề tài được chọn là "Sự cầu nguyện." Có một đặc điểm khác nữa của các nhà truyền đạo trẻ mà tất cả mọi người đều phải cảnh giác, là khi bắt đầu một đề tài như thế, thường họ đề cập việc thiếu cầu nguyện hay bất kỳ một phương diện tiêu cưcỳ nào có thể có trong đề mục của mình, rồi chê bai thái độ dửng dưng hiện tại ngay trước cửa sự chểnh mảng ấy. Thái độ tiêu cực ấy rất ít khi chứng tỏ được sự hữu dụng. Trong sự giảng dạy chúng ta cần phải tích cực, phải khích lệ, phải gợi ý để thúc giục mọi người có đức tin, phải nhen lên niềm hy vọng. Vậy chúng ta phải bắt đầu như thế nào với vấn đề cầu nguyện để giới thiệu cho phần

(nhập đề) nó? Tầm quan trọng hay ý nghĩa của đề mục thường tạo ra một khởi điểm tốt. Trừ khi vấn đề vốn bắt nguồn từ một biến cố hiện hành hay từng trải cá nhân, thì theo lẽ tự nhiên nó là điểm để bắt đầu. Nói khác đi, phải áp dụng cùng một phương thức y như điều đã được gợi ý khi ta dùng một câu gốc, ngoại trừ bước thứ nhất_ việc giải thích câu gốc_ sẽ không có. Thay vào đó, bài thuyết giảng sẽ được bắt đầu bằng vài nhận xét, lưu ý mọi người về vấn đề một cách tổng quát, sau đó mối quan tâm sẽ được khai triển bằng cách kể ra đặc tính của cuộc thảo luận. Như điều gợi ý trước đây đối với các câu gốc độc lập với văn mạch, có thể cũng có giá trị ở đây nữa, đó là điểm độc đáo của đề mục khiến người ta đặc biệt chú ý đến diễn giả, và cũng được chứng minh là một phương pháp thích hợp để giới thiệu cho hội chúng. Một khi đã nảy sinh được mối quan tâm đến vấn đề một cách tổng quát, việc tiếp theo là phải đưa ra một câu đề cập khía cạnh độc đáo của vấn đề cầu nguyện mà ta muốn nhấn mạnh. Điều này có thể được chứng minh bằng: "Vai trò của sự cầu nguyện trong đời sống của Chúa Giê-xu", hoặc "Sự cầu nguyện trong sinh hoạt của Hội thánh đầu tiên như đã được bày tỏ trong sách Công vụ", hay "Vị trí của sự cầu nguyện trong đời sống Phao-lô", hoặc "Cầu nguyện rất cần thiết cho công tác của Hội thánh thành công", hay bất kỳ phương diện nào của đề mục mà ta muốn thảo luận. Vậy phương pháp xây dựng một nhập đề vốn giống nhau cho một bài giảng dựa trên một vấn đề, hay bắt nguồn từ

một câu gốc, ngoại trừ không có bước thứ nhất, mà chỉ áp dụng cho bước thứ hai và thứ ba mà thôi.

Khi một nhà truyền đạo đứng trước các tín đồ của mình từ tuần lễ này sang tuần lễ khác, chẳng bao lâu, họ sẽ sớm biết được tính cách và quan điểm chung của ông ta. Điều này khiến cho công tác ngày càng gay go hơn nhằm kéo được và duy trì sự chú ý của họ, trừ phi nhà truyền đạo lần nắm vững dần tâm trí họ. Một nhà truyền đạo đặc biệt có nguy cơ làm mất sự chú ý ngay từ đầu bài giảng của mình, nếu sa vào thói quen cứ luôn nhập đề bằng cùng một cách nói giống nhau, như: “Câu gốc tôi chọn sáng nay là trongà”, hay “Đề tài của tôi tối nay là....” Những hình thức như thế, nếu trở thành thói quen sẽ là rất tầm thường, cất đi mọi dự đoán hoặc cảm thức trông mong chờ đợi, và tăng thêm khó khăn cho việc duy trì sự chú ý. Chẳng có gì giúp ích đem sự tươi mới đến cho phần đầu của bài giảng hơn là việc thay đổi phần hình thức. Chẳng cần gì “sốt dẻo” hay “giật gân”, mấy câu ngắn ngũi ban đầu phải gây được ngạc nhiên đến mức tối đa. Không có phần nào trong bài giảng lại dành một phạm vi rộng rãi cho tính sáng tạo, và có thể được thực hiện nếu ta có tinh thần chịu khó cộng thêm bất cứ trực giác nào của nhà hùng biện.

Trong khi chẳng có gì thay thế hay những gợi ý cho sáng kiến riêng của nhà truyền đạo trong vấn đề này, có lẽ vài gợi ý sau đây có thể giúp tìm ra con đường đi đến thành công. Một nhà truyền đạo

của Hội thánh Trưởng lão, khi giảng về chủ đề cấm rươụ đã nhập đề bằng cách kể lại một từng trãi mới đây của ông ta. Ông ta kể chuyện về một người say rượu. Ông mô tả tình trạng thảm hại đáng thương của người ấy. Nhiều người trong hội chúng vốn gốc người Tô-cách-lan. Ông làm nảy sinh cảm giác của sự thương hại, pha lẫn sự khinh thị. Rồi ông ta nói về điều khiến cho vấn đề trở nên đáng buồn gấp bội. Lúc ông ta nói chuyện với người say nọ, ông đã trả lời lại bằng một giọng nói mang âm điệu Tô-cách-lan. Đây là một nhập đề thật khéo. Ông ta đã kể lại một từng trãi riêng tư, là điều bao giờ cũng lý thú nếu nó không đề cao chính người kể chuyện, và được mọi người có thiện cảm với bài giảng ngay từ lúc mới được bắt đầu. Một nhật báo địa phương kể lại việc người ta mới phát giác một ngôi mộ của một người Da Đỏ, trong đó có nón, giày bằng da nai, dao nĩa, và nhà truyền đạo đã lợi dụng biến cố thời sự này là khởi điểm cho bài giảng của ông về đời sống tương lai. Một vị khác, lúc các vấn đề kinh tế đang gây rắc rối cho cả côyng đồng, đã giảng cho hội chúng của mình một bài giảng hoàn toàn tương phản với đề tựa "Sự bình an của Chúa Cứu Thế." Những điều đang chiếm hàng đầu trong tâm trí quần chúng bao giờ cũng là điểm dễ tiếp xúc nhất, nếu chúng được sử dụng khôn khéo và bén nhạy, nhưng kết lại, thành công trong vấn đề này tùy thuộc vào sáng kiến của nhà truyền đạo. Xin nhớ là mình cần phải khiến được cho người ta chú ý, và

một khi đã làm được như thế rồi, thì phải nổ lực tối đa để duy trì nó.

Trước khi kết thúc chương sách này, thiết tưởng cần đặt câu hỏi: "Phần nhập đề phải chiếm bao nhiêu thì giờ?." Điều này tùy thuộc thời lượng của bài giảng. Vì bài giảng vốn giống bất kỳ một bài diễn văn, giảng thuyết theo hình thức nào, ngoại trừ khi việc sử dụng câu gốc quyết định cho khởi điểm rồi, thì phần nhập đề của một bài giảng dài hai mươi lăm phút, phải chiếm cùng một thời gian với phần nhập đề của một bài nói chuyện hai mươi lăm phút về bất kỳ một đề tài nào khác. Nó không nên vượt quá năm phút – như là một quy luật – vừa đủ để thu hút sự chú ý, và phát triển mối bận tâm cần thiết cũng như tạo được bầu không khí thuận lợi cho việc thảo luận đề tài. Tuy nhiên, yếu tố thời gian không phải là điều quan trọng. Nó có một chủ đích thực tiễn, chớ không phải là một mục tiêu lý thuyết hay kỹ thuật. Nếu phải dành cho nó thì giờ dài gấp đôi để có được kết cuộc ta mong muốn, thì cứ lợi dụng nó. Phải hoàn tất chủ đích của bạn. Phải đạt cho bằng được mục tiêu, "phải đả thông nó." Người ta kể rằng, Spurgeon nhiều khi đi lạc đề để kể lại một câu chuyện hay thuật lại một giai thoại nhằm khiến cho một người trong đám cử tọa có thái độ dửng dưng trước đó phải chú ý, hay khiến mọi người hãy chú ý sau một phút lơ đãng, và ông đã bị chỉ trích là đã không bám sát chủ đề. Tuy nhiên, để đáp lại cho

lời tố cáo ấy, ông trả lời dù sao thì ông cũng vẫn "bám sát đối tượng" của mình đấy chứ.

Tuy nhiên, một khi đã đạt được mục tiêu qua phần dẫn nhập đã được sử dụng, xin đừng trì hoản mà phải đi ngay vào việc thảo luận vấn đề. Trong tác phẩm "The Theory of Preaching", Tiến sĩ Phelps có ví sánh phần nhập đề của bài giảng với khung cửa của một ngôi nhà. Thí dụ minh họa này gợi lên rất nhiều ý hay. Chúng ta không nên giữ thiên hạ lại quá lâu trước cửa, khi họ đang chờ đợi muốn vào trong nhà. Về một mặt nó không phải là cử chỉ tốt, mặt khác đó không phải là một truyền đạo pháp khôn khéo.

Câu Hỏi Chương 5

1. Chứng minh là có những yếu tố chung trong cách nhập đề cho các bài giảng dựa trên đề mục với những bài giảng dựa trên một câu gốc.
2. Trực giác của nhà hùng biện trợ giúp như thế nào để thay đổi hình thức của phần nhập đề?
3. Có lý do đặc biệt nào giải thích tại sao ngay những lời nói đầu tiên của một bài giảng phải thu hút được sự chú ý của mọi người hay không?
4. Theo ý bạn, có thể nào khiến cho mọi người lưu tâm đến mọi đề tài về tôn giáo hay không?
5. Có những nhận định tổng quát nào khiến có thể thay đổi thời lượng của phần nhập đề?

Chương 6

CÁC PHẦN CHÍNH

Các phần chính với việc triển khai chúng, hay phần thảo luận, như cách đôi khi thường được gọi là phần mở rộng đề tài. Những gì đã xảy ra trước đó chỉ là hiên cửa để vào nhà, cho nên bắt đầu từ sự việc này mà tầm quan trọng của các phần chính sẽ hiểu ra ngay. Khi ghi chú cho một bài giảng, điều hiển nhiên là chúng đã được dùng đến trên tòa giảng. Về tính chất, chúng phải là phần tóm tắc hay toát yếu cho cả bài giảng. Phần tóm tắc hay toát yếu này, một khi đã được xếp đặt hình thành nên bố cục, dưới các tiêu đề súc tích thì được gọi là các phần chính.

Nhưng ta có thể hỏi: Đâu là giá trị đích thực của các phần chính này? Phải chăng nó chỉ việc giữ theo hình thức, hay các phần chính vốn nhằm vào một chủ đích hữu ích? Xin chúng ta hãy xét qua tiến trình soạn một bài giảng. Ngay khi bắt đầu soạn thảo về bất kỳ một đề tài cá biệt nào, việc phải làm đầu tiên là thu thập tài liệu. Ta phải viết ra hai hoặc ba tiêu đề để xếp vào phía dưới chúng các ý niệm đã

thu thập được, hay là chỉ cần viết ra các sự kiện lúc chúng đến bất ngờ với tâạm trí, và chờ cho đến khi số tài liệu thu thập đã đầy đủ rồi, mới tập họp chúng lại theo đúng phần hình thức. Hoặc cũng có thể là ta phải trước nhất đọc tất cả các sách báo liên hệ đến chủ đề của mình, và chỉ viết ra những ý niệm mình nghĩ là sẽ có giá trị khi gặp chúng. Như vậy thì ta đã thu thập được số tài liệu mà mình muốn sử dụng. Tiến trình tiếp theo là phân loại và phân nhóm, có liên hệ với việc đưa ra một mục tiêu. Thế thì có gì xảy ra trong việc kiểm điểm lại vắn tắt tiến trình giảng dạy? Có nghĩa rằng, trước hết ta cần phải có các sự kiện, tiếp đó xếp chúng lại theo nhóm một cách hợp ly,Ô sao cho tất cả các phần chính đều là một trợ cụ cho tư tưởng rõ ràng. Hơn thế nữa, một khi các phần nhỏ hay các phần chính được liên kết lại với nhau, nghĩa là cả bài thuyết giảng đã được sắp xếp theo thứ tự. Tiếp theo đó, các phần ấy đều được nối liền với mục tiêu và thế là tất cả đều đã kết hợp lại với nhau. Vậy, tư tưởng rõ ràng, được sắp xếp cách thứ tự và có tính hợp nhất thì đạt kết quả chắc chắn khi ta có một bài giảng được xây dựng theo cách ấy, ngược lại, khi phương thức này không được noi theo, thì sẽ không có các kết quả ấy. Dầu sao thì vấn đề không phải là giá trị của việc người ta đã có được các phần chính; mà là khi đã có một mục tiêu dứt khoát, với phần tư tưởng rõ ràng, cộng việc sắp xếp các ý niệm hợp lý, thì kết quả tốt đẹp là điều dĩ nhiên. Đây là một phương pháp chẳng riêng gì cho tòa giảng mà thôi, nhưng là phổ biến cho mọi

hình thức thuyết giảng trước công chúng, khi tư tưởng đã được sắp xếp đâu ra đó, được tổ chức hợp lý và sẵn sàng để giới thiệu cho một đám cử tọa bình dân.

Một lợi điểm quan trọng khác nữa, khi có được các tài liệu cho bài giảng đã được tổ chức lại thành nhóm như thế, thì sự đòi hỏi ở nhà truyền đạo trong việc cố gắng nhớ bài giảng của mình, sẽ được giảm bớt đến mức tối thiểu. Sẽ là một gánh nặng khủng khiếp cho ông, nếu ông ta phải nhớ lại một số các ý niệm rời rạc, không tài nào kết hợp lại nổi bằng mọi thứ liên tưởng nào đó. Điều thường xảy ra trong việc giảng dạy khi thiếu mất sự sắp xếp này, ấy hoặc là những người có một đầu óc hợp lý viết ra thật nhiều, để rồi bị nô lệ ít nhiều cho những gì mình đã biết, hoặc là nếu họ chỉ nói mà không có sự ghi chú thì sẽ không có sự liên tục phải lẽ tự nhiên. Lẽ dĩ nhiên là về mặt lý thuyết, người ta không thể nào có được những ý niệm hoàn toàn cô lập, vì toàn thể hoạt động tinh thần của chúng ta đều bị buộc chặt vào nhau bằng thứ liên tưởng nào đó. Tuy nhiên đứng về mặt tương đối mà nói, thì quả thật, khi có một sự sắp xếp hợp lý nào đó của các ý niệm, tư tưởng của chúng ta mới không bị rời rạc, lộn xộn và vô hiệu quả. Mặc khác, khi nào tư tưởng sắp xếp phải lẽ, thì các ý niệm nối tiếp nhau thật tự nhiên như nước đổ trên đồi xuống vậy. Khi nổ lực tinh thần của ta được giảm bớt đến mức tối thiểu, thì phần năng lực dự trữ cho sự việc nếu xảy

ra khác đi sẽ được giải phóng, và được tập trung nhiều hơn vào những gì ta đang nói. Điều này giúp cho diễn giả diễn đạt được tự do hơn, nhờ đã suy nghĩ thông suốt mục tiêu của mình, lẫn nguồn năng lực của mình đã được giải phóng, giúp cho niềm vui giảng dạy sẽ tăng lên rất nhiều. Ta biết rõ con đường mình đang đi, biết rõ nơi đến, mà cũng biết rõ khi nào mình muốn đến tới nữa. Tất cả các nhà truyền đạo đều biết rõ sự khác biệt của cảm giác mà mình từng trải trước hội chúng, khi mình hoàn toàn làm chủ tư tưởng của mình, với những trường hợp như mình cảm thấy rằng mình đã không soạn kỹ bài giảng. Kinh nghiệm trước thật là thỏa lòng, thỏa dạ, kinh nghiệm sau thì chúng ta không thể dùng hình dung từ nào để mô tả nó cả. Cứ theo tỷ lệ thuận, khi ta làm cho các phần chính xác rõ ràng và cẩn thận thì nổ lực trí năng trên tòa giảng của ta sẽ được giảm bớt đến mức tối thiểu và từng trải thỏa lòng nảy sinh từ việc mình nắm vững được chủ để của mình.

Còn một lợi điểm tối quan trọng khác nữa cũng cần phải ghi nhận. Mục tiêu của việc giảng dạy là thuyết phục người nghe cải tà quy chánh. Nó phải nhằm mục đích thuyết phục. Bởi giây phút tâm trí chúng hợp lẽ, cộng một phần trình bày các ý niệm cách rõ ràng và đơn sơ, bao giờ cũng đem đến sự thích thú lẫn ích lợi cho người nghe. Tất cả chúng ta đều thích cách triển khai một đề tài được sắp xếp có thứ tự, mà đó là đề tài chúng ta đặc biệt quan tâm. Giờ đây, khi chúng ta đã sắp xếp tư tưởng cho riêng

mình trước khi giảng dạy, chúng ta cũng phải làm y như thế cho những người nghe. Nhiều khi chúng ta lắng nghe một diễn giả có tài đề cập một chủ đề gì đó, vốn là một vấn đề từng khiến chúng ta hoang mang, nhưng chỉ trong một giờ, hoặc có lẽ là ít hơn, các ý niệm của chúng ta về chủ đề ấy đãÔ được một dạng thức rõ ràng. Hay nói khác đi, chỉ trong một tiếng đồng hồ, diễn giả đã làm được cho ta điều mà bản thân ta đã không làm được cho mình sau nhiều năm. Kết quả đạt được đã trở thành niềm tin quyết ngay tức khắc cho chúng ta, nhưng chúng ta thường muốn ghi nhớ các diễn biến lý luận đã dẫn tới kết quả đó. Đâu là điều hữu hiệu nhất mà một diễn giả có thể làm để thực hiện được việc ấy. Đó chẳng phải là tập họp tư tưởng lại dưới một tiêu đề dễ nhớ, là các phần chính, hay các bước trong lý luận sao? Một khi đã ghi nhớ, thì các phần chính phải được nhắc lại cho người nghe, phần tài liệu cũng như phần khai triển của cả bài thuyết giảng. Một khi đã được vạch rõ và sắp xếp lại, chẳng những chúng tăng thêm niềm vui và năng quyền cho diễn giả, mà còn đem lại sự thích thú và sự lợi ích lâu dài cho thính giả nữa. Ở đây, chúng ta hãy nêu một thí dụ để chứng minh rằng việc này là thật. Chúng ta hãy lấy đề tài "Hạnh phúc bền vững", có thể có mục tiêu là "Người ta chỉ tìm được hạnh phúc bền vững trong Chúa Cứu Thế mà thôi." Chúng tôi xin gợi ý các điểm sau đây:

1. Mọi người đều tìm cầu hạnh phúc.

2. Mọi lợi ích trần gian đều có tính chất tạm thời.

3. Hạnh phúc tìm được trong Chúa Cứu Thế cũng bền vững với đời sống.

Khai triển các điểm trên tương đối khá dễ dàng, và phần tài liệu cho toàn bài giảng có thể được ghi nhớ dễ dàng chỉ bằng cách nhớ lại mấy câu trên.

Một câu hỏi cần lưu tâm ở điểm này là, "Các phần chính của bài giảng có cần phải được nhấn mạnh rõ ràng mỗi khi giảng dạy hay không?" Thế thì, có những trường hợp một hình thức phát biểu nào đó sẽ không nên nói ra. Trong một bài giảng nhắm vào tình cảm nhiều hơn là phần trí tuệ, thì bất cứ điều gì có vẻ như muốn kêu gọi sự chú ý cho một trường hợp như thế, để cho những gì được nói ra trở thành có giá trị lâu dài cho người nghe, các phần chính phải tạo được những ấn tượng mạnh mẽ, cũng như chúng đã được nêu lên cách rõ ràng. Tuy nhiên, chẳng có mấy bài diễn văn hay bài giảng, thuộc dạng đến độ lần ranh tư tưởng không thể đề cập được cách hoàn toàn rõ ràng. Điều cũng nên thường làm, là khi bắt đầu một phần chính mới của một bài thuyết giảng, nên gắn liền nó với phần đi trước, sao cho tính cách tiệm tiến của phần thảo luận có thể trở nên rõ ràng. Trong tất cả các bài giảng thuộc loại giáo lý hoặc nghị luận, cũng như hầu hết các bài giảng khác, hãy tạo ấn tượng một cách có hiệu quả bằng cách chỉ rõ các bước trong phần khai

triển tư tưởng. Điều này cũng thêm phần thích thú cho người nghe và giúp nhà truyền đạo dễ nhớ những gì đã được nói.

Với người chỉ mới bắt đầu giảng dạy, và nhiều người khác nữa chưa được thụ huấn một giáo trình tuyên đạo pháp có hệ thống; câu hỏi tự nhiên sẽ nảy sinh tại điểm này là: "Tôi phải làm sao để xây dựng các phần chính của một bài giảng?." Đây là một vấn đề quan trọng, và là một vấn đề cũng không phải là không khó khăn ngay cả những người đã từng viết nhiều. Sau khi đã quyết định chọn một đề tài rồi, chúng ta sẽ bắt đầu lập một bố cục, hoặc khác hơn, chúng ta thu thập tài liệu trước và lập bố cục sau? Lẽ dĩ nhiên là về mặt lý thuyết, người ta không thể lập một bố cục về một đề tài nào đó liên quan tới những gì mình chưa biết. Tuy nhiên, trong thực tế chúng ta rất ít khi hay chẳng bao giờ chọn một đề tài với một tâm trí hoàn toàn rỗng tuếch, mà thường là do sự quan tâm nảy sinh nhờ đọc một câu Kinh Thánh, hoặc nhờ một từng trải nào đó đã thúc đẩy chúng ta. Chủ đề được chúng ta biết hay không, chỉ theo nghĩa tương đối mà thôi. Cho nên khi cần trả lời cho câu hỏi trên, ta có thể bảo rằng cả hai phương pháp đều được áp dụng. Lắm khi, do chúng ta đã có đầy đủ kiến thức về vấn đề cần khai triển, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách lập bố cục, sau đó mới chọn tài liệu để triển khai các ý niệm của mình. Phương pháp này rất dễ bị chỉ trích là không khoa học, nhưng ta có thể biện minh rằng trong một

phạm vi rộng, nó sẽ giúp phương hướng và mục tiêu cho việc đọc hay nghiên cứu của chúng ta. Dầu sao thì phần đông quí vị truyền đạo đều tin quyết vào những vấn đề họ trình bày trên toà giảng, cho nên việc hình thành một đề tài, vốn được thực hiện bằng cách chọn lọc các sự kiện hơn là việc sưu tầm chúng. Niềm tin quyết tiềm ẩn sau các sự kiện sẽ tạo sức mạnh cho việc giảng.

Phương pháp thu thập tài liệu hoặc các sự kiện, trước bất kỳ một cố gắng nào nhằm xây dựng một bố cục thì khoa học hơn, vì cách tiếp cận phải lẽ, đúng đắn cho việc thảo luận bất kỳ một đề mục nào,là phải tập hợp các sự kiện, sau đó mới phân loại và sắp xếp chúng lại. Chẳng có gì để nghi ngờ việc làm này, vì đó là tiến trình đúng để bắt đầu bất kỳ một công trình nghiên cứu nào mà ta nhận thấy là mình đang có quá ít thông tin. Kế hoạch này thường được các tác giả tuyên đạo pháp gợi ý là phương pháp tiến hành đúng.

Rất có thể đa số người đã sử dụng cả hai phương pháp, tùy theo họ đang có ít nhiều kiến thức về đề tài cần khai triển. Khi có một bố cục tạm được xây dựng ngay lúc bắt đầu cuộc sưu tầm nghiên cứu, tâm trí bao giờ cũng phải chuẩn bị sẵn cho phần nhập đề của số tài liệu mới và bất ngờ. Rất có thể điều nầy chẳng những làm thay đổi bố cục, mà còn phải sửa đổi cả mục tiêu, và đưa tới chỗ phải đổi thay luôn điểm nhấn mạnh. Như thế, một bố cục lập ngay từ đầu có thể không được xem là một cái

khuôn để ta phải ép vào đó mọi tư tưởng, mà đúng hơn đó là một cách thử hay tính chất uyển chuyển, đến độ cuối cùng có thể được điều chỉnh đến với bất luận các sự kiện nào được khám phá thêm trong sự nghiên cứu của chúng ta.

Nhưng giả sử đề tài đã được quyết định rồi, mục tiêu đã được vạch ra rồi, và các tài liệu đã được sưu tập xong xuôi, thì nguyên tắc nào sẽ chỉ đạo việc sắp xếp và minh định các phần chính ấy? Vâng, trước hết chúng phải liên quan với đề tài, và có liên hệ trực tiếp với việc khai mở hay thể hiện mục tiêu. Cũng như trong văn chương, mỗi câu đều phải góp phần vào ý niệm được diễn tả trong một phân đoạn, và mỗi phân đoạn đều phải phù hợp với vấn đề thảo luận trong chương ấy, rồi tất cả các chương đều có liên hệ với toàn bộ quyển sách làm sao, thì cũng vậy, mỗi phần chính của một bài giảng phải tạo được một bước trong việc xác lập chân lý của mục tiêu. Nếu phẩm chất nầy bị thiếu mất trong các thành phần cấu tạo nên bài giảng, thì hoặc là vì các tài liệu vốn không phù hợp, hoặc vì chúng không được vạch đủ rõ trong các tiêu đề.

Tiếp theo, chúng phải có một sự triển khai hợp lý, hay vạch rõ diễn tiến của tư tưởng. Như tất cả mọi bài giảng đều phải có một phần mở đầu, một nội dung và một kết luận, thì mỗi phần đều phải có phần chuyển biến đi tới. Phần chính thứ nhất bắt đầu bằng sự thảo luận, và nó tiếp tục cho đến hết phần biệt riêng cho nó trong đề tài. Chỗ phần chính

thứ nhất chấm dứt, thì phần chính thứ hai phải tiếp tục thật hợp lý và đẩy mạnh tư tưởng về phía trước, mà không được lặp lại điều mà phần thứ nhất đã bàn cãi xong rồi. Khi có một tài liệu có thể đưa vào cả phần nầy lẫn phần kia, thì bài giảng bị mất đi cách sắp xếp phải lẽ, vì bất kỳ một sự kiện đặc thù nào cũng phải có một chỗ cho nó, và chỉ nên có một chỗ duy nhất mà thôi, trong phần khai triển đề tài. Cho nên mỗi phần chính phải dẫn tư tưởng tới gần hơn với điểm, mà ta nhắm vào làm mục tiêu của bài giảng hay nói khác đi, là gần hơn với phần bày tỏ cho chân lý của mục tiêu.

Cần lưu ý trong những bài giảng theo câu gốc, khi các phần của câu gốc tạo thành các phần chính thì diễn tiến của tư tưởng nhất thiết phải theo cùng một thứ tự như nó đã xuất hiện trong Kinh Thánh. Một thí dụ cho điểm này là trong bài giảng của Spurgeon, có nhan đề: "Đã thế nào. .. thì cứ thế ấy", đặt nền tảÔng trên Côlôse 2:6, "Anh em đã nhận Đức Chúa Giê-xu Christ thể nào, thì hãy bước đi trong Ngài thế ấy." Cách chia các phần chính của Spurgeon như sau:

1. Sự kiện được minh định: "Anh em đã nhận Chúa Giê-xu Christ"
2. Lời khuyên đưa ra: "Hãy bước đi trong Ngài thế ấy"
3. Kiểu mẫu giới thiệu: "Như anh em đã nhận Ngài"

Cần chú ý ở đây, phần thứ nhất của câu gốc nhằm nhấn mạnh cho phần thứ ba của bài giảng. Tại sao vậy? Vì mục tiêu của bài giảng quyết định cho thứ tự của các tài liệu. Nó được sắp xếp để tạo thành một lời kêu gọi người Cô-lô-se, duy trì lòng nhiệt thành từ đức tin nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu trước đó, làm khuôn mẫu cho sinh hoạt hằng ngày của họ. Vậy, dàn bài hợp lý là sử dụng các phần của câu gốc theo thứ tự mà chúng xuất hiện, để đưa phần thứ ba lên đầu dành chỗ cho tác động tâm lý. Tuy nhiên, phương pháp này không xung khắc với nguyên tắc mà chúng ta đã nhấn mạnh. Đây là một thí dụ về trường hợp nếu được phép dùng cách nói nghịch lý, thì phương pháp tâm lý trở thành hợp lý. Như thế, phương pháp hợp lý để đạt được tột đỉnh tâm lý, là dùng phần câu gốc cuối cùng để tạo tác dụng về phương diện tình cảm trực tiếp nhất.

Cùng một bố cục ấy của CH. Spurgeon, có thể dùng để minh họa cho phẩm tính quan trọng thứ ba cho mọi phần chính tốt khác. Chúng phải được trình bày càng đơn giản càng hay. Như trong bố cục trên ông nói: "Sự kiện được minh định, lời khuyên đưa ra và kiểu mẫu giới thiệu." Bút pháp đơn sơ bao giờ cũng có hiệu quả tốt, và không mang tính hình thức văn chương, hoặc cách nói nào có giá trị hay tầm quan trọng lớn hơn là khi xây dựng một bố cục. Thỉnh thoảng, chỉ cần một hoặc hai từ để ghi khắc một ý tưởng vào tâm trí. Thí dụ một bài giảng theo

câu gốc về đề tài "Sự sống phục sinh" trong Côlôse 3:1, 2 được gợi ý như sau:

1. Một lời thách thức: "Vậy nếu anh em được sống lại với Đấng Chirst"
2. Một lệnh truyền: "Hãy tìm các sự ở trên trời, là nơi Đấng Christ ngồi".
3. Một nét tương phản: "Đừng ham mến các sự ở dưới đất".

Tuy nhiên, tính cách giản đơn không hạn chế tiêu đề bằng một hoặc hai từ mà thôi. Lắm khi chúng có thể gồm những câu thật dài, vì điều này thường cần thiết để được rõ ràng. Với những bài giảng theo phương pháp suy luận, khi các phần chính gồm một loạt các suy luận rút ra từ một câu gốc, hầu như nhất thiết phải có đặc tính này. Trong một bài giảng của Maclaren đặt nền trên Gia-cơ 2: 23 "Ông còn được gọi là bạn của Đức Chúa Trời", năm điều suy diễn hay phần chính đã được đưa ra và được trình bày thành năm câu như sau:

1. Bạn hữu thì tin cậy và yêu thương nhau
2. Bạn hữu thì đối xử với nhau với thành thật, thân tình
3. Bạn hữu thì thích đáp ứng các ao ước của nhau
4. Bạn hữu hay tặng quà cho nhau
5. Bạn hữu thì nâng đỡ nhau.

Mỗi câu trên đây đều khá dài, nhưng câu nào cũng đơn giản và cần thiết cho loại triển khai này. Tuy nhiên, cùng một sự cân đối về dạng thức hay cách diễn đạt cần phải thực thi cách tốt nhất trong mức giới hạn của cùng một bài giảng, nghĩa là không thể có một phần chính chỉ gồm một chữ duy nhất, đến phần kế tiếp thì lại là một câu dài. Thưc tế, phần thực hành không có những dạng thức trái qui tắc, trừ phi ta không có trong tâm trí một khởi điểm hay mục tiêu rõ ràng. Trong các thuật ngữ, sự việc ấy thường do hậu quả của sự thiếu kém trong việc thiết lập "những phần chính cơ bản", hay cơ bản của một phần chính, như được gọi trong các từ lý luận. Khi có được sự đồng nhất hay cân đối trong cách đặt câu, nét dịu dàng, đẹp đẽ được thêm vào tạo cho vẻ quyến rũ của sự giản đơn. Nó thêm cho nét hào hoa của bút pháp sức hấp dẫn của cách trình bày, chẳng những đem đến sự thích thú tạm thời cho thính giả, mà còn giúp cho ấn tượng được lưu giữ lâu dài .

Phẩm chất thứ tư của việc chia các phần chính cho một bài giảng thật khéo léo, là các phần ấy phải là một mệnh đề trọn vẹn. Chúng ta từng ghi nhận là phải có một khởi điểm hợp lý, cũng như một điểm dừng lại thật rõ ràng, dứt khóat. Phần chính thứ nhất nên bắt đầu bằng sự thảo luận và cho phép nó dài đủ đến mức cần thiết, trong một giới hạn được tiêu đề định rõ. Phần chính thứ hai phải tiếp nối đúng ngay nơi phần chính thứ nhất đã dừng lại, và cứ thế cho các phần lớn tiếp theo đến khi phần

chính cuối cùng chấm dứt. Phải rõ ràng đối với tâm trí của nhà truyền đạo là mình đã hoàn tất được mục tiêu đã qui định.

Tóm lại, diễn tiến của việc này rất đơn giản, thế nhưng điều đáng ngạc nhiên về nó, ấy là có rất nhiều người có học vấn, thường xuyên giảng dạy, nhưng dường như lại thất bại thật đáng buồn khi ứng dụng các nguyên tắc sơ đẳng này. Điều dường như cần phải lưu ý, căn cứ vào tầm quan trọng của việc giảng dạy và cơ hội quý báu mà tòa giảng dành cho mình, ấy là đã có quá ít người lãnh hội được thật đầy đủ các đặc tính căn bản của những bài giảng thành công. Kinh Thánh vẫn luôn là cả một kho tàng phong phú như đã từ bao đời; hiện vẫn còn đầy đủ các nguồn tài nguyên cho từng trải hằng ngày của chúng ta, dồi dào chẳng kém gì trong quá khứ, nhưng chúng vẫn đang bị bỏ không cho đến khi nào chúng ta học biết được phương pháp sử dụng chúng.

Đến đây thì câu hỏi tự nhiên được đặt ra là, "Một bài giảng phải có bao nhiêu phần chính?." Ý niệm xưa cũ là phải có đúng ba phần chính chứ không được nhiều hơn. Tuy nhiên một dàn bài như thế là hoàn toàn độc đoán theo hình thức và giả tạo. Khi xếp nhiều bố cục lại với nhau, việc vẫn thường xảy ra là sẽ có ba phần chính, nhưng không phải vì việc đó đã được nhất định trước theo con số đòi hỏi ấy, mà vì chúng chu toàn được mục tiêu, và do vậy chẳng cần chi phải có nhiều hơn nữa. Trong thực tế,

con số ấy có thể là từ hai đến sáu. Rõ ràng là không thể có ít hơn hai, vì nếu chỉ có một thì lời khẳng định của nó sẽ trở thành đề mục, hay là lời tuyên bố, các phần phụ hóa ra thành những phần chính. Mặt khác, giới hạn của bài giảng dài hai mươi lăm phút, người ta chỉ có thể khai mở hay gọt dũa trau chuốt cho một con số giới hạn các lập trường, và nếu tăng con số ấy lên trên năm hoặc sáu, thì chỉ còn là sự liệt kê các quan điểm, chớ không có thể là mài dũa đẽo gọt chúng nữa. Thông thường sẽ có ba hoặc bốn tiêu đề chính cho mỗi bài giảng, nhưng trong mọi trường hợp đều do mục tiêu quyết định, vì sự hoàn tất nó luôn quyết định cho con số sử dụng.

Ở đây, thiết tưởng cần gợi ý đôi điều về vài loại bài giảng tổng quát, và việc chia các phần chính liên quan đến chúng. Trước hết có một loại bài giảng chỉ cần hai phần chính. Chúng được căn cứ vào những đoạn Kinh Thánh trình bày hai nét tương phản. Có thể thấy các thí dụ minh họa cho loại bài giảng này trong những khúc sách như phần cuối của 2Côrintôạ 4:18, "Vì những sự thấy được chỉ là tạm thời, mà sự không thấy được là đời đời không cùng vậy." Cũng có nhiều khúc Kinh Thánh khác nói về con đường khoảng khoát và đường hẹp, ngôi nhà xây trên tảng đá và ngôi nhà xây trên cát. F. W. Robertson có một bài giảng lý thú về loại này, không những chỉ là một mẫu bài giảng gồm hai phần, mà nó còn hấp dẫn vì phương pháp khai triển nữa.

Một nhà viết tuyên đạo pháp có tiếng, đã giới thiệu bốn điểm "thường xuyên": thường xuyên nuôi dưỡng một ý thức sống động hơn về những thực tại của bức thông điệp Phúc-âm; thường xuyên nuôi dưỡng thói quen tuyên đạo; thường xuyên nuôi dưỡng thái độ quen thuộc với các nguồn tài liệu; thường xuyên có sự hiện diện của một tiêu chuẩn giảng dạy thật cao.

THẦY BIỆT LẬP VÀ NGƯỜI THU THUẾ

(Lu-ca 18: 9-14)

Nhập đề: Bài giảng này là một công trình nghiên cứu hai loại người, vạch rõ nguy cơ của thói tự thị, tự mãn và giá trị của đức khiêm hạ.

I. TINH THẦN TỰ MÃN

1. Hài lòng với điều tốt mã. Ông ta kể ra các tội mà mình không phạm. (câu 11)
2. Hài lòng với các hành động theo nghi lễ, "Mỗi tuần tôi nhịn ăn hai ngày." (câu 12)
3. Tự thị tự mãn làm nảy sinh lòng khinh thường người khác, "Khác hẳn tên thu thuế kia" (câu 11)
4. Hài lòng dẫn đến đạo đức giả, "Lạy Đức Chúa Trời, tôi tạ ơn Ngài, vì tôi không phải như người khác." (câu 11)

5. Hài lòng dẫn tới việc cầu nguyện đầu môi chót lưỡi. Đây là một bài giảng cho Đức Chúa Trời nghe, chứ không phải là sự cầu nguyện.

II. TINH THẦN ĐAU THƯƠNG THỐNG HỐI.

1. Ý thức phạm lỗi. "Con là đứa tội lỗi"
2. Kêu xin được thương xót: "Xin thương xót con"
3. Thú tội: "Con là đứa tội lỗi"

Kết luận: Đâu là người mẫu cho bạn? Bạn có noi theo ngay bây giờ không?

Cách lập bố cục ở đây thật đơn giản. Ngay khi quyết định giảng về một đề tài như thế, sẽ chẳng có gì khó khăn trong việc liên hệ với các phần chính, vì chúng đều đã được quyết định cả rồi. Sự khéo léo trong một bài giảng như thế có thể nhìn thấy qua tài năng gợi lên được những loại người hiện đại, tương hợp với thầy biệt lập và người thu thuế, và dùng những suy diễn như thế để ứng dụng, hầu làm nảy sinh tinh thần tự xét mình nơi các thính giả. Thực hiện toàn hảo việc này là một nhiệm vụ vô cùng tế nhị, đòi hỏi phải có tài năng khác thường.

Với những người mới bắt đầu giảng dạy, hay những người gặp khó khăn trong việc xây dựng các bố cục, xin có một gợi ý có lẽ là có giá trị liên hệ với các bài giảng, đặt cơ sở trên những đoạn thuật sự. Cũng như với những đoạn Kinh Thánh mà các nét tương phản đã nằm ngay trong đó rồi, theo lẽ tự

nhiên, sẽ cho chúng ta "vay mượn" những bài giảng chỉ gồm hai phần chính mà thôi; có những đoạn thuật sự cũng sẵn sàng để được chia làm ba phần. Lẽ dĩ nhiên, cần phải hiểu rằng gợi ý này không hề ngụ ý bảo tất cả các đoạn Kinh Thánh ấy, đều phải chia ra thành đúng ba phần chính, không được nhiều hơn mà cũng không được ít hơn, như trường hợp có sự tương phản, mà chỉ ngụ ý bảo rằng với những ai cần được trợ giúp, thì luôn luôn có thể soạn ra một bài giảng gồm ba phần. Tất cả các đoạn thuật sự trong Kinh Thánh, đặc biệt với các sách Phúc âm và sách Công vụ đều có thể ứng dụng theo cách chia làm ba phần là: cơ hội, biến cố và hậu quả. Đó là những từ ngữ hết sức bao quát, có thể được sửa đổi theo từng đoạn ký thuật riêng rẽ được nghiên cứu, nhưng ba phần chính của đoạn ký thuật đó bao giờ cũng có thể có được. Bản tính của việc sửa đổi có thể thấy nhờ một thí dụ. Xin chúng ta lấy phần ký thuật về vị quan trẻ tuổi giàu có được chép trong Mác 10:17-31. Ba phần của bài giảng có thể chia thành:

1. Cuộc gặp gỡ
2. Cuộc đối thoại
3. Hậu quả.

Nếu muốn, các phần này có thể được mở rộng để gợi ý trực tiếp hơn đặc tính của mỗi phần như sau đây:

1. Cuộc gặp gỡ đầy phước hạnh.

2. Cuộc đối thoại đầy lý thú

3. Hậu quả đáng buồn

Một thí dụ khác nữa có thể đưa ra từ sách Công vụ (chương 16), nơi chúng ta có phần ký thuật về việc Phao-lô bị bắt giam rồi được thả tự do. Trong trường hợp này, cơ hội, biến cố và hậu quả có thể được chuyển thành bị bắt bị giam và được thả. Hay nếu muốn thì có thể diễn rộng thêm và có thể đưa ra như sau:

1 Cuộc bắt người bất hợp pháp

2. Vụ bỏ tù tàn bạo

3. Sự phóng thích vui vẻ

Lẽ dĩ nhiên, đặc tính của sự sửa đổi sẽ tùy thuộc vào mục tiêu, điểm nhấn mạnh cá biệt mà ta muốn dành cho phần thuật sự. Những thí dụ có thể được tiếp tục hầu như vô tận.

Dàn bài đơn giản này bao hàm rằng bạn phải làm cả phần ký thuật từ đầu chí cuối, ngắt nó ra thành nhiều đoạn phù hợp với việc tập hợp tài liệu. Khi sử dụng dàn bài này, ta có thể tránh được cho các bố cục có phần mặt ngoài rất giống nhau, bằng cách sửa đổi chúng căn cứ vào các câu đề cập những biến cố riêng biệt cho từng đoạn thuật sự.

Tuy nhiên, vẫn còn có cách triển khai bố cục sâu rộng hơn, liên hệ với các nội dung của từng đoạn sách. Việc này bao hàm trong cách đặt các tiêu

đề của bài giảng, không những chỉ nhắc lại bản tính của vấn đề được thảo luận, mà còn chi rõ thái độ của nhà truyền đạo đối với những gì đã được nói trong đó. Khả năng để thực hiện hoàn hảo điều này là dấu hiệu của thiên tài. Đây là một trong những nét đặc trưng gây kinh ngạc của các bài giảng của Maclaren. Sau đây là một thí dụ minh hoạ. Ông có một bài giảng nhan đề là: "Danh trên hết mọi danh", đặt nền trên Công vụ 2:36. Câu Kinh Thánh ấy chép rằng:"Vậy, cả nhà Y-sơ-ra-ên khá biết chắc rằng Đức Chúa Trời đã tôn Jêsus nầy, mà các ngươi đã đóng đinh trên thập tự giá, làm Chúa và Đấng Christ." Câu gốc đã được xử lý bằng một phương cách làm sáng tỏ ý nghĩa của những chữ "Giê-xu", "Chúa", "Đấng Cứu Thế", và ba phần chính của bài giảng được căn cứ vào ba "danh" ấy. Vậy có một cách để vạch rõ ba phần đó là:

1. Tầm quan trọng của danh "Giê-xu"
2. Ý nghĩa của danh "Chúa"
3. Sự diễn đạt của danh "Chúa Cứu Thế"

Tuy nhiên cách chỉ ra các phần như thế không đưa ra được đầu mối cho những gì nhà truyền đạo sắp nói trong phần thảo luận từng phần một, ngoại trừ việc chúng đều được minh định. Nhưng hãy chú ý cách chia phần của Maclaren.

1. Danh "Giê-xu" là tên của một người, và nói với chúng ta về một người anh em.

2. Danh "Chúa Cứu Thế" là tên của một chức vụ (chức danh), dẫn chúng ta đến với một vị Cứu tinh (Cứu Chúa).

3. Danh "Chúa" là tên chỉ phẩm giá và đưa đến trước mặt chúng ta một vị Vua.

Trong các tiêu đề trên, ý nghĩa của các các từ ngữ đã được minh giải thành một trong các phần chính. Cũng xin lưu ý vẻ cân đối lộng lẫy của các câu. Lắm lúc người ta phải nhìn thấy ích lợi của việc tạm giấu đi quan điểm của mình, để tạo ra một bầu không khí "hồi hộp", hay khi lập trường của mình tốt nhất cần được che giấu vì nhiều lý do khác, nhưng ngoài các vấn đề này, việc áp dụng phương pháp này sẽ là một lợi điểm lớn. Xin chúng ta hãy khảo sát những trường hợp được nêu lên ở trên và áp dụng phương pháp này. Trong trường hợp vị quan trẻ tuổi giàu có, bố cục được gợi ý như sau: Cuộc gặp gỡ, cuộc đối thoại, và hậu quả. Các từ ngữ ấy chỉ đơn giản chia phần cho đoạn thuật sự, nhưng không cho thấy gì về số tài liệu được đưa vào. Vậy, để đưa phần thảo luận vào, chúng ta hãy sửa đổi chúng bằng cách bảo rằng:

1. Vấn đề viên quan đặt ra cho Chúa Giê-xu

2. Cuộc đối thoại về sự sống vĩnh hằng

3. Viên quan không bằng lòng đáp ứng các đòi hỏi của Chúa Giê-xu

Phần thứ nhất cho biết những ai đã gặp nhau, điều gì khiến họ gặp nhau; phần thứ hai cho biết câu chuyện bàn về gì, và phấn thứ ba cho biết kết quả ra sao. Như thế, cả câu chuyện đã được tóm tắt trong các phần chính.

Tuy nhiên, những bài giảng gồm ba phần mà chúng ta đã thảo luận cho đến điểm này đều thuộc loại qui nạp (inductive), khi đoạn thuật sự hay một phần khá lớn của Kinh Thánh được dùng làm cơ sở cho bài giảng. Cũng còn một loại khác, đó khi một bài giảng được xây dựng chỉ trên một câu Kinh Thánh, hoặc có lẽ chỉ là một phần của câu Kinh Thánh mà thôi. Một gợi ý để giúp bạn trong loại bài giảng này, cũng được đưa ra trong phương pháp giảng theo một bản kinh văn rồi. Một thí dụ minh họa thuộc loại này đã được đưa ra trong một chương khác dưới nhan đề: "Đã thế nào... thì cứ thể ấy", khi chính các phần câu gốc được dùng làm cơ sở để chia phần. Có rất nhiều câu gốc có thể sử dụng theo cách đó. Sau đây là một thí dụ. Trong Thi 34: 5, chúng ta đọc thấy: "Chúng ngửa trông Chúa thì được chói sáng; mặt họ chẳng hề bị hổ thẹn." Sau đây là một bài giảng về "Một cuộc đời ngời sáng." Ba phần chính được gợi ý ngay:

1. Nguồn gốc của đời sống ngời sáng. "Họ ngửa trông Chúa"
2. Ảnh hưởng trên người ngửa trông Chúa. "Họ được chói sáng"

3. Phản ứng trước người thế gian. "Mặt họ chẳng hề bị hổ thẹn"

Nhưng có nhiều loại bài giảng không nằm trong số các loại vừa kể trên, và chẳng có cách nào để mô tả từng câu và từng loại bản văn có thể trước tiếp cận như thế nào, sao cho các phần chính đều trở thành rõ ràng. Phần trên đây chỉ nhằm nêu ra vài giúp ích nhất định cho những ai chỉ vừa mới bắt đầu, hoặc những ai đang gặp khó khăn trong công tác của mình, còn nắm vững được đủ loại bài giảng như thế sẽ là một trợ giúp lớn lao trong mọi nổ lực tuyên đạo.

Từ nội dung của chương sách này, chắc các bạn đã thấy rõ niềm tin sâu sắc của tác giả vào công tác giảng dạy giải kinh. Nghệ thuật này, hầu như đã bị đánh mất. Tuy nhiên, Kinh Thánh vẫn lý thú như tự nó bao giờ. Đó là bộ sách duy nhất chẳng bao giờ ngưng xuất bản. Theo sở thích của con người, thì Shakespeare và Milton không thuộc cùng một hạng với nhau. Những ai tưởng rằng thiên hạ chẳng còn quan tâm muốn nghe Kinh Thánh được giải nghĩa nữa, chắc chắn là đang hiểu lầm những ước ao khao khát của lòng người. Họ rất cần nó, nếu được trình bày một cách mới mẻ, sinh động, và giúp ích được cho người nghe. Niềm hy vọng duy nhất của nền văn minh chúng ta, là có được một kiến thức sâu nhiệm hơn về Kinh Thánh, và ứng dụng những lời truyền dạy của nó vào đời sống; và nếu Kinh Thánh càng được truyền dạy và giải nghĩa nhiều bao nhiêu,

thì giảng dạy cũng sẽ chu toàn được chức năng của mình càng đầy đủ hơn bấy nhiêu.

Câu Hỏi Chương 6

1. Nếu không minh định được các phần chính thì có thể có tư tưởng rõ ràng về một đề tài hay không?
2. Một khi đã chia phần cho bài giảng của mình thật rõ ràng, nhà truyền đạo còn được thêm niềm vui phụ trội nào nữa?
3. Tại sao các ẩn dụ của Chúa Giê-xu đều rất dễ nhớ? Hãy cho thí dụ minh họa cho câu trả lời của bạn.
4. Có mối liên hệ nào giữa nguyên tắc nằm ngay trong các ẩn dụ, với các phần lớn của một bài giảng tốt?
5. Tất cả các bài giảng có cần phải được khai triển thật hợp lý không?
6. Cho một thí dụ minh họa bằng một bố cục thật sinh động về chỗ khác nhau giữa cách triển khai hợp lý và tâm lý một bài giảng.
7. Cho một thí dụ minh họa về một bài giảng sinh dộng hay được chọn lọc, có một bố cục hội đủ các phẩm chất từng được đề cập và được xem là cần thiết để lập một bố cục tốt.
8. Bạn có cho rằng một bài giảng có đến tám phần là quá nhiều không? Nếu có thì tại sao?

9. Cho một bố cục sinh động về phần ký thuật nào đó của Tân Ước, trong đó chỉ cần có hai phần chính mà thôi.

10. Bạn đánh giá thế nào các bố cục bài giảng được đăng trên các tạp chí? Đâu là các nguy cơ khi sử dụng chúng?

Chương 7

KẾT LUẬN

Các phần chính và phần triển khai của bài giảng giúp hoàn thành mục tiêu. Thế tại sao cần có phần kết luận? Đây là phần của bài giảng nhằm kiểm điểm nhắc lại, hay đưa ra một lời kêu gọi cho sự ứng dụng chân lý của mục tiêu. Ưu hay nhược điểm của lời kêu gọi này, phần chính được quyết định là do tính cách rõ ràng mà mục tiêu đã được trình bày, và mức độ thành công mà bài giảng đã được truyền rao. Nó có ý nghĩa gì đối với nhà truyền đạo, nói khác đi là niềm tin của ông ta vào nó, cũng ảnh hưởng quan trọng đến sức mạnh của lời kêu gọi. Khi soạn thảo phần kết luận, nhà truyền đạo cần tư vấn: "Bài giảng này có thuyết phục được mọi người về chân lý của mục tiêu hay không, khi mà trước đó họ vẫn chưa tin và chẳng phải nghe bằng một tâm trí cởi mởi?." "Bài giảng này có thức tỉnh, thuyết phục tôi nếu tôi là một người lãnh đạm được nghe nó?." Trừ khi bản thân ông ta tin và tin thật mãnh liệt như thế, thì mới trông mong rằng nó sẽ thuyết phục được người khác. Nếu đó là lời kêu gọi phải sống thiện hảo hơn, thì phần quan trọng mà nhà truyền đạo phải thực hiện, là chính mình phải

sống theo cái lý tưởng ấy. Thiên hạ thường lý giải điều mà một người chia sẻ trên toà giảng, là căn cứ vào những gì người ấy đã làm. Một bài giảng về giáo lý hoặc lý luận có thể thành công nhiều hoặc ít, khi không có yếu tố về cá tính (của nhà truyền đạo) chen vào, tuy nó rất được ưa chuộng; nhưng muốn đưa thiên hạ đến chỗ chấp nhận và ứng dụng các lý tưởng luân lý, đạo đức và tôn giáo, đòi hỏi nơi nhà truyền đạo phải có cùng một cao vọng như thế. Cho nên, điều mà một người làm khi xuống khỏi tòa giảng rồi, ảnh hưởng rất quan trọng đến những gì ông ta đã làm lúc đứng trên đó. Ta phải có một niềm tin sâu sắc vào vấn đề ấy, và có cảm giác rằng nó có quan hệ sinh tử cho đời sống của mọi người, và như vậy mới giảng nó ra với lòng trông mong họ tiếp nhận sứ điệp. Trong các bài giảng của các sứ đồ, đã không có gì hiển nhiên hơn sự kiện này, đó là khi rao giảng, các vị điều trông mong thiên hạ tin nhận Chúa Cứu Thế. Chỉ khi nào có niềm tin quyết đó thì mới có được một kết luận tốt, vì kêu gọi người ta tin, và ứng dụng những gì bản thân chúng ta chẳng hề tin và áp dụng là điều vô lý.

Về mặt văn chương và tu từ pháp, phải có việc chuẩn bị chu đáo cho phần kết thúc của một bài giảng, vì tầm quan trọng của năm phút cuối cùng của một bài giảng vốn có tác dụng tương đương với cả thời gian của bài giảng. Nếu ta dành ra hai mươi phút để mài dũa, trau chuốt, chứng minh hay minh họa mục tiêu, và đã làm việc ấy thật hoàn hảo,

nhưng lại cẩu thả trong việc soạn phần kết luận chỉ chiếm có năm phút, thì thiên hạ sẽ ra về với cái cảm giác rằng đó chỉ là một bài giảng tầm thường. Mặt khác, giả sử bản chất của hai mươi phút đầu là nghèo nàn về phẩm, nhưng năm phút chót lại vô cùng lý thú, thì thiên hạ sẽ ra về và bảo rằng bài giảng thật hay, rằng nghe nhà̀ơ truyền đạo giảng thì chẳng thấy mỏi mệt chút nào, và họ sẽ rất lý thú dự đoán về bài thuyết giảng sau của ông ta. Một kết luận "yếu" bao giờ cũng để lại cho hội chúng một cảm giác dửng dưng, và phương pháp duy nhất để ngăn hậu quả ấy là phải cất đi nguyên nhân tạo ra nó. Không một nhà truyền giảng đạo đức nào được phép vô tâm, chểnh mảng đối với phần này của bài giảng mình. Cho dù ai đó cảm nghĩ gì về phần còn lại của bài giảng, một kết luận chẳng có gì hấp dẫn, lôi cuốn, thì nó cũng chỉ là một hỏng hụt, thất bại, không gây ấn tượng. Để tránh được điều đáng trách đó, có một vài phương pháp đơn giản có thể đem ra ứng dụng, để chúng ta tự cứu mình khỏi sự thất bại và cứu cử tọa ra khỏi sự thất vọng, chán nản.

Trong số nhiều phương pháp có thể sử dụng để giúp phần kết luận có giá trị thuyết phục, xin chúng ta lưu ý trước hết là phương sách ôn duyệt. Nguyên ngữ của nó cho thấy đây là việc nhắc lại các phần chính. Nếu các phần chính của bài giảng đã được vạch rõ và triển khai thật hợp lý, thì việc ôn duyệt hay xem xét lại, sẽ là phần tóm tắt, rút ngắn cả bài thuyết giảng. Mục tiêu là phần cô đọng của bài

giảng, và giờ đây nó phải được đưa ra bằng một hình thức nào đó để mọi người có thể lãnh hội, ghi nhớ, và tạo nó thành một giả thuyết để sẽ đem ra thực hành trong đời sống. Phương pháp này là trình bày trước hội chúng chỉ bằng vài câu từ tất cả những gì đã được nói, để sau khi tâm trí đã thấy được từng bước một phần khai triển, thì giờ đây họ có thể có được một cái nhìn thoáng qua và bao quát, tác dụng đang chồng chất lên nhau của cả phần thảo luận.

Ôn duyệt như một hình thức kết luận, phù hợp nhất với các bài thuyết giảng nghị luận, khi phải trình bày hợp lý một lập trường giáo lý hay nhân sinh quan nào đó. Sau khi đã trình bày một số luận cứ thì phương pháp tự nhiên nhất để nhấn mạnh, là tạo cho người nghe cảm giác là chúng vốn có liên quan chặt chẽ với nhau. Nói chung, trong các bài giảng thuộc loại này, vạch rõ mục tiêu và các bước tiến khác nhau của phần triển khai, sẽ rất có lợi. Với những loại bài giảng khác mà phương pháp ôn duyệt được áp dụng, nó sẽ nhẹ hơn về phần hình thức và nặng hơn về phương diện tu từ pháp, vì theo bản tính, nó thuộc vào điều mà Vinet gọi là phần tóm tắt hay duyệt xét tổng quát diễn biến của tư tưởng, chớ không phải là các bước theo hình thức của những gì được trình bày ra. Phương pháp này rất đơn giản, giúp diễn giả dốc toàn lực vào lời kêu gọi của mục tiêu.

Một phương pháp khác để có được một kết luận tốt, là sử dụng thí dụ minh họa. Kế hoạch này

có nhiều lợi điểm, và có lẽ là đơn giản nhất. Nếu đó là một sự tích hay một giai thoại thì rất dễ khiến mọi người chú ý, và như thế là diễn giả được toàn thể hội chúng chú ý tới chỗ được mong muốn nhất trong cả bài giảng của mình. Tiếp theo đó, kết luận là điểm đòi hỏi phải có sự xúc động cao nhất, mà một thí dụ minh họa cần đưa ra được lời kêu gọi trực tiếp và hữu hiệu nhất hướng về các cảm xúc, hơn hẳn mọi kế hoạch từng trình bày tư tưởng khác. Các thí dụ minh họa có thể rút ra từ sinh hoạt gia đình, các mối liên hệ giữa cha mẹ và con cái, cũng như các minh họa về lòng yêu nước, yêu quê hương bao giờ cũng gây được nhiều ấn tượng, nên dùng để kết thúc một bài thuyết giảng. Tình yêu đối với mẹ và đối với tổ quốc là hai lời kêu gọi chẳng bao giờ gây mệt mỏi cho con người ta, và các biến cố bắt nguồn từ hai tình yêu đó luôn luôn đánh thức được sự hưởng ứng thật hài hòa, nếu chúng ta có được lòng chân thành khi kể lại chúng. Cuối cùng, kết luận nhằm dẫn tới hành động, và những lời kêu gọi bằng thí dụ minh họa, bởi giá trị mang tính tình cảm của chúng, vốn có năng lực hơn tất cả.

Một phương pháp rất hữu hiệu khác nữa để kết thúc một bài giảng là sử dụng những câu trích dẫn được chọn thật kỹ và thật thích hợp. Tuy nhiên, những trích dẫn như thế phải được đọc thuộc lòng. Đọc phần cuối của một bản thảo viết tay một bài giảng, bao giờ cũng là nhược điểm. Khi biết sử dụng khéo léo, những trích dẫn từ các bài thánh ca và văn

thơ chọn lọc, bao giờ cũng là một kết thúc lý thú cho bài giảng. Khi phần trích dẫn diễn tả các tình cảm của mục tiêu, thì đó là một ưu điểm. Nhiều đoạn văn thơ trích tuyển vốn có cả giá trị về tình cảm lẫn sự phong phú của ngôn ngữ, và một khi thêm vào, chúng còn diễn tả được phần tình cảm của sứ điệp nữa, chúng hoàn tất được tất cả các yếu tố mà một kết luận tốt mơ ước.

Một phương pháp khác nữa được nhiều diễn giả và các nhà truyền đạo nổi tiếng sử dụng, là viết ra ba hoặc bốn câu cuối cùng của bài thuyết giảng. Như thế, chẳng những ta biết mình sắp chấm dứt ở đâu, mà còn biết là sẽ chấm dứt như thế nào nữa. Nó giúp được cho ta khỏi mò mẫm, tìm xem đâu là một chỗ tốt để kết thúc. Trong quyển sách mới đây, nhan đề "The Art of Preacing", của mình, Dean Brown nhận định: "Tôi muốn có bốn câu cuối cùng thật dứt khoát trong tâm trí để khỏi lâm vào hoàn cảnh cứ phải bay loanh quanh trên trời như một vài con quạ tuyệt vọng nào đó, cứ bay đi bay lại trên một hàng rào bằng các cọc nhọn, phí công tìm một chổ đậu thích hợp".

Câu Hỏi Chương 7

1. Tại sao việc soạn thảo phần kết luận lại quan trọng hơn bất cứ phần nào khác của bài giảng?
2. Phần kết luận phải nhằm mục đích gì?
3. Đâu là chỗ tâm lý để kết thúc một bài giảng.
4. Soạn một bố cục, với phần kết luận được viết ra trọn vẹn.

Chương 8

CÁC LOẠI BÀI GIẢNG

Các bài giảng có thể được phân loại theo nhiều cách, tùy chủ đích mà ta nhắm vào. Chẳng hạn có thể làm việc này tùy theo cử tọa sẽ nghe giảng, do đó, các bài giảng được xếp thành loại cho các tín hữu và cho những người chưa tin Chúa, hoặc dưới cùng một tiêu đề ấy, là những bài giảng cho thanh thiếu niên hay cho người lớn. Hoặc có thể căn cứ vào cơ hội sẽ giảng, mà các loại bài giảng sẽ là nhằm vào các dịp bình thường hay đặc biệt. Tuy nhiên, vì chủ đích là yếu tố chủ yếu trong cách phân loại, căn cứ có vẽ hữu ích nhất là cách sử dụng câu gốc. Điều này tạo khó khăn cho những bài giảng không sử dụng một phần đoạn nào trong Kinh Thánh, cho nên rõ ràng là chúng không thể được đưa vào phạm vi của sự phân loại này. Tuy nhiên, các bài giảng ấy có đặc tính của những bài giảng theo đề mục, nhắm vào các chủ đích thực tiễn, nên có thể được nhận ra với tư cách ấy.

Theo cơ sở đã gợi ý, các bài giảng có thể được chia làm bốn loại. Bài giảng theo bản văn, theo đề mục, giải kinh và suy luận. Chúng ta sẽ duyệt lại

từng loại một trong số vừa kể trên theo thứ tự đã nêu.

1. BÀI GIẢNG THEO KINH VĂN

Loại này là loại mà trong đó câu gốc là đề tài, và các phần của câu gốc được dùng làm các phần lớn của bài giảng. Xin nêu dưới đây một thí dụ minh họa cho các loại bài giảng ấy, bằng một bố cục của CH. Spurgeon mà chúng ta đã từng đề cập. Trong bài giảng này, ta có thể thấy các phần lớn của bài giảng được căn cứ vào các phần khác nhau trong câu gốc.

ĐÃ THẾ NÀO... THÌ CỨ THẾ ẤY

"Anh em đã nhận Đức Chúa Giê-xu Christ thể nào, thì hãy bước đi trong Ngài thể ấy"

(Côlôse 2: 6)

Nhập đề: Nhắc họ về từng trải lúc ăn năn quy đạo, được dùng làm nền tảng cho sự tiếp tục tận trung với Chúa Cứu Thế.

I. SỰ KIỆN ĐƯỢC MINH ĐỊNH:

"Anh em đã nhận Đức Chúa Giê-xu Christ"

1. Nhận vật được nhận: Chúa Cứu Thế Giê-xu
2. Chúng ta nhận Ngài theo đặc tính gồm ba phương diện: Đấng Cứu Thế, Giê-xu, Chúa

3. Trong hành động "nhận" ta từ bỏ bản ngã
4. Tính cách chắc chắn của từng trải ấy: anh em đã nhận (Ngài)

II. LỜI KHUYÊN ĐƯA RA

"Hãy bước đi trong Ngài thế ấy"

Bước đi trong những gợi ý về:

1. Đời sống
2. Sự liên tục
3. Hoạt động
4. Sự tiến bộ

III. KHUÔN MẪU GIỚI THIỆU

"Anh em đã nhận Ngài thế nào?"

Ngài đã được tiếp nhận như thế nào?

1. Như nhận một ân huệ
2. Một cách khiêm hạ
3. Đầy lòng vui vẻ
4. Một cách công hiệu
5. Không chút do dự

Kết luận: Chúng ta hãy tiếp tục biểu hiện các đức tính ấy trong sinh hoạt hằng ngày.

Sở dĩ các bài giảng mang đặc tính này có giá trị, là do cách chúng có thể được soạn thảo nhằm lý giải Kinh Thánh. Thiên hạ vẫn còn thích nghe giải

nghĩa Kinh điển và người giải Kinh Thánh sẽ không thiếu thính giả, nếu ông ta được ban cho đầy đủ ân tứ cho công tác như trong những cách giảng khác. Hội chúng vẫn thích nghe khi có người giải nghĩa các câu gốc quen thuộc, sao cho các phương pháp này cũng có nét hấp dẫn vì tính cách đơn giản, và kích thích việc đọc và nghiên cứu Kinh Thánh.

2. BÀI GIẢNG THEO ĐỀ MỤC

Với loại bài giảng này, câu gốc chỉ gợi ý cho đề tài mà thôi. Chẳng hạn như Hêbơrơ 11:1 chép: "Vả, đức tin là sự biết chắc vững vàng của những điều mình đương trông mong, là bằng cớ của những điều mình chẳng xem thấy", có thể dùng đề mục "Đức tin", nhưng ngoài việc gợi ý cho đề tài ra, nó không còn được dùng vào việc gì khác nữa. Bất cứ câu gốc nào trong số rất nhiều câu gốc khác cũng có thể được dùng cho đề mục chẳng hạn như, "Hãy có đức tin nơi Đức Chúa Trời." Trong một bài giảng thuộc loại này, đề tài thường là điều phát sinh ra bài thuyết giảng, còn câu gốc được dùng như là một điểm thứ yếu. Bố cục sau đây là một khuôn mẫu cho loại bài giảng này.

CHÚA GIÊ-XU LÀ ĐẤNG LẠ LÙNG

"Ngài sẽ được xưng là Đấng Lạ Lùng"

(Êsai 9:6)

Nhập đề: "Lạ lùng" là một hình dung từ ứng dụng rất thích hợp cho Chúa Giê-xu. Tất cả các giai đoạn của cuộc đời Ngài đều phi thường. "Tôi từng biết nhiều người và tôi sẽ nói với bạn rằng, Chúa Giê-xu không phải là một nhân vật bình thường. Tất cả những gì Ngài có điều khiến tôi kinh ngạc. Tâm Linh Ngài vượt xa tôi, còn ý chí Ngài thì khiến tôi phải xấu hổ. Người ta không thể đem Ngài ra để so sánh với bất cứ ai khác trên đời này. Quả thật Ngài là Đấng Tự Hữu" - Nã Phá Luân.

Ngài lạ lùng trong

I. SỰ GIÁNG SINH: Trên đời này, có rất nhiều điều mà chúng ta không thể hiểu nổi. Sự ra đời của Chúa Giê-xu là một thí dụ. Với Đức Chúa Trời thì mọi sự đều có thể thực hiện được.

II. CHỨC VỤ:

1. **Những lời truyền dạy: Lời truyền dạy của Chúa Giê-xu vượt trên uy quyền Môi-se.** "Các ngươi từng nghe", "Nhưng Ta nói cho các ngươi biết", "Tôi nghĩ rằng hệ thống luân lý đạo đức và tôn giáo mà Chúa Giê-xu đã để lại cho chúng ta, là hệ thống toàn hảo nhất mà thế giới từng được thấy hoặc có thể thấy được" -Benjamin Franklin.

2. **Các phép lạ: Các phép lạ của Chúa Giê-xu là phần cốt lõi của các đoạn thuật sự trong các sách Phúc-âm, mà nếu cất đi yếu tố siêu nhiên**

cũng là hủy diệt luôn phần thuật sự. "Tôi tin Chúa Cứu Thế Giê-xu là Con Đức Chúa Trời. Các phép lạ Ngài đã làm ghi khắc vào tâm trí tôi uy quyền của chính Ngài, và khiến tôi tin những gì Ngài từng khẳng định" – Daniel Webster.

3. **Sự vô tội: Sự vô tội của Chúa Giê-xu là một phép lạ trong lãnh vực luân lý đạo đức.** Trong Kinh Thánh, chỉ có một người duy nhất đã được giới thiệu là một con người trọn vẹn và thừa nhận cách tự đánh giá về chính Ngài. Tính cách của Ngài đã thách thức mọi lời phê bình, chỉ trích suốt hai ngàn năm qua.

"Sự vô tội của Chúa Giê-xu là phép lạ từ tột đỉnh đến tận gốc rễ, khiến cho tất cả các phép lạ khác trở thành đáng tin cậy; một phép lạ độc nhất vô nhị, tách rời Ngài khỏi mọi con người khác, một phép lạ thuyết phục chúng ta rằng tại điểm này hơn trong tất cả các biến cố khác, Ngài đã vượt trội lên tất cả từng trải của con người và bước vào môỵt lãnh vực vượt trên mọi tính toán của loài người"

"Nếu có người nào là Đức Chúa Trời hay Đức Chúa Trời trở thành người, thì Chúa Cứu Thế Giê-xu ở trong cả hai trường hợp đó"- Byron.

III. SỰ CHẾT - ĐẶC TÍNH KỲ DIỆU CỦA NÓ ĐƯỢC THẤY TRONG:

1. **Các tác nhân: Phái biệt lập–là những người được xem là đạo đức trong thời của Chúa Giê-xu.**
2. **Các hoàn cảnh: Chọn tha cho một kẻ sát nhân thay vì Chúa Cứu Thế.**
3. **Cách chịu đựng: Cầu nguyện cho kẻ thù mình.** Lạ lùng đến độ viên đại đội trưởng phải nói: "Quả thật người này là Con Đức Chúa Trời"

IV. SỰ SỐNG LẠI: Kỳ diệu đến độ các môn đệ Ngài cũng không hiểu nổi. Thô-ma nói: "Nếu mắt tôi không thấy dấu đinh trên bàn tay Chúa, nếu ngón tay tôi không sờ vết thương, nếu bàn tay tôi không đặt vào sườn Chúa, thì tôi không tin".

Kết luận: Tất cả các giai đoạn trong cuộc đời và công tác của Chúa Giêxu đều lạ lùng. "Chúa Giê-xu là con người không ai sánh kịp mà lương tâm nhân loại đã dành cho danh hiệu "Con Đức Chúa Trời", và như thế là công bằng. Cho dù trong tương lai, dầu có những điều gì gây kinh ngạc nữa, cũng chẳng có gì vượt nổi Chúa Giê-xu" - Renan.

Trên đây là một thí dụ minh họa rất hay về ưu và khuyết điểm của loại bài giảng này. Nó thuộc loại đặc biệt cho các nhà truyền đạo trẻ. Điều mà nhiều người trẻ tuổi e sợ, là họ không có đủ tài liệu để soạn thành một bài giảng, bởi vậy, họ hay chọn một đề tài khá bao quát. Do đó mà các đề mục như

"Cầu nguyện", "Đức tin", và những đề mục tương tự được chọn, khi đặt cho ba bốn tiêu đề bên dưới một đề tài bao quát, phần khai triển trở nên hết sức tầm thường. Thiếu tính sống động là nhược điểm nổi bật của các bài giảng theo đề mục. Phương pháp để tránh nguy cơ này, là thu hẹp môi trường, và tạo cho đề tài có chiều sâu chớ không phải là chiều rộng. Những gì mà trên bề mặt hầu như tất cả mọi người đều biết, thì họ vẫn chưa biết ở bên dưới còn có những gì. Như thế, có thể giới hạn đề tài "Đức tin" bằng "Đức tin là một yếu tố then chốt cho sự tiến bộ", hoặc "Những chiến thắng khải hoàn nhờ vào đức tin", là đề tài đòi hỏi phải có phần triển khai sâu nhiệm hơn là đề mục "Đức tin" mà không có một giới hạn nào.

Còn một nét đặc trưng đáng chú ý khác nữa trong bài giảng theo đề mục đã được minh họa trên đây là: Phương cách cho lối thuyết giảng tổng hợp thuộc loại này đã bao trùm một lãnh vực hết sức rộng lớn, có thể tạo nên hiệu quả. Bất cứ một phần nhỏ nào cũng có thể biến thành cơ sở cho một bài giảng. Cố gắng thảo luận chúng thật chi tiết sẽ là một công tác không tài nào thực hiện nổi. Tuy nhiên, mỗi phần đều chỉ được đề cập bằng vài lời ngắn ngủi, rồi một câu trích dẫn từ môât thẩm quyền nào đó được đưa ra để thay thế cho một phần thảo luận. Làm như thế, bài được đưa ra để thay thế cho một phần thảo luận. Làm như thế, bài giảng sẽ đầy đủ và bao quát, và những câu trích dẫn là sự

thay thế toàn hảo cho một sự thảo luận khác. Cũng cần lưu ý rằng toàn thể bài giảng chỉ được triển khai chung quanh từ ngữ "lạ lùng"

Đây là loại bài giảng dễ soạn nhất, và nói chung là loại bài giảng ít công hiệu nhất, vì nguy cơ thiếu tính sống động. Nó ít dùng đến Kinh Thánh hơn bất kỳ loại bài giảng nào khác, và khi đề tài bao trùm cả một lãnh vực rộng lớn thì sự đòi hỏi ở nhà truyền đạo chẳng là bao.

3. BÀI GIẢNG GIẢI KINH

Bài giảng giải nghĩa Kinh Thánh là loại bài giảng trong đó phần Kinh văn là đề tài, và toàn thể bài giảng là một cuộc thảo luận về nó. Phần Kinh Thánh có thể là nửa câu Kinh Thánh, trọn một câu, nhiều câu hoặc nguyên một chương. Tuy nhiên, lấy một đoạn Kinh Thánh và giải thích nó, thì không tạo ra được một bài giảng giải kinh. Một bài giảng là một đơn vị, phải có một mục tiêu, một vấn đề rõ ràng để thảo luận và toàn thể phần giải thích phải góp phần làm sáng tỏ vấn đề ấy. Dưới đây là một bài giảng giải nghĩa Thi Thiên 19, được thu gọn trong phạm vi có thể được mà vẫn còn giữ được phần ý nghĩa cao đẹp và nhất quán.

VÀI KHÍA CẠNH CỦA ĐẠO GIÁO

(THI THIÊN 19)

<u>Nhập đề: Một bài Thi Thiên để suy gẫm</u>

I. ĐẠO GIÁO TỰ NHIÊN

"Các từng trời rao truyền" chúng nói lên cho mọi người biết. Chúng rao giảng ra.

"Ngày này.. .. ***cho ngày kia" Không phải là những bài giảng dài hai mươi phút, hai lần một tuần, mà liên tục.***

"Tỏ sự tri thức" các bài giảng của chúng ta chẳng san sẻ được kiến thức cho người nghe; các nhà truyền đạo của thiên đàng "tỏ tri thức".

"Chẳng có tiếng chẳng có lời nói." Chúng không dùng lời lẽ, ngôn ngữ, nói, hoặc giảng như các nhà truyền đạo là những con người, nhưng bằng ngôn ngữ phổ quát.

"Cũng không ai nghe tiếng của chúng nó." Nét tương phản được thấy rõ một lần nữa. Chúng truyền giảng, dạy bảo mà không phải nói.

"Dây chúng nó bủa vây" Dây đàn hoặc dây cung. Tác dụng là "ban sự sống cho người sống" hoặc "đem cái chết cho kẻ chết"

II. ĐẠO GIÁO MẶC KHẢI

"Luật pháp của Đức Giê-hô-va là trọn vẹn" Nó là trọn vẹn cho chủ đích của nó - để tiết lộ, bày tỏ

Đức Chúa Trời ra, và để chỉ con đường sự sống cho loài người.

"Chứng cớ đức Giê hô va là chắc chắn." Cũng đáng tin một cách trọn vẹn vậy. Ngài "không phải là loài người mà nói dối." Lời Ngài cũng không phải cứ thay đổi "như chong chóng" như kiến thức của loài người.

"Làm cho kẻ ngu dại trở nên khôn ngoan." Sự khôn ngoan cao nhất mà thế gian được biết là sống hai hòa với ý chỉ Ngài.

"Giềng mối Đức Giê-hô-va là ngay thẳng." Luật pháp của loài người thường bất toàn, chỉ phản ảnh các tiêu chuẩn của những quốc gia làm ra chúng mà thôi. Luật pháp của Đức Chúa Trời thì hài hòa với cá tính Ngài.

"Làm cho lòng vui mừng" Làm theo ý chỉ Đức Chúa Trời là bí quyết để có được sự vui vẻ trong đời sống.

III. ĐẠO GIÁO CÁ NHÂN

"Các lỗi tôi không biết" Là các lỗi mà mắt loài người không nhìn thấy được. Tội lỗi từ trong tư tưởng.

"Cố ý phạm tội" Tội lỗi do đam mê.

"Tội trọng" Bị phân cách với Đức Chúa Trời.

Kết luận Phần suy gẫm kết thúc, khi mọi tư tưởng về Đức Chúa Trời chấm dứt, bằng một lời cầu nguyện cho đời sống được tốt đẹp hơn.

Bài Thi Thiên này là một tư tưởng hoàn chỉnh về chủ đề đạo giáo, được thảo luận theo ba quan điểm. Tuy nhiên, thay vì xem toàn bài Thi Thiên này như chỉ là một bài giảng, thì bất cứ một phần nào trong ba phần lớn đều có thể được dùng để làm một bài giảng giải kinh. Thí dụ mấy câu 7 -11 có thể được dùng dưới nhan đề "Các đặc điểm của lời Đức Chúa Trời." Phần triển khai sẽ vạch rõ lời Chúa vốn trọn vẹn, chắc chắn (c. 7), ngay thẳng, thanh khiết (c. 8), trong sạch, chân thật (c. 9), có giá trị ngọt ngào (c.10), hữu ích (c. 11) như thế nào. Các bài giảng giải kinh có cùng giá trị như các bài giảng theo câu gốc, ở chỗ chúng đều được xây dựng trên câu gốc của Kinh Thánh. Dầu sao thì cũng có biết bao nhiêu điều để giải thích cả trên cùng những phần đoạn rất quen thuộc như thế. Có hội chúng nào lại không phấn khởi lắng nghe sự giải bày về những khúc Kinh Thánh trên qua những người tin quyết vào Kinh Thánh?

4. BÀI GIẢNG SUY LUẬN

Trong trường hợp của bài giảng suy luận, phần khai triển gồm một loạt những suy luận rút ra

từ phần Kinh Thánh, bài sau đây của Alex. Maclaren sẽ minh họa cho điểm này.

SỰ BỘI PHẢN CHÚA (Mathiơ 26: 50)

Nhập đề 1. Câu Kinh Thánh là tiếng gọi cuối cùng của Chúa Cứu Thêã dành cho Giu-đa. 2. Câu Kinh Thánh cho thấy giới hạn mà Đức Chúa Trời đi đến để chinh phục con người, và thái độ ngoan cố của loài người đáp lại Ngài.

I. TÌNH YÊU THƯƠNG KIÊN TRÌ CỦA CHÚA CỨU THẾ

1. "Bạn" là một từ ngữ đầy biểu cảm nói lên sự thân quen, tình bạn.
2. Có ý nghĩa sâu nhiệạm hơn khi được Con Đức Chúa Trời sử dụng.
3. Tình yêu thương được mở rộng cho Giu-đa cũng không chối từ đối với chúng ta, cho dù chúng ta có làm gì đi chăng nữa.

II. TÌNH YÊU THƯƠNG VAN NÀI KHẨN KHOẢN CỦA CHÚA GIÊ-XU

1. Tội nhân nào không quay gót lại với tình yêu thương của Đức Chúa Trời thì đều được đổi thay. (Minh họa bằng từ ngữ Hi văn chỉ về sự "yêu thương" trong câu Kinh Thánh)

2. Đây là một lời quở trách nhẹ nhàng, dường như Chúa muốn Giu-đa nêu đích danh công việc ông ta sắp làm.

3. Suy gẫm về hậu quả của hành động xấu xa, gian ác, thông thường là ảnh hưởng kiềm chế.

III. TÌNH YÊU THƯƠNG CỦA CHÚA GIÊ-XU BỊ KHƯỚC TỪ

1. Bất chấp mọi lời kêu gọi, con người ta có quyền từ chối.

2. Giới hạn có thể bị trội hơn bởi những người có cơ hội thuận lợi nhất.

3. Tội lỗi có tính cách tiệm tiến. Trong đời sống của Giu-đa, các bước tiến của nó là:

a) Trách cứ Ma-ri

b) Ngã giá với các thầy tế lễ cả

c) Phản Chúa

Kết luận: Chặn đứng bước tiến của tội lỗi bằng cách tiếp nhận tình yêu thương của Đức Chúa Trời vào lòng.

Căn cứ vào câu Chúa Giê-xu hỏi Giu-đa, "Bạn ơi! ***vậy thì việc này mà ngươi đến đây sao?",*** ở đây tác giả đưa ra ba chuỗi suy diễn. Trước hết, ông chứng minh tình yêu thương kiên trì của Chúa Giê-xu. Trong tất cả những kẻ bất trung với Chúa Giê-xu, chắc chắn Giu-đa là kẻ tồi tệ nhất. Nếu Chúa Giê-xu có quở trách ai và được cho là đúng, thì kẻ ấy chính

là Giu-đa. Ngài đã không hề tỏ ra nóng vội, không hề quở trách, nhưng chỉ có một thí dụ minh họa cho sự kiện tình yêu thương của Chúa Cứu Thế có thể đi tới giới hạn cuối cùng, và vượt trội trên mọi sự hiểu biết.

Thứ hai, ông rút ra cách suy diễn rằng Chúa Cứu Thế đang khẩn khoản, van nài con người, và nếu tiếng gọi của Ngài vốn vô giới hạn thì chúng ta cứ tiếp tục phạm tội, và việc làm ấy vẫn không làm thay đổi tình yêu thương của Ngài. Khi tiếng "bạn" đến với tai Giu-đa, chắc một cảm thức xấu hổ phải tràn ngập trong lòng ông ta, khi ông thấy thầy mình đã phải khẩn khoản van nài mình như thế. Có lẽ đối với Giu-đa thì hầu như là Chúa Giê-xu đã hỏi rằng: "Ngươi dám làm thế sao Giu-đa?"

Suy luận cuối cùng là người ta có thể khước từ Chúa Cứu Thế cả khi đã biết rất rõ Ngài. Như thế nó ngụ ý rằng ngay cả với kẻ ít có lý do để tự bào chữa nhất, vẫn có thể có việc khước từ.

Các bài giảng suy luận là loại khó soạn thảo nhất trong tất cả các loại bài giảng. Thí dụ vừa nêu minh họa vài phẩm chất cần thiết. Nó cho thấy cách sử dụng phần Kinh Thánh thật tài tình, một cái nhìn sâu thẳm vào tận bản chất của con người, và một sự đánh giá đúng đắn bản chất nội tại của Đức Chúa Trời. Cách triển khai mỗi phần chính trực tiếp dẫn tới điểm nổi bật cho việc ứng dụng cá nhân. Chỉ có một nhà truyền đạo vĩ đại mới có thể xây dựng một

bài giảng như thế. Nguy cơ chính của loại bài giảng này là dễ đưa phần suy luận đi quá xa. Đúng ra nó không phải là suy luận, mà là sản phẩm của óc tưởng tượng thay vì là một sự suy diễn từ các phần Kinh Thánh hay hoàn cảnh lịch sử.

Tuy một vài loại bài giảng trong số các loại bài giảng vừa kể trên có thể có ưu điểm hơn một vài loại khác, thật ra điều mong ước là nên sử dụng tất cả các phương pháp ấy. Cứ đeo đuổi mãi cùng một phương pháp nào trong số đó mà thôi, sẽ tạo hậu quả là lời giảng nào cũng giống với bài giảng nào, hay cứ đều đều một cách đơn điệu. Tuy nhiên, cho dù có noi theo phương pháp triển khai nào, điềọu quan trọng là phải làm sao cho các bài giảng của mình được tươi mới và sống động, vì khi thiếu đi phẩm chất này, chúng sẽ là những sự thất bại, bất chấp phương pháp sử dụng có là gì.

Câu Hỏi Chương 8

1. Hãy soạn một bài giảng theo câu gốc.
2. Bạn thấy có những nguy cơ nào khi sử dụng các bài giảng theo câu gốc.
3. Sử dụng bài giảng theo đề mục được những lợi điểm gì?
4. Giảng một bài giảng theo đề mục có thể gặp những nguy cơ nào?
5. Điều gì là cần thiết cho việc soạn một bài giảng giải kinh lý thú?
6. Bạn có thể đưa ra một lý do nào để giải thích tại sao trong thời hiện đại, lại có rất ít bài giảng giải kinh không?
7. Tại sao các bài giảng suy luận rất khó soạn thảo?
8. Có thể nào có một bài giảng kết hợp, có một phần chính theo phương pháp giải kinh, một phần chính khác theo phương pháp suy luận, một phần chính khác theo đề mục, hay không?

Chương 9

SƯU TẬP TÀI LIỆU

Các nhà truyền đạo trẻ, chưa từng sử dụng một phương pháp sưu tập tài liệu nào cả, sẽ muốn biết vài phương pháp chủ yếu đã được sử dụng và gợi ý một số điểm liên hệ đến giá trị của mỗi phương pháp.

Ngay từ đầu, phải hiểu rằng mọi kiến thức đều hữu ích cho nhà truyền đạo, chẳng có điều gì về mặt thông tin dưới gầm trời này, lại không thể giúp ích được cho ông vào lúc này hoặc lúc khác trong công tác của ông. Thêm vào với bộ Kinh Thánh, các chủ đề khác như sử học, khoa học, tâm lý học, triết học, văn học, xã hội học, chính trị và kinh tế đều có chỗ đứng của chúng,

Tuy nhiên, kiến thức có giá trị không phải chỉ có trong sách vở, mà còn có thể thu nhận từ kinh nghiệm nữa. Ít từng trải nào của đời sống mà lại chẳng có ích lợi gì cho người có tâm trí mẫn cảm. Đi thăm người bệnh, đối thoại trong những chuyến du lịch, trò chuyện trong gia đình, đều cung cấp cho nhà truyền đạo tài liệu, để suy nghĩ về các nhu cầu

và vấn đề của đời sống, nhất là khi chúng có liên hệ với thế giới thuộc linh.

Tuy nhiên, chúng tôi chỉ muốn thảo luận ở đây về số tài liệu, có tính chất rõ ràng và đích thực, như việc cắt và lưu trữ những bài viết trong các nhật báo và tạp chí. Một vài hệ thống đồng bộ và thường xuyên nhằm lưu trữ chúng là điều nên làm, nên có, đối với tất cả các nhà truyền đạo. Chẳng những ta phải thu thập các bài báo ấy, mà còn phải giữ chúng theo một hình thức nào đó để có thể đem sử dụng ngay khi cần đến. Các bảng thống kê đặc biệt rất hữu ích, vì chúng đem đến tính sống động cho các bài thuyết giảng trong lãnh vực nghiên cứu sâu rộng; và bất luận một đóng góp thích hợp nào của các tạp chí định kỳ, các chủ đề về giáo dục, cấm rượu, ma tuý, yêu nước hay tôn giáo, đều hầu như chắc chắn là rất cần cho nhà truyền đạo vào một lúc này hoặc lúc khác. Thế thì, nhà truyền đạo phải lưu trữ các tài liệu ấy theo hình thức nào?

Phương pháp thứ nhất cần ghi nhận là hệ thống các phong bì lớn, có bảng mục lục theo chủ đề. Khi ta gặp một bài báo có giá trị trong các nhật báo hoặc tạp chí, ta cắt chúng ra và xếp chúng vào các phong bì ấy. Sau đó, khi cần tài liệu cho một bài giảng hay diễn thuyết, tất cả những gì phải làm là mở phong bì ấy ra và các tài liệu đều có sẵn trong đó, ta chỉ cần xem lại và sắp xếp chúng mà thôi. Việc làm này giúp cho tất cả những ai đăng ký mua các tạp chí định kỳ, chỉ cần xem chúng khi rảnh rỗi, rồi

cắt những bài nào mình cho là có giá trị cho công tác của mình. Như thế, đang lúc đọc báo, ta còn làm giàu thêm một cách có hệ thống cho kho báu mình sẽ dùng đến khi có cần. Khi đọc xong các tạp chí định kỳ trong lúc nhàn rỗi, ta cũng tự lưu trữ cho mình những gì tốt nhất, hay nhất để sẽ sử dụng trong tương lai, và nhờ cách làm này, ta giảm bớt được đến mức tối thiểu điều mà công tác soạn bài giảng và diễn thuyết đòi hỏi.

Một phương pháp thứ hai nữa, là giữ lại những ghi chú vụn vặt, vắn tắt trong một tập vở hay quyển sổ; chủ đích của việc là này là ghi lại những câu vắn tắt đề cập đến các sự kiện, những bài thơ, những trích dẫn lấy ra từ các thư từ giao thiệp có ý nghĩa luân lý đạo đức hoặc thuộc linh, hoặc bất cứ những gì khác đáng cho ta lưu trữ. Một quyển sổ lớn cỡ bằng tập lưu ảnh có thể được dùng cho chủ đích này, và với thời gian, nó sẽ trở thành cả một kho tàng đích thực về tư tưởng. Có thể áp dụng bằng cách phân loại tổng quát nào đó cho hệ thống này.

Rồi một kế hoạch thứ ba nữa, mà những người mua các tạp chí định kỳ có các tài liệu cho bài giảng và muốn lưu trữ các bài giảng hay, có thể noi theo. Hình thức này quá cồng kềnh để có thể giữ trong các phong bì. Muốn lưu giữ loại tài liệu này, ta có thể dùng những tập hồ sơ lớn bằng giấy bìa cứng hoặc bìa dày. Những tài liệu cắt ra sẽ được đánh số và xếp theo bảng mục lục theo câu gốc và chủ đề. Khi bắt đầu soạn bài giảng, nếu thuộc dạng câu gốc

thì tất cả những gì phải làm, sẽ chỉ là nhìn vào bảng mục lục để xem có loại tài liệu nào thuộc dạng khai triển mà mình muốn trình bày hay không. Hay nếu ông ta muốn giảng về đề tài, ông có thể nhìn vào bảng mục lục để tìm sự trợ giúp. Khi nào chỉ có quá ít điều trong bài giảng có thể sử dụng trực tiếp, thì hầu như bao giờ cũng có thể tìm được (nếu bài giảng đáng để cho ta lưu trữ) trong những bài giảng có cùng một chủ đề, những gợi ý hoặc thí dụ minh họa có thể giúp ích cho chúng ta. Kế hoạch này thoạt nhìn có vẻ khá hạn chế, nhưng theo từng trải nó có thể được nhắn nhủ như một trong những phương pháp tiết kiệm được nhiều thì giờ nhất, và là một phương tiện gợi được nhiều ý và rất có hiệu quả trong việc soạn bài giảng.

Ở đây, cũng xin gợi ý một kế hoạch khác nữa liên hệ đến việc đọc sách. Có người viết ngay ngoài lề các sách họ đọc, vì muốn không gặp khó khăn, rắc rối trong việc định rõ vị trí của những trích đoạn mà họ muốn sử dụng. Tuy nhiên, với các sách mượn ta chỉ cần ghi lại vài câu để trong tương lai, khi cần trích dẫn quyển sách ấy, ta có thể ghi lại xuất xứ thật chính xác, thật đặc thù. Một người ghi chú vài câu hay trích dẫn vài đoạn những quyển sách mình đã đọc rồi thì không phải là một vấn đề khó khăn gì lắm, và một khi chúng được chép vào một quyển sổ để ghi nhớ, thì chúng trở thành tài sản riêng vĩnh viễn. Xin viết lại điểm này bằng ngôn ngữ của một người khác:

"Khi đọc các tác giả, và bạn bắt gặp được những khúc sách đặc sắc đập vào tâm trí mình."

"Xin bạn đừng hài lòng với thị giác mà thôi"

"Nhưng hãy ghi chúng ra trên giấy trắng mực đen"

"Điều này đã được chứng minh là khôn ngoan"

"Để biến tư tưởng của một người khác thành của riêng mình"

"Nó đòi hỏi rất ít thì giờ, giúp ta biết đọc sách bằng óc phân biệt, và biết nói đâu ra đấy."

Phương pháp cuối cùng được gợi ý, là một phương pháp có giá trị chủ yếu cho các sinh viên và những người luôn luôn đi đây đi đó, hoặc thường xuyên dự các hội nghị. Đó là quyển sổ ghi chú bỏ túi. Nó được dùng để ghi vội vài thí dụ minh họa vắn tắt, các bố cục bài giảng, bài diễn văn, những câu nói trào phúng, những nhận xét và nhiều điều có giá trị khác nữa. Phương pháp này thường chứng minh là cả một kho tàng tư tưởng khi ta đi đây đi đó, hoặc khi ta phải xa nhà, do đó, không thể có được những nguồn tài liệu khác trong tầm tay. Điều chắc chắn là bất cứ ai có đời sống dành để tách rời lúa mì khỏi vỏ trấu và rơm rác, thì bao giờ cũng phải có một điều gì đó mới mẽ và lý thú để nói ra, nên không chỉ cần thu thập tài liệu để nhờ đó có óc chọn lọc thuộc linh, hầu có thể lưu trữ đầy đủ nhất những gì của quá khứ để sử dụng cho hiện tại, mà cũng cần đến cho tương lai nữa.

Trong khi thu thập tài liệu cho các bài giảng, điều quan trọng không phải là phương pháp, nhưng là chúng ta phải có một hệ thống nào đó. Sau khi đã quyết định giảng về một câu gốc hay đề mục nào đó, điều rõ ràng có thể giúp ích cho chúng ta là đến được một nơi lưu trữ nào đó, và tìm được đúng những gì chúng ta cần có về mặt tài liệu. Một người có thể làm thủ quỹ cho một ngân hàng và có rất nhiều tiền bạc đi qua tay mình, nhưng vẫn rất nghèo. Một nhà truyền đạo có thể đọc rất nhiều mà chẳng có phương pháp nào để giữ lại tài liệu ngoài những gì mình nhớ được, và khi cần, thì chỉ có rất ít hoặc chẳng có chi cả; trong khi một người khác có thể đọc và nhớ ít hơn, nhưng lại có cách dự trữ một nguồn trợ giúp luôn luôn hiện diện khi cần đến. Không phải những gì đi vào mẻ lưới đều có giá trị đáng kể, mà chỉ có những gì có thể giữ lại mà thôi.

Câu Hỏi Chương 9

Phương pháp sưu tập tài liệu nào quyến rũ bạn nhất? Nêu lý do khiến bạn chọn nó.